



MỸ
NHÂN
NGA

Thiên Lương dịch

Vladimir Nabokov

BOOK

vh

NHÀ XUẤT BẢN
VĂN HỌC

1714

Vladimir Nabokov (1899 - 1977),
đại văn hào gốc Nga, tác giả
Lolita - một trong các tiêu
thuyết hay nhất của nhân loại,
được coi là nhà văn của các
nhà văn, và cũng là một trong
số ít người sáng tác được bằng
cả hai thứ tiếng Nga và Anh.

Mỹ nhân Nga

COLLECTED STORIES

By Vladimir Nabokov

Copyright © 1965, 1966, Dmitri Nabokov

Vietnamese Language Translation copyright © 2016 by
ZENBOOK Co. Ltd.

This edition published by arrangement with
The Estate of Dmitri Nabokov, London, England.

All rights reserved.

TỔNG TẬP TRUYỆN NGẮN VLADIMIR NABOKOV QUYỂN 1

Công ty TNHH ZENBOOK giữ bản quyền xuất bản và
phát hành ấn bản tiếng Việt theo hợp đồng chuyển giao
bản quyền với The Estate of Dmitri Nabokov thông qua

The Wylie Agency (UK) LTD, 17 Bedford Square,
London WC1B 3JA, England.

Bất cứ sự sao chép nào không được sự đồng ý của
ZENBOOK đều bất hợp pháp và vi phạm Luật xuất
bản Việt Nam, Luật bản quyền quốc tế và Công ước
bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ Berne.

Vladimir Nabokov

Tổng Tập Truyện Ngắn
Quyển I

Mỹ nhân Nga

Thiên Lương dịch

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Lời người dịch

Vladimir Nabokov, đại văn hào gốc Nga, tác giả *Lolita* — một trong các tiểu thuyết hay nhất của nhân loại, được coi là nhà văn của các nhà văn, và cũng là một trong số ít người sáng tác được bằng cả hai thứ tiếng Nga và Anh. Trong thời kỳ đầu sự nghiệp, Nabokov viết chủ yếu bằng tiếng Nga, sau này, ông tự chuyển ngữ nhiều tác phẩm của chính mình qua tiếng Anh. Là người có quan điểm nghiêm cẩn về dịch văn học, và cũng là một dịch giả thiên tài, Nabokov luôn cho rằng trách nhiệm đạo đức của dịch giả là không được thêm bớt, sửa đổi tác phẩm gốc, và cũng do lo ngại về chất lượng bản dịch tác phẩm yêu quý nhất của mình, nên chính

Nabokov đã bỏ ra sáu tháng để dịch lại toàn bộ *Lolita* từ tiếng Anh qua tiếng Nga.

68 tác phẩm trong Tổng Tập Truyện Ngắn Nabokov phần lớn được viết lần đầu bằng tiếng Nga. Một phần trong số đó sau này được dịch qua tiếng Anh bởi chính Nabokov, một phần được ông dịch cùng người khác, và một phần do con trai ông, Dimitri Nabokov, dịch. Có những tác phẩm được Nabokov sửa đổi, bổ sung khá nhiều khi ông dịch qua tiếng Anh, và có những tác phẩm được dịch với sự chính xác rất cao. Điều đặc biệt này trong sự nghiệp Nabokov hóa ra lại vừa hay vừa khó với các dịch giả của ông, do họ luôn phải cân nhắc, lựa chọn xem nên dịch từ bản nào, và bản nào có thể coi là gần nhất với Nabokov. Tất nhiên, ở vị trí tác giả, Nabokov hoàn toàn có quyền thay đổi bản gốc khi dịch, thậm chí nếu ông có bổ sung và viết lại nhiều đoạn thì cũng không sao; nhưng những người dịch Nabokov lại không có được sự tự do như vậy.

Quan điểm của người dịch tiếng Việt bộ sách này của Nabokov rất đơn giản: chọn dịch theo ngôn ngữ mà Nabokov đã sáng tác. Nếu tác phẩm được chính Nabokov dịch qua tiếng Anh thì sẽ tham khảo cả hai bản Anh và Nga. Theo các nghiên cứu của người dịch và nhiều học giả

khác trên thế giới, thì mặc dù Dmitri Nabokov, con trai nhà văn, là một dịch giả xuất sắc, nhưng cũng không thể giữ được nguyên vẹn vẻ đẹp tác phẩm gốc của cha.

Tổng Tập Truyện Ngắn Nabokov được chúng tôi xuất bản thành 4 quyển, dự kiến hoàn thành trong vòng 3 năm. Trong Quyển 1 này có một số tác phẩm đặc biệt trong sự nghiệp vĩ đại của Nabokov, chẳng hạn “Dấu hiệu và Biểu hiệu” — truyện ngắn được đánh giá là hay nhất của không chỉ một mình Nabokov mà cả nền văn chương Anh Ngữ hiện đại; “Chị em nhà Vane” — một câu chuyện đầy ám ảnh với những câu đố phức tạp, ẩn chứa những đoạn văn vô cùng khó dịch với bất cứ dịch giả nào và với bất cứ ngôn ngữ nào; “Ma Cây” — truyện ngắn đầu tay của Nabokov, được viết khi ông mới 22 tuổi; “Cẩm nang du ngoạn Berlin” — một tác phẩm tưởng chừng rất đơn giản nhưng đã làm mất khá nhiều thời gian của Nabokov khi ông dịch nó qua tiếng Anh, và cũng là một trong số ít tác phẩm Nabokov mà bản dịch tiếng Anh có khá nhiều điểm khác biệt so với bản tiếng Nga; “Mối tình đầu” — chan chứa ký ức tuổi thơ tác giả, và sau này được ông đưa vào cuốn tự truyện “Nói đi, Ký ức” của mình. Các truyện ngắn còn lại cũng là những hòn ngọc lấp lánh muôn màu khác

nhau trong kho báu di sản văn chương Nabokov, là những cửa sổ hé mở cho ta thấy tâm hồn tác giả, giúp ta tiếp cận các tiểu thuyết lớn của ông, và cùng với *Lolita*, có lẽ chúng sẽ mang lại cho độc giả Việt Nam một thế giới mới, một thế giới đẹp đến đau lòng, của một nhà văn có số phận vô cùng đặc biệt, một nhà văn dường như đã phải gánh chịu mọi nỗi buồn, niềm đau, mọi xa hoa phú quý và nhục nhã ê chề, mọi vinh quang và cay đắng của quê hương ông, của thời đại ông, của thân phận con người.

Thiên Lương

Dấu hiệu và Biểu hiệu

I

Đây là lần thứ tư sau cũng gần ấy năm họ đối mặt với vấn đề: nên mang món quà sinh nhật nào cho chàng trai trẻ đang mắc căn bệnh loạn trí kinh niên. Cậu chẳng có ham muốn nào. Với cậu thì các vật thể do con người tạo ra hoặc là những tổ ong quái ác, bần bật rung cùng một thứ xung động hiểm độc mà cậu không thể nào đơn côi linh hội được, hoặc là những thứ tiện nghi thô thiển mà cậu không biết sử dụng vào đâu trong thế giới trừu tượng của mình. Sau khi bỏ qua vài vật phẩm có thể làm cậu khó chịu hoặc sợ hãi (chẳng hạn bất cứ thứ

gì thuộc dạng dụng cụ cũng bị cấm), bố mẹ cậu chọn món quà vật vô hại và ngon lành: một giỏ đựng mười loại mút trái cây khác nhau trong mười cái lọ nhỏ.

Ngày cậu ra đời, họ đã cưới nhau được một thời gian khá lâu; hai chục năm trôi nhanh, và giờ thì họ đã già lắm rồi. Mái tóc màu nâu xám của bà đã điểm bạc và được sửa soạn qua quýt. Bà mặc bộ đồ đen rẻ tiền. Không giống các phụ nữ cùng tuổi (giả dụ như bà Sol, hàng xóm nhà bên cạnh, người có gương mặt hồng và tím hoa cà do trang điểm, đội chiếc mũ là bó hoa ven suối), bà phơi gương mặt trắng bột trần trụi trước ánh sáng nghiêm ngặt của ngày xuân. Chồng bà, một doanh nhân từng khá thành đạt ở đất nước quê hương xưa kia, giờ đây phụ thuộc toàn bộ vào ông em trai Isaac, một người Mỹ thực thụ với gần bốn mươi năm định cư. Họ hiếm khi gặp ông ấy và đặt cho ông biệt hiệu "Hoàng Tử."

Thứ Sáu ấy, mọi chuyện không đâu vào đâu. Tàu điện ngầm bị mất điện giữa hai ga, và trong khoảng một phần tư giờ, người ta chẳng nghe được gì ngoài tiếng đập mẫn cán của trái tim mình cùng tiếng sột soạt của những tờ báo. Chiếc xe buýt họ phải đón để đi tiếp đã bắt họ đợi đến hàng thế kỷ; và khi nó đến, thì nó đã

bị nhồi nhét đầy ngôn ngữ học sinh trung học mồm mép tía lia. Trời mưa to khi họ bước theo con đường màu nâu dẫn đến bệnh viện tâm thần. Ở đó, họ lại phải chờ đợi; và thay vì cậu con trai lê chân vào phòng như cậu vẫn thường làm (gương mặt tội nghiệp của cậu lem luốc mụn trứng cá, nham nhở vết râu cạo ẩu, râu rĩ, bối rối), một cô y tá họ quen mặt, và chẳng quan tâm đến, cuối cùng cũng xuất hiện và vui vẻ giải thích rằng cậu lại vừa cố tìm cách kết liễu đời mình. Cậu đã ổn, cô nói, nhưng chuyển thăm viếng này có thể quấy rầy cậu. Nơi đây thiếu nhân viên một cách khủng khiếp, còn đồ đạc rất dễ bị thất lạc hoặc lộn xộn hết cả, thành thử họ quyết định không để quà lại văn phòng mà mang nó đến cho cậu khi họ quay lại đây lần sau.

Bà chờ chồng mở cây dù rồi sau đó khoác tay ông. Ông không ngừng hăng giọng, theo cái kiểu âm vang đặc biệt như ông vẫn làm mỗi khi phiền muộn. Họ đến trạm chờ xe buýt bên kia phố và ông xếp dù lại. Vài bước gần đó, dưới cái cây ướt sũng đung đưa, một con chim nhỏ xiu chưa đủ lông đủ cánh, nửa sống nửa chết, đang bất lực co giật trong vũng nước.

Suốt quãng đường dài đến ga tàu điện ngầm, bà với chồng không trao đổi nửa lời; mỗi khi bà liếc nhìn đôi bàn tay già nua của ông (tĩnh

mạch nổi phồng lên, làn da lốm đốm đồi mồi), đang nắm chặt và co giật trên cán chiếc dù, bà thấy nước mắt dâng lên và chỉ chực trào ra. Lúc bà nhìn quanh để cố thử nương tâm trí mình vào cái gì đó, thì bà bỗng hơi sốc, một cảm giác pha trộn giữa thương hại với ngạc nhiên, để ý thấy là một trong số khách đi tàu, một cô gái tóc đen có các móng chân đỏ bầm dơ dáy, đang khóc trên vai một phụ nữ lớn tuổi. Người phụ nữ này giống ai nhỉ? Bà ta giống Rebecca Borisovna, người có đứa con gái lấy một gã nhà Soloveichik — ở Minsk, nhiều năm trước đây.

Lần cuối cùng cậu cố gắng làm chuyện ấy, theo lời bác sỹ thì cách cậu thực hiện là một kiệt tác sáng tạo; lẽ ra cậu đã thành công, nếu như một gã bệnh nhân ganh ghét không nghĩ là cậu đang học bay — và ngăn cản cậu. Việc cậu thật sự muốn làm lại là khoét một lỗ trong thể giới của cậu và trốn thoát.

Hệ hoang tưởng của cậu từng là chủ đề của nhiều bài nghiên cứu công phu trong nhiều nguyệt san khoa học, nhưng trước đó rất lâu, bà và chồng đã giải đoán được nó rồi. “Chúng hoang tưởng liên hệ,” Herman Brink đã gọi nó như vậy. Trong những ca rất hiếm gặp này thì bệnh nhân hình dung rằng tất tần tạt mọi thứ xảy ra xung quanh hẳn đều chứa đựng những

ám chỉ úp úp mở mở tới cá nhân hấn cùng sự hiện hữu của hấn. Bệnh nhân loại trừ người thật ra khỏi âm mưu — do hấn tự coi mình là thông minh hơn rất nhiều so với người khác. Thiên nhiên diệu kỳ bí mật theo dõi hấn dù hấn có đi bất cứ nơi đâu. Những đám mây trên bầu trời dăm dăm truyền cho nhau, bằng những dấu hiệu chậm rãi, các thông tin cặn kẽ đến mức không thể tin nổi về hấn. Lúc màn đêm buông xuống, lũ cây cối khoa chân múa tay đầy vẻ ám muội, theo những mẫu tự cử chỉ, luận bàn về các suy nghĩ thầm kín nhất của hấn. Sỏi đá hay vết bắn hay đốm nắng tạo hình các mẫu hoa văn miêu tả theo cách thức khủng khiếp nào đó những thông điệp mà hấn buộc phải chặn được. Vạn vật là mật mã và hấn là chủ đề của vạn vật. Vài điệp viên là những kẻ theo dõi khách quan, ví dụ như các mặt kính và những vũng nước phẳng lặng; bọn khác, chẳng hạn những chiếc áo khoác trong khoang tủ kính bày hàng, là những chứng nhân đầy định kiến, những đao phủ máu lạnh; những kẻ khác nữa (nước chảy, bão giông) thì cuồng loạn đến mức điên dại, có quan điểm méo mó về hấn và hiểu nhầm một cách lỗ bịch về các hành vi của hấn. Hấn lúc nào cũng phải cảnh giác đề phòng và dâng hiến từng phút từng mẩu đời mình cho việc giải mã các gợn sóng của vạn vật. Chính thứ không khí hấn thở cũng được

lập chỉ mục và lưu trữ lại. Phải chỉ những mối quan tâm được hấn khêu lên chỉ giới hạn trong vùng môi trường ngay xung quanh hấn thì cũng không sao — nhưng, than ôi, chuyện không phải như vậy! Càng xa cách, những luồng đơm đặt man dại lại càng tăng âm lượng và dung lượng. Hình bóng các hồng huyết cầu của hấn, được khuếch đại lên hàng triệu lần, bay lượn trên những bình nguyên mênh mông; và xa hơn nữa, những ngọn núi khổng lồ cao ngất và vững chắc đến không thể chịu nổi đang đúc kết lại, theo thuật ngữ của đá hoa cương và những cây linh sam rên rỉ, chân lý tối thượng về sự tồn tại của hấn.

II

Lúc họ trời lên được khỏi tiếng sấm sét và bầu không khí hôi hám ở đường tàu điện ngầm thì những dư tàn còn sót lại của ngày đang hòa lẫn với ánh đèn đường. Bà muốn mua ít cá cho bữa tối, nên bà đưa ông cái giỏ đựng các lọ mứt, bảo ông đi về nhà. Ông đang bước lên chiếu nghỉ thứ ba của cầu thang thì chợt nhớ ra là ông đã đưa bà cầm chùm chìa khóa của ông vào lúc đầu ngày.

Ông lặng lẽ ngồi trên những bậc thang và lặng lẽ nhóm dậy khi khoảng chục phút sau bà về, nặng nề lê bước lên gác, cười thiếu não, lắc đầu phê phán sự ngờ nghệch của mình. Họ bước vào căn hộ hai buồng của họ và ngay lập tức ông đi về phía tấm gương. Vừa kéo hai khoe miệng mình banh ra bằng các ngón tay cái với vẻ mặt nhăn nhó như chiếc mặt nạ khủng khiếp, ông vừa tháo hàm răng giả mới tinh bất tiện đến tuyệt vọng và ngắt đứt những cái nanh nước dài dài thướt nổi kết ông với nó. Ông đọc tờ báo tiếng Nga trong lúc bà bày biện bàn ăn. Vẫn không ngừng đọc, ông nuốt những món ăn nhợt nhạt không cần đến răng. Bà hiểu tâm trạng ông và cũng lặng thinh.

Khi ông đã đi nằm, bà vẫn còn ở lại trong phòng khách với bộ bài tây nhem nhuốc và những cuốn album cũ kĩ. Bên kia cái sân hẹp nơi mưa rơi lạnh canh trong bóng tối lên những thùng đựng tro méo mó, các cửa sổ ngời sáng dịu êm và qua một trong số chúng, có thể nhìn thấy một người đàn ông mặc quần đen với hai khuỷu tay để trần giơ lên cao đang nằm ngửa trên chiếc giường bừa bộn. Bà kéo rèm cửa xuống và ngắm nghía các tấm ảnh. Lúc còn bé, nhìn cậu có vẻ ngạc nhiên hơn phần lớn những đứa trẻ khác. Từ nếp gấp trong cuốn album, cô

hầu người Đức họ từng thuê ở Leipzig và vị hôn phu mặt bệu của cô rơi ra ngoài. Minsk, Cách mạng, Leipzig, Berlin, Leipzig, mặt tiền một ngôi nhà xiêu vẹo mất nét tẻ nhạt. Bốn tuổi, trong công viên: đăm chiêu, bẽn lễn, với cái trán nhẵn, đưa mắt ngó lơ con sóc háo hức, hết như cậu vẫn lảng tránh bất cứ thứ gì khác lạ. Dì Rosa, một bà già nhặng xị, gầy gơ xương, mắt dài dại, sống trong một thế giới run rẩy rặt những tin xấu, nào phá sản, nào tai nạn tàu xe, nào sự bùng phát bệnh ung thư — cho đến khi bọn Đức lừa dì vào cũi chết, cùng lúc với tất cả những người mà dì vẫn lo lắng. Sáu tuổi — đó là khi cậu vẽ những con chim phi thường với đôi tay và đôi chân người phàm, và chịu đựng chứng mất ngủ như một gã đàn ông trưởng thành. Anh họ cậu, giờ là kỳ thủ nổi tiếng. Lại là cậu, khoảng tám tuổi, đã khó hiểu, sợ giấy dán tường hành lang, sợ một bức tranh nào đó trong cuốn sách đơn thuần cho người ta thấy phong cảnh đồng quê với những khối đá trên sườn đồi và chiếc bánh xe thồ cũ kĩ treo trên cành một cái cây trụi lá. Mười tuổi: năm họ rời khỏi châu Âu. Nỗi hổ thẹn, lòng trắc ẩn, cảnh túng bấn nhục nhã, những đứa trẻ cá biệt, xấu xí, hư hỏng mà cậu phải học cùng tại cái trường đặc biệt ấy. Và rồi thời gian ấy trong đời cậu, đến cùng lúc với thời kỳ dưỡng bệnh kéo dài sau khi bị viêm phổi, lúc

các ám ảnh bé bỏng ấy của cậu, những ám ảnh mà cha mẹ cậu cứ ngoan cố xem như tính lập dị của một đứa trẻ thiên tài phi thường, kết lại, có thể nói là, thành mớ bùng nhùng chặt cứng các ảo giác tương tác lô-gích, làm cho cậu hoàn toàn không thể tiếp cận được với các trí não thông thường.

Bà chấp nhận tất cả những chuyện này, và cả nhiều chuyện khác nữa — bởi lẽ, rốt cuộc thì, sống nghĩa là chấp nhận đánh mất hết niềm vui này đến niềm vui khác, thậm chí trong cảnh của bà thì đến niềm vui cũng chẳng có — mà chỉ là những triển vọng sáng sủa hơn thôi. Bà nghĩ về các đợt đau nhức liên miên do nguyên nhân nào chẳng rõ mà bà và chồng đang phải chịu đựng; về những quái vật khổng lồ vô hình vẫn hành hạ con trai bà theo những cách thức nào đó không thể tưởng tượng nổi; về sự mong manh nhiều không đếm xuể trên trái đất này; về định mệnh của những mong manh ấy, những thứ sẽ bị nghiền nát hoặc bị quăng đi, hoặc bị làm cho biến thành điên loạn; về những đứa trẻ bị bỏ rơi ư ử tự hát cho mình nghe ở các góc phố không ai quét dọn; về những cây cỏ dại tuyệt đẹp không giấu được mình khỏi bác nông dân và phải bất lực dõi theo bóng dáng gù như khỉ của bác bỏ lại những bông hoa xơ xác theo các bước

chân, tựa như bóng tối hắc ám góm guốc đang tiến đến gần.

III

Đã quá nửa đêm khi, từ phòng khách, bà nghe thấy chồng mình rên rẩm; và ngay sau đó, ông loạng choạng bước vào, khoác ra ngoài bộ đồ ngủ của mình một cái áo choàng cũ cổ lông cừu non mà ông vẫn ưng hơn chiếc áo choàng tằm màu xanh lam rất đẹp.

“Anh không thể nào ngủ được!” ông than vãn.

“Sao vậy,” bà hỏi, “sao anh lại không ngủ được? Anh mệt thế cơ mà.”

“Anh không thể ngủ được vì anh đang hấp hối,” ông nói, và nằm xuống đi vắng.

“Có phải do dạ dày không? Anh có muốn em gọi cho bác sỹ Solov không?”

“Không cần bác sỹ đâu, không cần bác sỹ,” ông rên rẩm, “Quý tha ma bắt bọn bác sỹ đi! Ta phải nhanh chóng mang nó ra khỏi nơi đó. Nếu không thì ta sẽ phải chịu trách nhiệm... Phải chịu trách nhiệm!” ông nhắc lại và lật người qua

tư thế ngồi, hai chân đặt trên sàn nhà, đấm bàn tay nắm chặt lên trán mình.

“Được rồi,” bà khe khẽ nói, “sáng mai ta sẽ đưa nó về nhà.”

“Anh muốn uống chút trà,” chồng bà nói và lách mình vào phòng tắm.

Khó nhọc cúi người xuống, bà gom lại mấy lá bài và vài tấm ảnh bị tuột xuống sàn nhà — cây bồ cơ, cây chín pích, cây xì pích, cô hầu Elsa cùng với gã trai đóm đáng dâm dăng của ả.

Ông vừa quay lại với tâm trạng phấn khích, vừa nói lớn tiếng:

“Anh đã tính xong hết rồi. Ta sẽ nhường phòng ngủ cho nó. Mỗi người chúng ta sẽ qua một phần đêm bên cạnh nó và phần còn lại trên chiếc đi văng này. Thay phiên nhau. Ta sẽ nhờ bác sỹ thăm nom nó ít nhất là hai lần mỗi tuần. Kệ cho Hoàng Tử nói gì thì nói. Dẫu sao thì ông ấy cũng chẳng kêu ca gì đâu, bởi sẽ đỡ tốn tiền hơn.”

Điện thoại đổ chuông. Thường nó chẳng bao giờ đổ chuông vào giờ này. Chiếc dép lê chân trái của ông tuột đầu mất và ông mò mẫm tìm nó bằng gót với ngón chân trong lúc đứng ngay giữa phòng, há cái miệng không răng về

phía vợ một cách rất trẻ con. Do bà thạo tiếng Anh hơn ông, nên bà là người trả lời điện thoại.

“Có thể cho tôi nói chuyện với Charlie được không ạ,” giọng nhỏ nhẹ buồn buồn của cô gái nào đó nói với bà.

“Cô muốn gọi số nào thế? Không phải. Cô gọi nhầm số rồi.”

Bà nhẹ nhàng đặt ống nghe xuống và đặt tay lên trái tim già mệt mỏi.

“Nó làm em sợ quá,” bà bảo.

Ông nở nụ cười mau lẹ rồi ngay lập tức lại tiếp tục bài độc thoại sôi nổi của mình. Họ sẽ đưa cậu về ngay khi ngày mới đến. Dao sẽ phải được cắt vào ngăn kéo khóa kín. Ngay cả trong trạng thái tồi tệ nhất, thì cậu cũng sẽ không làm hại được người khác.

Điện thoại lại đổ chuông lần thứ hai. Vẫn giọng nói trẻ trung, bồn chồn, buồn bã ấy xin gặp Charlie.

“Cô gọi nhầm số rồi. Tôi sẽ chỉ cho cô biết cô đang làm gì. Cô quay nhầm chữ O thay vì số không đấy.”

Họ ngồi xuống thưởng thức bữa tiệc trà đột xuất giữa đêm của họ. Món quà sinh nhật nằm trên bàn. Ông sụp soap nhấp; mặt ông đỏ bừng;

thỉnh thoảng ông lại nâng tách trà lên lắc tròn, để cho đường tan ra kỹ hơn. Tĩnh mạch trên một bên cái đầu hói của ông, nơi có vết bớt lớn, nổi lên rõ mồn một và, mặc dù ông mới cạo sáng nay, những sợi râu bạc hiện ra trên cằm ông. Trong lúc bà rót cho ông tách trà khác, ông đeo kính lên khoan khoái ngắm nghía những chiếc lọ nhỏ tỏa ánh sáng vàng, lục và đỏ. Đôi môi ướt, vụng về của ông đánh vần các nhãn hiệu sặc sỡ của chúng — mơ, nho, mặn biển, mộc qua. Đúng lúc ông cầm đến lọ táo dại thì điện thoại lại đổ chuông.

Boston, 1948

Ma Cây

Tôi trầm ngâm đồ cây bút quanh chiếc bóng tròn, rung rung của lọ mực. Trong căn phòng xa, đồng hồ đang điểm giờ, còn tôi, một kẻ mộng mơ, cảm thấy như ai đó gõ cửa, — thoạt đầu nho nhỏ, rồi mỗi lúc mỗi to hơn; gõ mười hai lần liên tiếp và sau đó ngưng lại chờ. — Vâng, tôi đây, mời vào,...

Quả nắm cửa rụt rè kêu cọt két, ngọn lửa của cây nến kèm nhèm chao nghiêng, và y nghiêng người nhoi ra từ trong bóng tối hình chữ nhật — gù, xám, phủ lớp phấn đêm băng giá ngàn sao... Tôi biết mặt y — ôi, đã biết từ lâu!

Mắt phải y vẫn còn trong bóng tối, mắt trái sợ sệt nhìn tôi, thôn dài, xanh lục ám khói; đồng tử đỏ rực, như một điểm gỉ sét... Còn cái nhúm xám râu ấy trên thái dương, và hàng lông mày bạc phếch, khó thấy, cùng vết nhăn tức cười gần cái miệng không râu, — sao mà tất cả những thứ này lại chòng ghẹo và quấy rầy ký ức tôi một cách mơ hồ đến thế! Tôi đứng dậy — y bước tới.

Chiếc bành-tô nhỏ sồn rách bị đơm nút sai cách — theo kiểu nữ; y cầm mũ trong tay — không, chỉ là một cái tay nải buộc vụng, thẫm màu, — tuyệt nhiên không có chiếc mũ nào....

— Vâng, tất nhiên, tôi biết y — không chừng, thậm chí, đã từng yêu, — chỉ đơn giản là không sao nhớ được là chúng tôi đã gặp nhau ở đâu và khi nào, nhưng, chắc chắn, chúng tôi từng rất hay gặp gỡ, nếu không thì tôi đã chẳng thể nào nhớ được rõ đến thế về đôi môi đỏ màu việt quất ấy, đôi tai nhọn ấy, cục hầu ngộ nghĩnh ấy...

Với tiếng lẩm bẩm chào mừng, tôi bắt bàn tay nhẹ, lạnh của y, và chạm vào lưng chiếc ghế bành lụ khụ. Y ngồi, như con quạ trên gốc cây, và hấp tấp nói:

— Ngoài phố thật đáng sợ. Nên tôi tạt vào. Tạt vào thăm cậu. Có nhận ra không? Cậu với tôi, chúng mình có thời từng nô đùa cùng nhau và hú nhau nhiều ngày... Nơi ấy, — ở quê hương... Lẽ nào cậu đã quên?

Giọng y dường như làm tôi mù lòa, mắt hoa, đầu váng; tôi nhớ lại niềm hạnh phúc ấy, niềm hạnh phúc vang vọng, vô biên, không bao giờ còn trở lại ấy...

Không, không thể nào! Tôi — một mình... Mọi chuyện này — chỉ là cơn mê sáng đồng bóng mà thôi! Nhưng, bên cạnh tôi quả thật có ai đó đương ngồi — gầy gò xương, phi lý, đi đôi boots Đức tai dài, và giọng y ngân nga, xào xạc, vàng, xanh mơn mớn, quen thuộc, còn lời nói tuy vậy vẫn giản đơn, nhân tính...

— Đây — cậu nhớ ra rồi... Vâng, tôi chính là con yêu tinh thuở xưa, là con Ma Cây linh lợi... và đây, cả tôi cũng đành phải chạy trốn...

Y thở sâu, và tôi dường như lại thấy — những đám mây chên vên, những làn sóng lá cao ngất, những vảy vỏ bạch dương lấp lánh như giọt bọt biển, và tiếng ầm ừ ngọt ngào, mãi mãi... Y cúi xuống tôi, dịu dàng nhìn vào mắt.

— Cậu có còn nhớ cánh rừng của chúng ta không, nhớ cây linh sam đen, nhớ cây bạch

dương trắng? Họ đã đón trụi chúng rồi... Tôi tiếc không chịu nổi; tôi đã nhìn thấy những cây bạch dương kêu răng rắc, đổ xuống, mà tôi biết giúp được gì? Họ dồn tôi vào đầm lầy, tôi đã khóc, đã tru lên, đã oac oac như con vạc — và lao vụt vào rừng thông gần nhất.

Ở nơi đó, tôi héo hon vì buồn; và không thể nào thôi thốn thức... Chỉ có điều là tôi bắt đầu quen dần — trông kia, rừng thông đã mất — còn lại chỉ toàn than cháy dở xám xanh. Tôi lại phải lang thang. Tôi kiếm được cho mình một cánh rừng nhỏ — một cánh rừng tuyệt vời, rậm rạp, tối tăm, tươi mát, — mà mọi thứ cứ thế nào, không phải vậy... Có hồi, tôi chơi đùa từ bình minh đến hoàng hôn, huyết sáo điên cuồng, vỗ tay, dọa khách qua đường. Tự cậu chắc cũng nhớ: có lần cậu đã lạc sâu trong rừng thẳm của tôi, — cậu và bộ quần áo trắng tinh ấy, — còn tôi cứ buộc các đường mòn thành nút, xoay tròn các thân cây, nhấp nháy qua vòm lá — chơi khăm cả đêm... Nhưng, tôi làm vậy chỉ để đùa thôi, có phỉ báng tôi cũng hoài công... Mà lúc này tôi đã thuần tính lại; nơi ở mới không mấy vui... Chung quanh có gì đó cứ lách cách không ngừng cả ngày lẫn đêm. Thoạt đầu, tôi nghĩ — ông anh yêu tinh của mình đang nghịch ở đó; tôi gọi lại, rồi lắng nghe. Có gì đó cứ kêu răng rắc, có gì đó

cứ kêu ầm ầm... Nhưng không, đó không phải là kiểu âm thanh chúng tôi tạo ra. Một lần nọ, lúc xế chiều, tôi nháy ra một cái trắng, — và nhìn thấy nhiều người đang nằm — kẻ sắp, kẻ ngửa. Nào, tôi nghĩ, tôi sẽ đánh thức họ dậy, sẽ khiến họ nhúc nhích! Và tôi bắt đầu lắc cành, quăng quả nón, rung xào xạc, rúc gu gu... Tôi vất vả cả tiếng — mà mọi nỗ lực đều vô ích. Còn khi nhìn gần hơn, thì tôi sợ mất vía. Đầu người này treo trên sợi dây mỏng manh thắm đỏ, thế chỗ bụng người kia — một lỗ sâu béo múp... Tôi không chịu đựng nổi. Tôi rú to, nháy phóc lên, và chạy mất...

Tôi phiêu bạt rất lâu qua nhiều cánh rừng khác nhau, mà vẫn chẳng tìm được nơi an cư. Hoặc quá tĩnh mịch, hoang vắng, chán chết, hoặc khủng khiếp đến nỗi tốt hơn là không nên nhớ đến làm gì. Cuối cùng, tôi quyết định: nhập vào một gã nhà quê, một kẻ cầu bơ cầu bất tay bị tay gậy, và ra đi mãi mãi: vĩnh biệt, Đại Nga! Rồi có một linh hồn anh em, một con Ma Da, giúp đỡ tôi. Anh bạn đáng thương ấy cũng đang chạy trốn. Hắn luôn ngạc nhiên, luôn nói: thời buổi nào đang tới đây — thật tai họa. Và lại kể: dẫu rằng hồi xưa hắn cũng từng đùa nghịch, dụ người nơi ấy (hắn vốn dĩ rất mến khách), thế nhưng hắn đã nâng niu họ làm sao, chiều

chuộng họ làm sao dưới đáy sông vàng nhà mình, đã chài họ bằng các bài hát thế nào! Còn hiện nay, hấn bảo, chỉ toàn xác chết trôi qua, hằng hà sa số, hơi nước sông thì như quặng, đặc quánh, ẩm, nhớp nháp; chẳng biết thở bằng gì... Vậy là hấn mang tôi theo. Chính hấn lênh dênh phiêu bạt đến vùng biển xa nào đó, còn tôi được hấn đưa lên một bờ biển mù sương dọc đường — đi đi, người anh em, hãy tìm cho mình một bụi cây. Nhưng tôi chẳng tìm được gì và lạc đến đây, đến cái thành phố đá xa lạ, kinh khủng này... Vậy là tôi thành con người, với cổ áo, với đôi boots, mọi thứ đều thích hợp — thậm chí còn học nói tiếng họ.

Y im lặng. Mắt y long lanh, như lá ướt, hai cánh tay bắt chéo, và trong ánh phản chiếu rung rinh của ngọn nến trôi bồng bình, mái tóc nhạt màu chải lệch qua trái chập chờn một cách thật lạ lùng.

— Tôi biết, cậu cũng buồn, — giọng nói sáng rõ ấy lại ngân lên, — nhưng nỗi buồn của cậu, so với nỗi buồn dữ dội, phong ba của tôi, — chỉ là hơi thở đều của một người say ngủ. Song hãy nghĩ xem: chẳng ai trong bộ lạc chúng tôi còn lại ở Đại Nga. Một số bốc thành sương, số khác tản đi khắp dương gian. Những con sông quê sầu muộn, chẳng còn tay ai tinh nghịch hắt

ánh trắng vàng, những bông hoa chuông tình cờ chưa bị vạt đi thì lặng lẽ, côi cút — mà chúng từng là những cây đàn gusli xanh lam thuở xưa của con Ma Đồng nhẹ bổng, đối thủ của tôi. Con Ma Xó bờm xồm, ân cần đã già từ, trong nước mắt, ngôi nhà bị bồi nhọ, bị hạ nhục của cậu, và những cánh rừng nhỏ đã héo tàn, những cánh rừng nhỏ tươi sáng đến xao lòng, u sầu đến kỳ diệu.

Mà chính chúng tôi là nguồn cảm hứng của người, Đại Nga ơi, là vẻ đẹp bất khả tri, là sức quyến rũ đời đời kiếp kiếp của người... Vậy mà tất cả chúng tôi đã bỏ đi, bị những kẻ đặc điền điền loạn xua đi.

Bạn ơi, tôi sắp chết rồi, hãy nói gì đó với tôi, hãy nói, rằng cậu yêu tôi, một bóng ma không nhà, hãy ngồi gần lại, đưa tay cho tôi...

Ngọn nến kêu xèo xèo và vụt tắt. Những ngón tay lạnh ngắt chạm vào lòng bàn tay tôi, tiếng cười buồn, thân thuộc vang lên và ngưng bật. Khi tôi bật sáng lên, đã chẳng còn ai trên ghế... chẳng còn ai... trong phòng chỉ phảng phất mùi hương tinh tế tuyệt trần của bạch dương và rêu ẩm.

1921

Lễ Giáng sinh

I

Sau khi băng qua tuyết xế chiều từ ngôi làng về lại thái ấp của mình, Sleptsov ngồi trong một góc, trên chiếc ghế nhung thấp, mà ông chưa ngồi lên bao giờ. Thường là vậy sau họa lớn. Không phải anh em cốt nhục, mà một kẻ sơ giao tình cờ, vào những lúc bình thường bạn chẳng buồn nói với y đôi lời, chính y lại nâng đỡ bạn một cách ân cần, sáng ý, đưa lại chiếc mũ rơi, — khi mọi sự đã xong, và bạn, bước loạng choạng, răng va lập cập, chẳng nhìn thấy gì vì nước mắt. Với đồ đạc — cũng thế thôi. Trong bất cứ gian phòng nào, thậm chí rất ấm

cúng và nhỏ đến nức cười, đều có một góc bỏ không. Và Sleptsov ngồi trong một góc đúng như vậy.

Chái nhà được nối bằng một hành lang gỗ — lúc này ngổn ngang cả đông tuyết — với nhà chính, nơi họ sống vào mùa hạ. Chẳng cần đánh thức, sưởi ấm nó làm gì, vì ông chủ chỉ về từ Petersburg vài hôm và qua ở trong cái chái tức cười, nơi mà nhóm các lò sưởi lát gạch men trắng Hà Lan — là việc rất dễ dàng.

Trong góc, trên chiếc ghế nhung, chủ nhà ngồi, như thể ở phòng chờ bác sỹ. Gian phòng bơi giữa bóng tối, còn trong cửa sổ, xuyên qua các sợi lông thủy tinh băng giá, buổi chớm chiều xanh quánh lại. Ivan, một gia nhân lặng lẽ, đẩy đà, mới cạo nhẵn râu cách đây chưa lâu, mang vô một cây đèn đã tra, ngập lửa dầu, đặt lên bàn và khế chụp lên nó một cái lồng lụa: một chiếc chao hồng. Trong giây lát, tấm gương nghiêng phản chiếu cái tai sáng rực và mái tóc bạc lờm chớm của y. Sau đó y đi ra, nhẹ nhàng kéo cọt kẹt cái cửa.

Lúc ấy, Sleptsov nhấc tay khỏi gối, chậm chậm ngấm nó. Giữa các ngón tay, một giọt nén cứng đờ bám chặt vào nếp da mỏng. Ông xòe ngón, miếng vảy trắng nứt ra.

II

Sáng tiếp theo, sau một đêm trôi qua giữa các giấc mộng vụn vặt vô nghĩa, tuyệt nhiên không liên quan đến nỗi đau buồn của ông, lúc Sleptsov bước ra ngoài hàng hiên lạnh giá, ván sàn nã đạn dưới chân mới hân hoan làm sao, và trên chiếc ghế dài sơn trắng, các ánh phản xạ kính màu nằm như những ô trám thiên đàng. Cánh cửa không chịu chiều ngay, rồi cũng lạo xạo mở ra rất ngọt, và hơi lạnh sáng chói tạt vào mặt. Cát, như bột quế hung hung, phủ khắp mặt lớp băng đương đóng kín bậc thềm, còn từ chỗ mái chìa, các cột băng nhũ mập mạp, mũi nhọn quay xuống dưới, buông thông, tỏa sáng lò mờ sắc lam lục. Những đồng tuyết men sát các cửa sổ chái nhà, kẹp chặt trong gọng kìm băng giá cái cấu trúc gỗ nhỏ mụ mẫm. Trước thềm, hơi phồng lên trên tuyết phẳng, là một vòm trắng tại nơi từng là bồn hoa, và xa hơn, một công viên cao tỏa sáng, nơi mỗi cảnh đèn đều được viền bạc, và những cây thông cụp các tay xanh lục lại dưới gánh nặng mũm mĩm long lanh.

Sleptsov, đi đôi bốt dạ cao cổ, bận chiếc áo lông cộc có cổ lông cừu caracun¹, lạng lẽ sỏi

¹ Một giống cừu vùng Trung Á.

bước theo lối mòn thẳng tắp, duy nhất được dọn sạch tuyết, vào chốn sâu chối lò sưởi ấy. Ông lấy làm lạ, rằng mình hãy còn sống, rằng có thể cảm thấy tuyết lấp lánh thế nào, và những chiếc răng cửa nhức nhối vì lạnh ra sao. Thậm chí ông còn để ý thấy, rằng một bụi cây tuyết phủ nhìn hết như đài phun nước cứng đờ, và rằng trên sườn đông tuyết, các vết chó, những đốm vàng nghệ, đã nung thủng mặt băng cứng. Xa hơn đôi chút, các cột trụ cầu trời lên, và đến đây thì Sleptsov dừng bước. Cay đắng, giận dữ, ông đẩy lớp phủ xốp dày khỏi lan can. Ông lập tức nhớ lại, chiếc cầu nhỏ này từng như thế nào hồi mùa hạ. Con trai ông đi qua trên những tấm ván trơn tuột, điểm đầy hoa đuôi sóc, và bằng một cú vẩy vọt khéo léo, bứt được con bướm đậu trên lan can. Kìa, cậu đã nhìn thấy cha. Gương mặt cậu diễn nụ cười độc nhất vô nhị ấy, dưới cái vành gập của chiếc mũ rơm thắm lại vì nắng, bàn tay mân mê sợi xích nhỏ và chiếc ví da gắn trên dây lưng rộng bản, đôi chân nâu, nhẵn bóng, đáng yêu, dang rộng một cách vui vẻ trong chiếc quần soọc vải xéc, đi đôi xăng-đan ướt sũng. Vừa mới đây, ở Petersburg, — sau khi hồ hởi, say sưa nói chuyện trong cơn mê sáng về trường học, về xe đạp, về con bướm Ấn Độ nào đó, cậu đã chết, — và hôm qua, Sleptsov đã chuyển cổ áo quan nặng trĩu, dường như chất chứa cả cuộc đời, về

quê, vào hầm mộ nhỏ bằng đá trắng gần thánh đường của làng.

Chung quanh yên lặng, như chỉ có thể yên lặng vào một ngày đẹp trời, rét buốt. Sleptsov, nhấc cao chân, rẽ khỏi lối mòn và, để lại sau mình những hõm xanh trong tuyết, lần đường giữa các thân cây sáng lạ thường để tới được nơi mà công viên thụt về hướng một dòng sông. Xa xa bên dưới, trên mặt phẳng trắng, gần một lỗ đục mặt băng, những tảng băng bị cắt ra đang cháy sáng, còn bên bờ kia, trên những mái tuyết của các ngôi nhà gỗ, những sợi khói hồng hồng lặng lẽ vươn thẳng lên cao. Sleptsov bỏ chiếc mũ lông cừu caracun, dựa vào thân cây. Nơi nào đó rất xa, tá điền đương bổ củi, — từng cú nện nảy vang lên trời, còn trên những mái trắng của các căn nhà gỗ bị đè nén ấy, sau màn cây bàng bạc nhẹ bồng như sương, ngọn thánh giá giáo đường tỏa sáng một cách mù quáng.

III

Sau bữa trưa, ông lên đường đến đó, — trên cỗ xe trượt tuyết cũ có lưng ghế cao và thẳng. Lá lách con ngựa thiến đen tuyền đập căng chắc trong giá rét, những chiếc quạt trắng lướt qua ngay trên mũ, và đằng trước, các vết bánh xe

bóng lên màu xanh bạc. Lúc đến nơi, ông ngồi gần một tiếng bên hàng rào mộ, đặt bàn tay trĩu nặng đeo găng len lên cái thanh gang làm bóng ông xuyên qua len, và quay về nhà với cảm giác hơi thất vọng, như thể ở đó, trong nghĩa trang, ông còn xa con trai hơn ở đây, nơi dưới tuyết vẫn lưu vô số dấu vết đôi xăng-đan nhanh nhẹn của cậu hồi mùa hạ.

Chiều về, lòng trĩu nặng những buồn đau, ông sai mở khóa ngôi nhà lớn. Khi cửa mở với tiếng nước nổ náo nùng và phảng phất hơi lạnh nào đó lạ thường, không thuộc mùa đông, từ tiền sảnh sắt âm vang, Sleptsov lấy từ tay người canh gác một cây đèn có tấm thiếc phản quang và bước vào nhà một mình. Cái sàn ván ghép kêu răng rắc một cách bất an dưới bước chân ông. Hết phòng này đến phòng khác ngập ánh sáng vàng; đồ gỗ trong áo liệm có vẻ như không quen; thế chỗ chùm đèn treo trần là một cái túi không-kêu-leng-keng, — và cái bóng kéch xù của Sleptsov, chậm chậm duỗi tay ra, trôi theo tường, trên những hình vuông xám của các bức họa đã được che màn.

Ông vào gian phòng, nơi con trai sống hồi mùa hạ, đặt cây đèn lên bậu cửa sổ và mở nửa chừng cánh cửa chớp màu trắng, làm gãy móng tay mình, dù cho đằng nào thì đêm cũng đã

xuống ngoài cửa sổ. Trong kính xanh thẫm cháy lên một ngọn lửa vàng — cây đèn ám chút khói, — và bộ mặt lớn, rậm râu của ông thoáng hiện lên.

Ông ngồi trên chiếc bàn giấy trơ trụi, và nghiêm khắc lườm quanh các bức tường nhạt màu điểm những đóa hồng xanh xanh, chiếc tủ hẹp giống như tủ văn phòng, với các ngăn kéo từ dưới lên trên, đi vắng và ghế trong áo phủ, — và đột nhiên, gục đầu xuống bàn, lắc một cách nồng nhiệt, ẩm ỉ, áp hết đôi môi đến cái má ướn lên mặt gỗ bụi bặm lạnh ngắt và bấu tay vào các góc ngoài cùng.

Trong hộp bàn, ông tìm được các quyển vở, các bảng căng, một hộp đựng bích-quy Anh với cái kén Ấn Độ rất lớn, giá ba rúp. Con trai ông có nhớ về nó, khi đang ốm, và ân hận, vì đã bỏ quên, nhưng tự an ủi rằng con nhộng trong nó, chắc là, đã chết. Ông còn tìm thấy một cây vọt rách — một cái túi vải sa gắn vào một vành đai có thể gấp lại, từ vải sa vẫn còn phảng phất mùi mùa hạ và cỏ oi.

Sau đó, cúi xuống, thốn thức cả người, ông bắt đầu kéo hết ngăn kính này đến ngăn kính khác của cái tủ. Trong ánh đèn lò mờ, các hàng bướm đều tăm tắp lóng lánh như lụa dưới kính.

Nơi đây, trong phòng này, trên chính cái bàn này, con trai ông đã căng cánh con vật cậ bắt được, chọc thủng cái lưng rậm lông bằng cây kim găm đen, ghim con bướm vào cái khe bần giữa các miếng ván doãng được, trải rộng, đính chặt bằng các dải băng giấy đôi cánh mềm, vẫn tươi nguyên. Giờ thì chúng đã khô từ lâu — lấp lánh dịu dàng dưới kính là những con Bướm Phượng đuôi nhọn, những con bướm nhỏ màu thanh thiên, những con bướm lớn màu hung đỏm đen, với mặt dưới óng ánh xà cừ, và con trai ông hay phát âm hơi đốt những cái tên của chúng bằng tiếng La-tinh, với niềm hân hoan hay sự coi thường.

IV

Đêm sáng trắng, xanh màu khói; những lọn mây mảnh, như lông cú, vương vãi khắp bầu trời, song không chạm tới vàng trắng lạnh lẽo, mong manh. Cây cối — những tảng sương muối xám — ném bóng đen lên các đồng tuyết lấp lánh ánh kim loại đỏ đây. Trong chái nhà, tại phòng khách phủ nhung nóng bức, Ivan đặt lên bàn một cây thông cao độ ba gang tay trong bình gốm và vừa mới buộc vào cái chóp chữ thập của nó một cây nến, — khi Sleptsov, rét run, đắm lệt,

với những đốm bụi thắm màu dính vào má, quay về từ ngôi nhà lớn, cắp theo một hộp gỗ dưới nách. Nhìn thấy cây thông trên bàn, ông lơ đãng hỏi, vẫn mãi nghĩ chuyện mình:

— Cái này để làm gì đây?

Ivan, vừa giải phóng ông khỏi cái hộp, vừa trả lời bằng giọng tròn, trầm ấm:

— Mai là ngày lễ.

— Không cần, — dọn đi... Sleptsov nhăn mặt, và tự nghĩ: “Lễ nào hôm nay là ngày trước lễ Giáng sinh? Sao ta lại quên được nhỉ?”

Ivan nhẹ nhàng nài nỉ:

— Xanh mà. Kệ nó đứng đây đi...

— Làm ơn dọn đi, — Sleptsov nhắc lại và cúi mình trên chiếc hộp mới mang về. Trong đó, ông đã thu gom đồ đạc của con trai — cây vọt, hộp bích-quy với cái kén cứng đờ, các bảng căng, những cây kim găm trong cái tráp sơn bóng, cuốn vở xanh lơ. Trang đầu vở bị xé mất một nửa, trên rẻo giấy thò ra vẫn còn lại một phần bài chính tả tiếng Pháp. Tiếp theo sau là các ghi chép theo ngày, tên những con bướm bắt được và các ghi chú khác: “*Đi theo đầm lầy tới tận Borovich...*”, “*Bữa nay mưa, chơi cờ đam với bố, rồi đọc cuốn “Chiến hạm Pallada” cực chán,*

“Một ngày nóng tuyệt diệu. Đạp xe buổi chiều. Một con muỗi rơi vào mắt. Cố tình đi ngang đã thụt nhà nàng hai lần, mà không thấy nàng...”

Sleptsov ngẩng đầu lên, nuốt gì đó — nóng, to. Con trai viết về ai thế nhỉ?

“Đạp xe như mọi khi,” nó lại đứng tiếp. “Chúng mình gần như đã liếc nhìn nhau. Nhan sắc của tôi, niềm vui của tôi...”

— Thật không thể tưởng tượng được, — Sleptsov nói thầm, — thế mà ta chưa bao giờ được biết...

Ông lại cúi xuống, say mê xem xét nét chữ trẻ con rướn lên, quặt xuống bên lề.

“Hôm nay — mẫu bướm ma đầu tiên. Nghĩa là đã sang thu. Chiều mưa. Chắc nàng rời đi rồi, còn tôi vậy là vẫn chưa làm quen được với nàng. Vĩnh biệt, niềm vui của tôi. Tôi buồn kinh khủng...”

“Nó chẳng kể gì cho ta...” — Sleptsov nhớ lại, lau trán bằng gan bàn tay.

Trên trang cuối có một bức vẽ bằng bút mực: con voi — như thấy từ đằng sau, — đôi cột to, góc tai và chiếc đuôi nhỏ.

Sleptsov nhóm dậy. Ông lắc đầu, nén cơn nấc khan góm gốc.

— Ta không thể chịu nổi nữa... — ông rên rỉ, kéo dài các từ, và nhắc lại còn dài hơn: — không — thể — chịu — nổi — nữa...

“Mai là Giáng sinh, — một câu nhắc vụt nhanh qua đầu ông, — còn ta sẽ chết. Đương nhiên rồi. Thật đơn giản. Ngay hôm nay...”

Ông rút khăn tay ra, lau mắt, râu, má. Trên khăn vương lại các vệt thẫm.

— ... Chết, — Sleptsov khẽ nói, như thể chấm dứt một giả thuyết dài.

Đồng hồ kêu tích tắc. Trên mặt kính xanh của cửa sổ, các hoa tuyết chen nhau. Cuốn vở mở tỏa hào quang trên bàn, bên cạnh, lớp vải sa của cây vọt lờ mờ sáng, một góc hộp thiếc lấp lánh. Sleptsov nhú mắt lại, và trong khoảnh khắc, ông cảm thấy, rằng cuộc sống dương gian dễ hiểu đến tột cùng, trần trụi đến tột cùng — và cũng đáng cay đến hãi hùng, vô hậu và vô nghĩa một cách bẽ bàng, thiếu vắng mọi phép màu...

Và vào đúng khoảng khắc ấy, có thứ gì đó — một thanh âm mỏng manh — lách tách như thể cao su căng bị rạn. Sleptsov mở mắt và nhìn thấy: trong hộp bích-quy, cái kén rách dựng đứng lên, còn phía trên bàn, bám theo tường, một sinh vật đen nhẵn nhúm cỡ con chuột nhắt

đương bò nhanh lên trên. Nó dừng lại, bấu sáu cái chân đen lông lá vào tường, và bắt đầu rung một cách kỳ lạ. Nó nở ra do một người đàn ông kiệt sức vì đau buồn đã chuyển chiếc hộp thiếc về chỗ mình, trong phòng ấm, nó thoát được do hơi ẩm thấm qua lớp lụa chặt cứng của cái kén, nó đã chờ điều đó quá lâu, đã dồn sức quá căng, và giờ đây, thoát ra được rồi, nó chậm rãi lớn lên một cách huyền diệu. Các mảnh nhàu, các tua nhung, chầm chậm bung ra, các gân quặt, được đổ đầy không khí, cứng lại. Nó trở thành sinh vật có cánh từ khi nào không biết, cũng hết như một gương mặt trưởng thành trở nên tuyệt đẹp từ khi nào không biết. Và đôi cánh, — vẫn còn yếu, vẫn còn ẩm, — tiếp tục lớn mãi lên, phẳng ra, mở bung đến cỡ mà Chúa đã định, và trên tường đã xuất hiện — thế chỗ một cục nhỏ, thế chỗ con chuột đen, — một con bướm đêm khổng lồ, bướm Bà Ấn Độ, vẫn thường bay, như chim, trong chập choạng chiều, quanh các ngọn đèn Bombay.

Và lúc ấy, đôi cánh nhung sẫm màu, dang rộng, uốn cong lại tại các đầu mút, với bốn ô cửa sổ mi-ca, cất tiếng thở dài trong cơn hạnh phúc dịu dàng, mê ly, gần như của người.

Lá thư đến nước Nga

Bạn xa xôi xinh xắn của tôi ơi, hẳn là cậu vẫn chưa quên gì sau hơn tám năm ly biệt vừa qua, nếu cậu thậm chí còn nhớ được bác bảo vệ tóc bạc, mặc chế phục thanh thiên, người đã tuyệt nhiên không làm phiền ta, những khi ta thỉnh thoảng gặp nhau, vào một sáng Petersburg lạnh giá, tại tòa bảo tàng Suvorov bụi bặm, nhỏ bé, giống hệt hộp đựng thuốc hít ấy. Ta đã hôn nhau nồng nàn làm sao sau lưng người vệ binh bằng sáp! Sau đó, khi ra khỏi nơi nhá nhem cổ kính ấy, ta đã cháy lòng thế nào với những ngọn lửa bạc ở vườn Tavricheski và tiếng hô sáng khoái, khát khao của người lính tiến bước theo lệnh, lướt trên mặt băng mỏng,

vung tay thọc mạnh lưỡi lê vào bụng rơm một hình nộm, giữa phố.

Thật lạ lùng: tôi đã tự quyết định, trong thư gửi cậu lần trước, là sẽ không nhớ nhung, không nhắc về dĩ vãng, đặc biệt về những chuyện vật vãnh thời dĩ vãng; bởi chính chúng tôi, các nhà văn tha hương, cần làm chủ tính bền lễn cao quý cố hữu của từ ngữ, mà trong khi đó, tôi lại khinh miệt ngay từ những dòng đầu tiên cái quyền khiếm khuyết tuyệt trần ấy, và khiến hoài niệm, thứ mà cậu vẫn đề cập đến một cách thật dễ dàng, phải choáng váng bằng những tính ngữ. Bạn tôi ơi, dĩ vãng chẳng phải là điều mà tôi muốn chuyện trò cùng cậu.

Giờ đang là đêm. Đêm là lúc ta cảm nhận được một cách đặc biệt nhạy bén về sự bất động của vật thể — đèn, đồ đạc, các bức chân dung trên bàn. Thỉnh thoảng, sau tường, trong ống dẫn, nước lại ùng ục, trào lên, như thể dâng tận hòng ngôi nhà. Đêm là lúc tôi ra ngoài đi dạo. Các ánh đèn chảy trên mặt nhựa đường Berlin ẩm, bôi mỡ đen; các vũng nước đọng trong những nếp nhựa đường đen; đâu đó, một ngọn đèn nhỏ màu ngọc hồng lựu tỏa sáng trên hộp tín hiệu báo cháy, những ngôi nhà — tựa sương mù, một trụ kính, ngập sáng vàng, đứng trên bến tàu điện, — và, không hiểu tại sao, mà tôi lại

trở nên vừa dễ chịu vừa buồn rầu đến thế, khi, trong đêm khuya khoắt, một toa tàu điện, rít lên trên chỗ ngoặt, phóng qua, — trống trơn: qua cửa sổ có thể thấy rất rõ những băng ghế nâu được chiếu sáng, giữa chúng, một người soát vé cô đơn đeo xác-cốt đen bên hông, dường như hơi say, loạng choạng đi ngược hướng chuyển động đoàn tàu.

Những lúc lãng du theo con phố im lìm, tối tăm nào đó, tôi thích lắng nghe xem người ta quay về nhà thế nào. Không thể thấy chính người ấy trong bóng tối, và chẳng bao giờ biết trước, là cánh cửa chính nào sẽ hồi sinh, nhận chìa cùng tiếng ken két, mở toang, sưng lại nhờ khối đối trọng, đóng sầm; chìa khóa lại nghiêng ken két từ phía trong, và ở chốn sâu ấy, sau kính cửa, một vầng sáng dịu chột bùng lên trong một phút phi thường.

Một chiếc ô tô cán lên các cột sáng ước sừng, — tự nó đen bóng, với sọc vàng dưới cửa sổ, — thổi hơi ẩm vào tai đêm, và bóng nó trôi qua dưới chân tôi. Giờ này phố đã vắng tanh. Chỉ có con chó ngao già, gõ móng trên vỉa hè, miễn cưỡng dẫn đi dạo một cô gái uế oải, dễ thương, không mũ, dưới cây dù. Khi nàng bước qua dưới bóng đèn đỏ, treo bên trái, trên chuông báo

cháy, thì một phần dù căng đen bỗng ửng hồng ướm át.

Còn sau chỗ rẽ, trên vỉa hè đắm nước, — thật bất ngờ! — một bức tường rạp chiếu phim lẫn tẩn ánh kim cương. Ở nơi ấy, ta thấy trên tấm màn chữ nhật, sáng như trắng, những người ít nhiều được huấn luyện thuần thục; và kìa, từ màn ảnh, một gương mặt phụ nữ rất lớn với đôi môi, đen, đầy vết nứt nẻ óng ánh, với đôi mắt xám lấp lánh, và giọt lệ long lanh kỳ diệu, chảy dài dọc má, — tiến lại gần, to dần, nhìn vào gian phòng tối. Đôi khi, — và, cố nhiên, đó là giây phút siêu phàm, — chính cuộc đời xuất hiện, dẫu không hề biết đang bị quay phim, — đám đông tình cờ, nước sáng chói, cái cây xào xạc âm thầm song dễ thấy.

Xa hơn, tại góc quảng trường, một ả điểm cao lớn, đầy đà, bận áo lông đen, đứng đỉnh dạo bước tới lui, thỉnh thoảng dừng chân trước một tủ kính sáng gắt, nơi một quý bà bằng sáp, đánh phấn hồng, phô bày cho những kẻ vô công rồi nghề đêm khuya xem bộ váy màu ngọc lục bảo tuôn chảy như suối, đôi tất lụa óng ánh sắc đào. Tôi thích nhìn cái cách mà một quý ông đứng tuổi, để ria, mới sáng nay đến đây công tác từ Papenburg, thoát đầu vượt qua và ngoái lại đôi lần, rồi tiến đến ả điểm già diềm tỉnh này. Ả sẽ

ung dung dẫn ông ta vào căn phòng có sẵn đồ đạc, trong tòa nhà gần đó, mà ban ngày không thể nào phát hiện ra giữa các tòa nhà khác, cũng bình thường như vậy. Sau cửa vào, một người gác cổng thờ ơ, nhả nhặn, canh giữ cả đêm ở tiền sảnh không thắp đèn. Còn trên cao, trên tầng năm, một bà già cũng thờ ơ như thế khôn ngoan mở khóa căn phòng trống, thản nhiên nhận tiền.

Mà cậu có biết, với tiếng rầm rầm kỳ diệu thế nào, một đoàn tàu sáng đèn, cười vang bằng mọi ô cửa sổ của mình, lao vun vút qua cầu, trên phố? Có lẽ nó cũng không đi quá ngoài ô, nhưng bóng tối dưới vòm cầu đen trong khoảnh khắc ấy đầy ắp tiếng nhạc sắt gang hùng tráng đến nỗi tôi bất giác hình dung ra những quốc gia ấm áp, nơi tôi sẽ tới ngay khi kiếm được một trăm mác dư dả ấy, những đồng mác mà tôi vẫn mơ về chúng — một cách khoan khoái đến thế, một cách vô ưu đến thế.

Tôi vô ưu đến nỗi, thậm chí đôi khi còn thích xem họ khiêu vũ thế nào trong các tửu quán địa phương. Nhiều người ở đây kêu ca đầy phần nộ (và trong nỗi phần nộ này có cả sự hài lòng) về sự thô lậu thời thượng, về những vũ điệu hiện đại nói riêng, — mà thời trang lại chính là sáng tạo từ sự tầm thường của con người, là một đẳng cấp nhất định, là sự dung tục

đồng đẳng, — và kêu ca về nó, mắng chửi nó, cũng có nghĩa là thừa nhận, rằng sự tầm thường lại có thể sáng tạo ra thứ gì đó (dù là một hình thức quản lý nhà nước hay một kiểu tóc mới,) đáng để làm âm lên. Và, tất nhiên là những vũ điệu tương chừng hợp mốt này của chúng tôi thực ra thì hoàn toàn không mới: người ta mê chúng từ thời Hội Đồng Đốc Chính¹, vừa do những bộ váy áo phụ nữ hồi ấy cũng được mặc sát da, vừa do dàn nhạc cũng toàn người da đen. Thời trang thở qua thế kỷ: vòm váy phồng thời giữa thế kỷ trước — đó là nhíp hít vào căng đầy của thời trang, rồi lại thở ra, — những chiếc váy hẹp, những vũ điệu sát sạt. Rốt cuộc, những vũ điệu của chúng ta rất tự nhiên và khá vô tội, và đôi khi, — trong các gian khiêu vũ London, — yêu kiều đến hoàn hảo trong sự đơn điệu của mình. Cậu có nhớ, Pushkin đã viết thế nào về điệu Van không, “đơn điệu và điên dại.” Nó cũng hết vậy thôi. Còn liên quan đến sự suy đồi luân lý... Cậu có biết tôi tìm được gì trong hồi ký của ngài D’Agricourt không? “Tôi chưa từng thấy thứ gì trụy lạc hơn điệu Mơ-nuét, mà họ mê nhảy ở ta.”

¹ Thời Cách mạng Pháp, gồm 5 ủy viên, từ 1795 đến 1799.

Thế nên, trong các tử quán địa phương, tôi thích ngắm nhìn, “đôi này thấp thoáng sau đôi kia” thế nào, những đôi mắt trang điểm ngộ nghĩnh lấp lánh niềm vui giản đơn của con người thế nào, những đôi chân đen và sáng, chạm vào nhau, bước qua nhau thế nào, — còn ngoài cửa là đêm đơn côi, đêm thủy chung của tôi, là những ánh phản chiếu ẩm ướt, những tiếng còi xe, những cơn gió lộng.

Trong một đêm như thế, ở một nghĩa trang Chính Thống Giáo, cách xa thành phố, một bà cụ bảy chục tuổi đã tự sát trên mộ người chồng mới chết. Sáng ra, tôi tình cờ đến thăm nơi đó, và người gác, một phế nhân hạng nặng chống đôi nạng kêu ken két theo mỗi nhịp lắc cơ thể, chỉ cho tôi thấy cây thánh giá trắng không cao lắm, mà trên đó bà cụ đã tự treo cổ, các sợi tao vàng còn dính lại nơi cái dây thừng (“mới tinh,” — y nói khể) đã cọ sát. Bí ẩn và mỹ miều hơn cả là những vết hình lưỡi liềm, mà gót giày nhỏ, gần như trẻ con của bà để lại trên đất ẩm nơi gốc cây thánh giá. “Bà ấy giẫm lên đôi chút, còn thì sạch sẽ,” người gác thản nhiên nhận xét, — và, khi ngắm nhìn các sợi tao, các vết lõm, tôi chợt hiểu ra rằng, có nụ cười trẻ thơ trong cái chết.

Cũng có thể, bạn ơi, tôi viết cả bức thư này chỉ để kể cậu nghe về cái chết nhẹ nhàng và dịu dàng ấy. Đêm Berlin đã quyết như vậy.

Nghe này, tôi hoàn toàn hạnh phúc. Niềm hạnh phúc của tôi là một thách thức. Những lúc lãng du theo các con phố, theo các quảng trường, theo các đường dọc bờ kênh, — và lơ đãng cảm thấy đôi môi ẩm ướt qua đế giày thủng, — tôi kiêu hãnh mang theo niềm hạnh phúc không thể lý giải của mình. Các thế kỷ sẽ trôi qua, — học sinh sẽ chán ngấy lịch sử những chấn động của chúng ta, — tất cả sẽ qua đi, tất cả sẽ qua đi, song hạnh phúc của tôi, bạn yêu ơi, hạnh phúc của tôi sẽ còn mãi, — trong ánh đèn đường ẩm ướt, trong chỗ ngoặt cẩn thận của cái cầu thang đá dốc xuống con kênh nước đen, trong nụ cười một đôi khiêu vũ, trong mọi thứ mà Chúa hào phóng bao bọc quanh sự cô đơn của con người.

Cuộc ẩu đả

I

Sáng sáng, nếu mặt trời mời gọi, tôi lại rời Berlin ra ngoại ô đi bơi. Tại trạm tàu điện cuối cùng, trên băng ghế xanh lá, những người lái tàu — vạm vỡ, đi những chiếc ủng mũi tù khổng lồ — nghỉ ngơi, hút thuốc ngon lành, thỉnh thoảng lại xoa xoa các bàn tay nặng trĩu, đượm mùi kim loại, và nhìn xem, gần đó, dọc theo chính đường ray, một người mặc tạp dề ướt tưới một cây tầm xuân đương hoa ra sao; dòng nước tuôn như cái quạt bạc mềm dẻo từ ống cao su lấp lánh, lúc bay về phía mặt trời, lúc lại uốn chuyển sà xuống các bụi cây run rẩy.

Tôi đi ngang qua họ, kẹp dưới nách chiếc khăn lông cuộn tròn, sỏi bước về hướng bìa rừng; nơi đó, các thân cây thông mảnh mai, san sát, nâu sần dưới thấp, màu thít trên cao hơn, lốm đốm bóng râm, và trên cỏ úa dưới chúng, các mảnh nắng và mảnh báo nằm ngổn ngang, như thể bổ khuyết cho nhau. Đột nhiên, bầu trời vui vẻ rẽ các thân cây qua bên; theo làn sóng cát xám, tôi đi xuống hồ, nơi giọng những người đi tắm lúc thì rú lên khi lại chùng xuống, và những phao đầu sẫm màu thấp thoáng trên gương nước sáng chói. Trên sườn dốc thoải, các cơ thể mang mọi sắc màu của nắng đang nằm sắp và ngửa — vài cái khác vẫn còn trắng với những đốm hồng hồng trên bả vai, vài cái khác nữa thì rực lên như đồng hay màu cà phê đậm pha kem. Tôi cởi sơ mi ra, và lập tức, nắng trút lên tôi với sự trù mẫn mù lòa.

Và sáng nào cũng vậy, đúng chín giờ, lại vẫn người ấy xuất hiện bên tôi. Đó là một người Đức đứng tuổi, chân khập khiễng, bận quần dài và áo vét may kiểu bán quân sự, với cái đầu lớn hơi sọi được mặt trời vượt đến nhẵn bóng, đỏ au. Y mang theo mình một cây dù nhỏ, đen, như con quạ già, và một tay nải buộc gọn, nó ngay lập tức phân ra thành một cái mền xám, một chiếc khăn tắm, và một xấp báo. Y cẩn thận trải mền lên cát

và, cởi đến khi còn độc chiếc quần lót đã bận sẵn từ trước trong quần dài, thu xếp thật thoải mái trên mền, đặt cây dù mở sau đầu sao cho bóng râm chỉ đổ lên mặt mà thôi, rồi bắt đầu đọc báo.

Tôi liếc mắt dõi theo y, để ý đến lớp lông sẫm màu, như được chải kỹ trên đôi chân cong, rắn chắc của y, cái bụng mũm mĩm với lỗ rốn sâu, đang ngó, như con mắt, lên trời, — và tôi lại bận tâm suy đoán xem kẻ này là ai, mà lại sùng bái mặt trời đến thế.

Chúng tôi nằm dài trên cát hàng giờ. Trên trời, mây hè trôi thành đoàn hành hương bằng phẳng — những đám mây hình lạc đà, những đám mây hình túp lều. Mặt trời cố luồn qua giữa chúng, song chúng phủ các rìa sáng lòa lên nó, không trung tắt dần, rồi ánh hào quang lại chín mọng, song không phải bờ bên chúng tôi được chiếu sáng trước tiên, mà bờ đối diện, — chúng tôi hãy còn trong bóng râm đồng đều và vô sắc, mà bên đó nắng ấm đã trải rộng, bên đó các bóng thông đã hồi sinh trên cát, những người khỏa thân nhỏ, đúc từ nắng, sáng rực lên, — và bỗng dừng, như con mắt khổng lồ hạnh phúc, ánh hào quang mở rộng qua cả bên chúng tôi. Lúc ấy tôi đứng phắt dậy, cát xám làm phỏng nhẹ bàn chân tôi khi tôi chạy về phía nước, rẽ sóng ào ào. Thật dễ chịu khi sau đó vừa hong

khô trên chỗ nắng, vừa cảm thấy mặt trời thêm thường uống các hạt cườm mát rượi còn lại trên người bằng những cặp môi ngọt xót thế nào.

Người Đức của tôi cụp dù lại và, thận trọng rung rung bắp chân cong, đến lượt mình *xuống* nước, nơi, theo thói quen của những người tắm luống tuổi, thoát tiên y gọi đầu, sau đó bắt đầu bơi với những động tác sai rộng. Một người bán kẹo ca-ra-men chưa đi dọc bờ, rao hàng. Hai người khác, bận đồ bơi, nhanh nhẹn xách xô dừa chuột — và các lán giềng trong nắng của tôi, những trai thanh gái sắc, hơi lỗ mãng, có thân hình tuyệt đẹp, hát hòa theo các tiếng rao ngắn gọn của người bán rong, khéo léo nhại lại ông ta. Một cậu bé trần truồng, cả người đen sì vì dính cát ẩm, chập chững bước ngang qua tôi, và cái mỏ chim nho nhỏ giữa đôi chân mập vụng về của cậu nhảy tung tung một cách hết sức tức cười. Mẹ cậu ngồi ngay gần đó, một cô gái dễ thương, bán khóa thân, miệng cắn cây trâm, tay chải mái tóc đen dài của mình. Còn xa hơn, ngay nơi bìa rừng, các chàng trai rám nắng đang hùng hục chơi bóng, ném nó bằng một tay, làm sống lại trong động tác này cử chỉ vung tay bắt tử của Lực Sĩ ném đĩa, và kia, trong cơn gió nhẹ, các cây thông sôi lên tiếng xào xạc thành Athen, và tôi cảm thấy, rằng cả thế giới, như trái bóng to

chắc kia, bay theo đường cung kỳ diệu quay ngược vào vòng ôm của một vị thần tà giáo trần truồng. Cũng trong khoảnh khắc ấy, với tiếng reo của thần gió Aeolus¹, một chiếc phi cơ bập bênh trên các ngọn thông, và chàng lực sỹ ngấm đen, ngưng cuộc chơi, nhìn lên trời, nơi đôi cánh xanh, tiếng ù ù, niềm hân hoan của Daedalus² cùng lướt nhanh về hướng vàng dương. Tôi những muốn kể mọi điều này cho người bên cạnh mình, khi, vừa thở nặng nhọc, vừa nghe những cái răng khấp khểnh, y bước ra khỏi nước và lại nằm lên cát. Nhưng vốn từ tiếng Đức của tôi quá ít, và chỉ vì thế mà y không hiểu được tôi — song vẫn cười với tôi bằng cả người mình, bằng chỗ hói bóng lưỡng, bằng chòm ria đen rậm, bằng cái bụng mập vui nhộn cùng đường lông xoắn chạy ngay giữa.

II

Tôi phát giác ra nghề nghiệp của y hoàn toàn tình cờ. Một hoàng hôn nọ, khi những chiếc ô tô đã bót gào rống, và những đồng cam trên

¹ Một vị thần trong thần thoại Hy Lạp.

² Một nhân vật trong thần thoại Hy Lạp, đã sáng chế ra đôi cánh gắn sáp ong để con người có thể bay như chim. Ông cũng là cha của Icarus.

các sạp hàng rục lên sắc phương Nam trong không khí xanh lam, tôi lạc đến một quận xa và tạt vào một quán bia để làm dịu cơn khát chiều, vốn rất quen thuộc với những kẻ lang thang lêu lổng thị thành. Người Đức vui vẻ của tôi đứng sau quầy bar bóng nhoáng, vặn cho một dòng nước lớn chảy ra từ vòi, dùng thanh gỗ nhỏ gạt bọt xối trào giàn giụa qua miệng. Một bác xà ích ria bạc, to nặng, chống khuỷu tay lên quầy bar và nhìn cái vòi, lắng nghe bia, xè xè, như nước đáí ngựa. Ông chủ nhướng mắt nhìn tôi, nhe răng cười thân thiện, rót bia cả cho tôi, rồi quăng loảng xoảng đồng xu vào ngăn kéo. Bên cạnh y, một cô gái bận đầm ca rô, tóc sáng, khuỷu tay nhọn hồng hào, đang rửa và lau ly, nhanh nhẹn kéo kin kít cái khăn vải. Cũng vào đêm ấy, tôi được biết, rằng nàng là con gái y, rằng tên nàng là Emma, còn tên y là Krause. Tôi ngồi trong góc và bắt đầu thông thả nhấp từng ngụm bia nhẹ, bõm-trắng, có chút dư vị kim loại. Quán thuộc dạng bình thường — đôi ba áp-phích quảng cáo đồ uống, vài cặp sừng hươu, trần thấp và tối trang trí các dây cờ giấy, dấu tích một lễ hội nào đó. Sau quầy bar, trên giá, những cái chai sáng lấp lánh, cao hơn nữa, một chiếc đồng hồ cổ, hình túp lều với con chim tu hú nhảy ra được, kêu tích tắc rất to. Một cái lò gang kéo cái ống vòng của mình chạy dọc theo

tường và uốn cong nó tại nơi lòn loẹt cờ quạt treo trần. Trên những cái bàn cứng trần trụi, các tấm bìa lót ly bia trắng bột ra nhìn rất bẩn. Tại một trong số chúng, một người đàn ông ngái ngủ với ngấn mỡ ngon lành trên gáy và một gã trai cau có răng trắng, nhìn bề ngoài có vẻ là thợ xếp chữ hay thợ điện, đương chơi xúc xắc.

Hết thấy đều dễ chịu, bình yên. Chiếc đồng hồ thông thả bẻ gãy các múi thời gian khô khan, Emma khua leng keng các món đồ thủy tinh và cứ nhìn vô góc, nơi, trong tấm gương hẹp, bị chia cắt bởi những chữ vàng của một quảng cáo, phản chiếu bán diện sắc lèm của gã thợ điện và bàn tay đang nâng một cái phễu đen với các con xúc xắc của gã.

Sáng hôm sau, tôi lại đi ngang qua những người lái tàu vạm vỡ, đi ngang qua cái quạt nước, mà trong nó thấp thoáng một cầu vồng tuyệt đẹp, và lại thấy mình bên bờ hồ ấy, nơi Krause đã nằm ườn. Y lộ cái mặt nhể nhại mờ hôi ra từ dưới cây dù và nói — về nước, về nóng. Tôi nằm xuống, nhú mắt lại vì nắng, và, khi mở mắt ra, mọi thứ chung quanh đã xanh ngắt màu trời. Bỗng dưng, theo đường ven hồ, trong những đốm nắng giữa các cây thông, một chiếc xe van nhỏ phóng qua, sau nó là một viên cảnh sát trên xe đạp. Một chú chó nhỏ bị bắt trộm

đang quẩy đập, sửa ăng ăng trong xe. Krause nhòm dậy, và gào to hết sức: “Coi chừng! trộm chó!” — lập tức có người bắt lấy tiếng kêu ấy, và nó được truyền từ cổ họng này qua cổ họng kia, đi vòng quanh cái hồ tròn, vượt qua kẻ trộm, và những người chủ được cảnh báo thi nhau lao đến các con chó của mình, đeo rọ mõm cho chúng, cài xích lách cách. Krause hài lòng lắng nghe những lặp âm xa dần đó và nháy mắt hiền hậu với tôi: “Đó. Nó sẽ không bắt được thêm con nào nữa.”

Tôi bắt đầu ghé quán y khá thường xuyên. Tôi rất thích Emma — đôi khuỷu tay để trần cùng gương mặt chim nhỏ nhắn với đôi mắt trống trải và dịu dàng. Nhưng tôi đặc biệt thích cái cách nàng ngấm chàng thợ điện tình nhân của mình, khi gã uể oải chống khuỷu tay lên quầy bar. Tôi nhìn gã từ phía bên — nếp nhăn hung ác khổ đau ngay miệng, con mắt sói rực cháy, những sợi râu cứng xanh xanh trên cái má hõm, đã lâu không cạo của gã. Nàng ngấm gã với thật nhiều tình yêu và nỗi sợ khi gã vừa nhòm nàng chòng chọc vừa khẽ nói gì đó với nàng, và nàng vừa hé mở đôi môi nhọt nhọt vừa gật đầu thật tin tưởng — đến nỗi tôi, trong góc của mình, đâm ra thấy vui và nhẹ nhõm tuyệt trần, như thể Chúa vừa chứng thực cho tôi về sự bất

tử của tâm hồn hoặc một thiên tài vừa ca ngợi sách tôi. Tôi còn nhớ cả bàn tay ướt đầm vì bột bia của gã thợ điện, và ngón cái của bàn tay ấy, đang siết chặt cái cốc vai, — móng tay đen rất lớn với vết nứt chính giữa.

Lần cuối, lúc tôi ghé nơi đó, theo như tôi nhớ, là một buổi chiều oi bức, ủ giông, sau đó gió lốc nổi lên, và trên quảng trường, người người chạy tới thang ga tàu điện ngầm: trong bóng tàn tro ngoài quảng trường, gió xé áo quần, như trong bức họa *"Sự diệt vong của Pompeii."* Ông chủ thấy nóng bức trong quán bia tối mờ, y cởi khuy cổ áo và cau có ăn tối với hai nhân viên phục vụ. Chiều đã muộn, và mưa lao xao trên kính, khi tay thợ điện đến. Gã ướt sũng, lạnh cóng, bức bối lấm bầm gì đó khi không thấy Emma sau quầy bar. Krause im lặng, trệu trạo nhai miếng giò xám, như đá cuội.

Lúc ấy tôi cảm thấy ngay rằng sắp xảy ra chuyện gì đó lạ thường. Tôi đã uống nhiều, và lòng tôi, nội tâm tham lam, tinh mắt của tôi đòi một màn diễn. Mọi chuyện bắt đầu hết sức đơn giản. Gã thợ điện bước đến quầy bar, ngạo mạn rót cho mình một ly cô-nhắc từ cái chai nắp mở, nuốt chửng, chùi môi bằng bàn tay và, vỗ lên cái mũ cát-két của mình, tiến về phía cửa. Krause

buông dao với nĩa xuống thành hình chữ thập trên đĩa và nói to:

— Đứng lại! Hai mươi phen-ních¹.

Gã thợ điện, đang cầm tay nắm cửa, quay lại: — Tôi tưởng đây như nhà mình.

— Mà bạn không định trả tiền hả? — Krause hỏi.

Từ bên trong, dưới chiếc đồng hồ, đột nhiên Emma bước ra, nhìn cha, nhìn tình nhân, chết lặng. Trên đầu nàng, từ túp lều, con chim tu hú nhảy ra cùng tiếng chiêm chiêm rồi lại trốn mất.

— Để tôi yên, — gã thợ điện chậm rãi nói và đi ra ngoài.

Khi ấy, Krause lao theo gã với sự lanh lẹ lạ lùng, giật mạnh cửa. Uống nốt chỗ bia còn lại, tôi cũng chạy ra ngoài: cơn gió ẩm tạt vào mặt tôi thật dễ chịu.

Họ đứng mặt đối mặt trên vỉa hè đen, bóng nước mưa và cả hai đều hét lên — tôi không thể hiểu hết mọi lời trong tiếng gầm ầm ầm dần lên này, nhưng một lời được nhắc đi nhắc lại rất rõ ràng trong đó là: *hai mươi, hai mươi, hai mươi*.

¹ Pfennig: tiền Đức, tương đương 1% mác.

Vài người đã dừng lại xem cuộc cãi cọ — chính tôi cũng mãi mê ngắm nó, ngắm ánh đèn đường trên các gương mặt méo mó, đường gân căng trên cổ Krause, — đồng thời, không hiểu sao tôi nhớ lại, rằng một lần nọ, trong một hắc điểm hải cảng, tôi đã đánh lộn ra trò với một thằng cha người Ý đen như con bọ cánh cứng: tay tôi mắc vào trong miệng hắn và cứ nhồi thật mạnh, cổ làm rách lớp da ướt trong má hắn.

Gã thợ điện và Krause la hét mỗi lúc mỗi to. Emma len qua tôi, đứng lại, không dám đến gần, mà chỉ tuyệt vọng kêu:

— Otto!... Cha!... Otto!... Cha!... — và theo mỗi tiếng kêu của nàng, một đám không đông lắm lại nhôn nhao tiếng hô hố đợi chờ, kìm nén.

Họ hăm hở lao vào đánh giáp lá cà, các nắm tay thụi âm thầm; gã thợ điện im lặng đánh, còn Krause vừa đấm vừa quát ngắn gọn: át, át. Lưng Otto gày guộc lập tức gập lại, máu đen chảy ra từ lỗ mũi — gã bỗng thử chộp lấy bàn tay nặng trĩu đang nện vào mặt gã, nhưng thay vì thế lại loạng choạng và ngã sấp xuống vỉa hè. Người ta chạy đến chỗ gã, che khuất gã khỏi tầm nhìn của tôi. Tôi chợt nhớ là đã bỏ quên mũ trên bàn, nên quay lại quán. Trong đó có vẻ sáng và yên lặng lạ lùng. Emma ngồi trong góc, gục đầu lên cánh

tay xoắn ngang qua bàn. Tôi lại gần, vuốt tóc nàng, nàng ngẩng khuôn mặt đầm lệ lên nhìn tôi và lại cúi đầu xuống. Lúc ấy, tôi thận trọng hôn nàng lên đường ngôi mảnh mai, tỏa mùi bếp và sau khi kiểm được chiếc mũ, tôi đi ra phố. Ngoài đó dân tình vẫn xúm đông xúm đỏ. Krause, thờ nặng nhọc, — hết như lúc trên bờ, khi y ra khỏi nước, — đang giải thích gì đó cho cảnh sát.

Tôi không biết và cũng không muốn biết, ai sai, ai đúng trong câu chuyện ngắn ngủi này. Dĩ nhiên, có thể xoay chuyển nó ngược lại hoàn toàn, kể lại với sự đồng cảm, rằng niềm hạnh phúc đã bị nhục mạ thế nào chỉ vì một đồng xu, rằng Emma đã khóc suốt đêm thế nào và, khi thiếp đi lúc gần sáng, lại nhìn thấy — trong mơ — người cha giận dữ đang già tình nhân nàng. Hoặc, cũng có thể, vấn đề tuyệt nhiên không ở nỗi đau và niềm vui của con người, mà trong trò chơi giữa tối và sáng trên một cơ thể sống, trong sự hài hòa của những chuyện vặt vãnh, được gom lại đúng hôm nay, đúng lúc này, bằng một cách duy nhất và không thể lặp lại.

Cẩm nang du ngoạn Berlin

Sáng nay tôi ghé thăm sở thú, còn bây giờ vào quán bia cùng cố hữu và cũng là bạn nhậu thường xuyên của mình. Tấm biển xanh da trời ở quán mang dòng chữ trắng, “LÖWENBRÄU¹”, đi cùng bức chân dung sư tử mắt nhấp nháy và vại bia. Chúng tôi ngồi xuống và tôi bắt đầu kể cho bạn mình nghe về các đường ống công ích, tàu điện cùng nhiều thứ quan trọng khác.

¹ Một thương hiệu bia nổi tiếng của Đức, cái tên này trong tiếng Đức có nghĩa là “hãng bia sư tử”.

I. Đường ống

Trước tòa nhà nơi tôi sống, một ống đen khổng lồ nằm dọc theo lề ngoài vỉa hè. Xa hơn độ bước chân, trên cùng hàng, là cái khác, rồi cái thứ ba và thứ tư — những khúc ruột sắt của phố, vẫn nhàn nhã, vẫn còn chưa hạ xuống lòng đất, sâu dưới nhựa đường. Suốt mấy ngày đầu sau khi chúng được dỡ xuống, cùng tiếng lanh lảnh rỗng không, từ xe tải, các cậu bé thường chạy lên chạy xuống trên chúng và bò bằng cả tứ chi xuyên qua các đường hầm tròn ấy, nhưng một tuần sau, chẳng còn đứa nào chơi thêm nữa và tuyết dày rơi thế chỗ; và lúc này, khi, thận trọng dò dẫm mặt băng xảo trá trên vỉa hè bằng cây gậy gót cao su của mình, tôi đi ra ngoài trong ánh sáng xám xịt tẻ nhạt ban mai, một dải tuyết mới đều tăm tắp kéo dọc theo mặt trên từng ống đen, còn trên mặt nghiêng bên trong, tại ngay miệng cái ống gần chỗ ngoặt đường ray nhất, ánh phản chiếu của một chiếc tàu điện vẫn sáng trưng vút qua như tia chớp nóng màu cam tươi. Hôm nay, ai đó đã viết “Otto” bằng ngón tay mình lên dải tuyết trinh nguyên và tôi nghĩ cái tên ấy mới đẹp làm sao, với hai chữ “o” mềm mại nằm bên sườn đôi phụ âm nhã nhặn, rất

hộp lớp tuyết lặng lẽ trên cái ống ấy với hai lỗ miệng và đường hầm ngầm của nó.

II. Tàu điện

Tàu điện sẽ biến mất trong độ hai chục năm nữa, hết như xe ngựa kéo từng biến mất. Tôi đã thấy nó có vẻ gì đó cổ kính, một sự quyến rũ xưa cũ nào đó. Mọi thứ quanh nó đều hơi vụng về và ọp ẹp, và nếu vào cửa hơi quá nhanh, cần điện trật khỏi đường dây, và người bán vé, hoặc thậm chí một hành khách, nghiêng người ra ngoài đuôi tàu, ngó lên cao, lắc lắc dây cho đến khi cái cần vào lại đúng chỗ, tôi luôn nghĩ rằng bác xà ích thuở xưa chắc đôi lúc cũng đánh rơi roi, rồi gò cương đội tứ mã của mình, và sai cậu trai bận chế phục vật dài đi nhặt lại — cậu ngồi cạnh bác trên ghế xà ích và thổi tù và chói tai khi, gõ lóc cóc trên đá cuội, cỗ mã xa lắc lư qua một ngôi làng.

Người bán vé có đôi tay rất lạ. Chúng làm việc cũng nhanh như tay nghệ sỹ dương cầm, nhưng thay vì éo lá, đầm mồ hôi, với các móng mềm, thì tay người bán vé lại thô đến nỗi khi bạn trút tiền lẻ vào lòng bàn tay y và tình cờ đụng phải cái lòng bàn tay dường như mọc một lớp vảy ki-tin thô ráp ấy, bạn sẽ cảm thấy một

điều gì đó tựa như sự khó chịu trong lòng. Chúng là những bàn tay hiệu quả và lạnh lùng, thường, bất chấp sự thô ráp và mập mạp của các ngón. Tôi tò mò quan sát y lúc y kẹp vé bằng móng tay đen rộng và bấm nó vào hai chỗ, lục lại trong ví da của mình, nhặt xu để trả lại, đóng ví ngay tức thì, giật mạnh dây chuông, hoặc, bằng một cú gạt ngón cái, mở toang ô cửa sổ nhỏ đặc biệt trên cửa trước để đưa vé cho những người trên chỗ đầu toa trước. Và toa tàu lắc lư không ngừng, hành khách đứng trên lối đi chộp lấy các dây vịn trên đầu, dồn tới dồn lui — vậy mà y chẳng đánh rơi dù chỉ một đồng xu hoặc chỉ một mẩu xé từ cuộn vé của y. Trong những ngày đông này, nửa dưới cửa trước được che màn bằng vải xanh lục, các cửa sổ phủ sương giá, cây Giáng sinh được bày bán chật cả lề vỉa hè và tại mỗi trạm dừng, chân hành khách lại tê cóng đi vì lạnh, đôi lúc, chiếc găng dẹt kim xám hờ ngón lại bọc lấy bàn tay người bán vé. Tại trạm cuối tuyến, toa trước rời ra, vào đường tránh, chạy quanh toa còn lại, rồi lại gần nó từ đằng sau. Có gì đó gợi nhớ về một con cái ngoan ngoãn trong cái cách mà toa thứ hai chờ đợi khi toa thứ nhất, con đực, tung lên cao một chớp lửa nhỏ kêu ken két, lăn đến và mắc vào. Và (loại trừ phép ẩn dụ sinh vật học) tôi nhớ lại, chừng mười tám năm trước, ở Petersburg, ngựa

thường được tháo cương và dẫn quanh cổ mã xa xanh bụng bự.

Xe ngựa kéo đã biến mất, tàu điện rồi cũng sẽ thể thôi, và một văn sỹ Berlin lập dị nào đó vào thập niên hai mươi của thế kỷ hai mốt, muốn miêu tả thời đại chúng tôi, sẽ đi đến bảo tàng lịch sử kỹ thuật và kiếm nơi đặt một chiếc tàu điện trăm năm tuổi, màu vàng, thô vụng, với các ghế ngồi cong cong kiểu cổ, và trong bảo tàng trang phục cổ, khai quật được một bộ đồng phục bán vé màu đen, đơm cúc sáng bóng. Rồi y sẽ về nhà và soạn một mô tả về các con phố Berlin thời dĩ vãng. Mọi thứ, mọi chuyện vật vãnh, sẽ rất quý giá và đầy ý nghĩa: cái ví của người bán vé, tấm quảng cáo trên cửa sổ, sự chuyển động xóc nảy đặc biệt ấy, mà các chất của chúng tôi có lẽ sẽ hình dung — mọi thứ sẽ hóa thành cao quý và hợp lý bởi tuổi tác của nó.

Tôi nghĩ rằng, ý nghĩa của tác phẩm văn chương nằm ở đây: để miêu tả các vật thể bình thường như chúng sẽ phản chiếu trong những tấm gương tử tế thời tương lai; để tìm được trong các vật thể quanh ta sự mong manh thơm ngát mà chỉ hậu thế mới có thể nhận thức được và đánh giá đúng vào một thời xa thật xa khi mỗi chuyện vật trong cuộc sống đơn điệu hằng ngày của chúng ta sẽ tự nó thành ra tinh tế và vui

tươi: thời kỳ khi mà một người khoác chiếc áo vét bình thường nhất hôm nay cũng sẽ là diện bảnh cho một vũ hội hóa trang thanh lịch.

III. Công việc

Đây là những ví dụ về vài loại công việc khác nhau mà tôi quan sát được từ toa tàu chật ních, trong ấy, một phụ nữ động lòng trắc ẩn nào đó luôn có thể tin tưởng nhường tôi chỗ ngồi bên cửa sổ của mình — mà vẫn cố không nhìn tôi quá sát.

Tại một giao lộ, mặt đường cày lên cạnh tuyến ray; bốn công nhân lần lượt nện một cái đinh sắt bằng búa; người đầu tiên đập mạnh, còn người thứ hai đã hạ búa với một cú xoay vòng chính xác; cây búa thứ hai bổ xuống và ngóc lên trời lúc cây thứ ba rồi sau đó là thứ tư nện mạnh xuống liên tiếp theo nhịp. Tôi lắng nghe tiếng chát chúa thông thả của chúng, tựa bốn nốt nhắc đi nhắc lại của một chùm chuông sắt.

Một thanh niên bán bánh mì đội mũ cát kết trắng lao vụt qua trên chiếc xe đạp ba bánh; có gì đó thần tiên quanh một chàng trai lấm bột mì. Một chiếc xe van leng keng chạy qua với những

cái kết trên nóc chứa các hàng chai rỗng lấp lánh màu ngọc lục bảo, thu lượm từ những quán nhậu. Một cây lạc diệp tùng đen, dài, lướt qua thật thần bí trên xe kéo. Cái cây nằm sõng soài; ngọn nó rung nhẹ, còn bộ rễ phủ đất, được bọc trong vải bố bền chắc, tạo hình một khối cầu khổng lồ màu be như quả bom ngay gốc cây. Một người đưa thư, đặt miệng bao tải dưới hòm thư xanh cô-ban, siết chặt nó từ bên dưới, còn cái hòm trút sạch một cách bí mật, vô hình, với tiếng ào xào vội vã, rồi người đưa thư đóng sập đôi hàm vuông của chiếc túi lúc này đã đầy và nặng. Nhưng có lẽ tuyệt hơn cả là các xác thú, màu vàng crôm, với những vết hồng, tạo tư thế Ả Rập¹, chất đống trên xe tải, và một người bận tạp dề, đội mũ da trùm đầu với tấm vạt dài che cổ đang nhấc từng cái xác lên lưng mình và, khom xuống, vác nó ngang qua vỉa hè vào tiệm thịt đỏ.

IV. Vườn địa đàng

Mỗi thành phố lớn có một vườn địa đàng nhân tạo trên trần gian của riêng mình.

¹ Một tư thế trong múa ballet: vũ công đứng trên một chân với một tay vươn lên trước, tay còn lại và chân còn lại vươn về phía sau hết mức có thể.

Nếu các nhà thờ nói với ta về Phúc Âm, thì sở thú nhắc ta về sự khởi đầu trang trọng và điệu dàng của Cựu Ước. Chỉ đáng buồn là vườn địa đàng giả này ở hết sau các chấn song, dẫu cũng đúng là nếu nơi ấy không rào chắn thì chính con chó đin-go¹ đầu tiên sẽ xé xác tôi. Dẫu sao nó cũng vẫn là một vườn địa đàng, trong chừng mực mà con người có thể tái tạo được, và không phải vô cớ mà một khách sạn lớn đối diện sở thú Berlin lại được đặt tên theo cái vườn này.

Trong thời kỳ mùa đông, khi lũ thú nhiệt đới đã ẩn náu, tôi khuyên bạn đi thăm nhà bọt động vật lưỡng cư, côn trùng và cá. Những dãy ô trưng bày được chiếu sáng sau kính trong gian phòng sáng mờ giống hệt các lỗ cửa sổ mà Thuyền trưởng Nemo từng nhìn xuyên ra ngoài từ tàu ngầm của mình vào những sinh vật biển lượn lờ giữa các tàn tích lục địa Atlantis. Sau kính, trong các hốc sáng, những con cá trong suốt lướt đi với các vây lấp lánh, các đóa hoa biển thở, và, trên một vệt cát, một ngôi sao sống, năm cánh đỏ chót đang nằm. Vậy ra đây chính là nơi biểu tượng khét tiếng ấy khởi sinh — tại ngay đáy đại dương, trong bóng tối lục địa chìm Atlantis, nơi xưa kia từng sống qua nhiều cuộc

¹ Một giống chó hoang của Úc.

dấy loạn khác nhau khi vợ vẫn với những điều không tưởng cục bộ và những sự ngớ ngẩn khác đang hủy hoại chúng ta hôm nay.

Ôi, đừng quên xem các con rùa khổng lồ được cho ăn thế nào. Những vòm sừng nặng nề, cổ xưa này được mang về từ quần đảo Galápagos. Với sự thận trọng có vẻ như lụ khụ, một cái đầu bẹp nhẵn nheo và đôi chân hoàn toàn vô dụng thò ra (như cảnh phim quay chậm) từ dưới mái vòm trăm cân. Và bằng cái lưỡi dày, mềm xốp, chẳng hiểu sao lại gọi nhớ về một thằng ngốc trọ trẹ đang uể oải phun ra bài diễn văn góm guốc của hần, con rùa cắm đầu vào đồng rau ước và nhai bừa lá chúng.

Nhưng mái vòm ấy trên lưng nó — chao ôi, mái vòm ấy, màu đồng mãi mãi, sờn phai, mờ xỉn ấy, gánh nặng huy hoàng ấy của thời gian.

V. Quán bia

“Đó là một cuốn cẩm nang hết sức nghèo nàn,” ông bạn nhậu thường xuyên của tôi rầu rĩ nói. “Ai thèm quan tâm đến chuyện anh bắt tàu điện thế nào và đến thủy cung Berlin ra sao?”

Quán bia mà y với tôi đang ngồi được chia thành hai phần, một lớn hơn, một nhỏ hơn đôi

chút. Một bàn bi-a chiếm ngay giữa phần đầu; có vài bàn trong góc; quầy bar quay mặt ra cửa vào, còn chai lọ đứng trên các giá sau quầy. Trên tường, giữa các cửa sổ, báo và tạp chí cưỡi trên các cán ngắn, thông xuống như những lá cờ giấy. Tại đầu xa đằng kia, có một lối đi rộng, mà qua nó người ta có thể thấy một căn phòng nhỏ chật hẹp với chiếc trường kỷ xanh lục dưới tấm gương, một cái bàn bầu dục phủ vải dầu ca rô đỏ nghiêng khỏi gương và chiếm vị trí vững vàng ngay trước trường kỷ. Phòng này là một phần căn hộ nhỏ khiêm nhường của chủ quán. Ở đó, vợ ông ta, với nhan sắc tàn tạ và bộ ngực lớn, đang cho một đứa bé tóc vàng ăn súp.

“Nhặt nhèo,” bạn tôi khẳng định cùng một cái ngáp thê lương. “Tàu điện với rùa có ý nghĩa gì vậy? Và nói chung thì cả chuyện đơn giản là chán ngắt. Một thành phố chán ngắt, xa lạ, và cuộc sống đắt đỏ nữa,...”

Từ chỗ chúng tôi, gần quầy bar, người ta có thể thấy rất rõ chiếc trường kỷ, tấm gương, và cái bàn ở tận phía bên kia lối đi. Người đàn bà đang dọn bàn. Đứa bé, chống khuỷu tay, chăm chú xem tờ họa báo trên cái tay cầm vô dụng của nó.

“Cậu thấy gì dưới đấy?” bạn tôi hỏi và chậm chậm quay đi, với tiếng thở dài, còn chiếc ghế kê kéo kẹt nặng nhọc dưới thân y.

Nơi ấy, dưới tấm gương, đứa bé vẫn ngồi một mình. Nhưng giờ nó đang nhìn về phía chúng tôi. Từ nơi ấy, nó có thể thấy bên trong quán — ốc đảo xanh tươi ở bàn bi-a, trái banh ngà mà nó bị cấm đụng vào, nước láng kim loại của quầy bar, một đôi tài xế xe tải béo múp tại một bàn và hai chúng tôi tại bàn khác. Nó đã dần quen với cảnh này từ lâu và không bị mất vía bởi sự cận kề ấy. Song có một điều tôi biết. Dẫu có bất cứ chuyện gì xảy đến với nó trong đời, nó sẽ luôn nhớ về bức tranh nó từng nhìn thấy mỗi ngày suốt thời thơ ấu của mình từ căn phòng nhỏ nơi nó được cho ăn súp. Nó sẽ nhớ bàn bi-a với vị khách chiều không áo khoác, kẻ hay giật ngược khuỷu tay trắng nhọn ra sau và thọc trái banh bằng cây gậy của mình, cùng làn khói xì-gà xám lam, những giọng nói inh tai nhức óc, tay áo phải rộng không cùng bộ mặt sọc của tôi, và cha nó sau quầy bar, đang rót đầy vại bia cho tôi từ vòi.

“Tôi chẳng hiểu cậu thấy gì dưới đấy,” bạn tôi vừa nói, vừa quay lại phía tôi.

Thật vậy! Làm sao tôi có thể giải thích cho y hay rằng tôi đã thoáng thấy hời ức tương lai ai đó?

Một truyện đồng thoại

I

Tưởng tượng, xốn xang, hân hoan
tưởng tượng. Erwin biết rõ những
điều này. Trên tàu điện, anh luôn ngồi bên tay
phải, cốt để được gần vỉa hè hơn. Hai lần mỗi
ngày, từ chiếc tàu điện mà anh đi đến sở làm và
trở về, Erwin nhìn ra ngoài cửa sổ và góp nhặt
hậu cung của mình. Erwin hạnh phúc, thật hạnh
phúc, được sống trong một thị trấn Đức thuận
tiện như vậy, thần tiên như vậy.

Anh bao trọn một bên vỉa hè vào buổi sáng,
trên đường đi làm, và bên kia lúc chiều muộn,

trên đường về nhà. Bên đầu tiên, sau đó là bên kia được tắm trong ánh nắng khô gọi, bởi lẽ mặt trời cũng đi và về. Ta nên ghi nhớ rằng Erwin nhút nhát một cách bệnh hoạn đến nỗi mà chỉ một lần duy nhất trong đời mình, bị đám bạn đều chế nhạo, anh từng bắt chuyện với một phụ nữ, và nàng khẽ nói: “Anh phải biết tự xấu hổ chứ. Để tôi yên”. Từ dạo ấy, anh tránh nói chuyện với các cô gái trẻ không quen. Bù lại, được ngăn cách khỏi con phố bằng tấm kính cửa sổ, ghì chiếc cặp đen vào xương sườn, bận chiếc quần sòn kẻ sọc li ti, và duỗi một chân dưới băng ghế đối diện (nếu chưa ai ngồi), Erwin liêu lĩnh và thoải mái ngắm nhìn các cô gái qua lại, rồi chột cấn môi dưới: nghĩa là đã bắt được tỳ thiếp mới; ngay sau đó, anh để nàng qua bên, là nói thế, còn ánh mắt nhanh nhẹn của anh, đảo như cây kim la bàn, đã kịp kiểm tìm cô kế tiếp. Các mỹ nữ ấy cách xa anh, thành thử nỗi ngọt ngào của việc được tự do lựa chọn không thể bị ảnh hưởng bởi tính bền lển sừng sĩa. Tuy nhiên, giả như có một cô gái tình cờ ngồi ngay trước anh, và sự nhức nhối nào đó mách anh rằng nàng rất dễ thương, thì anh sẽ rụt chân khỏi gầm băng ghế nàng ngồi với mọi dấu hiệu của tính cộc cằn thô lỗ vốn dĩ hoàn toàn không điển hình cho lứa tuổi thanh xuân của anh — và không thể nào khiến mình nhìn kỹ nàng, xương

trán anh — ngay đây, trên lông mày — đau nhức do then thùng, như thể một cái mũ giáp sắt ràng chặt thái dương anh lại và ngăn anh ngược mắt lên vậy; và nhẹ nhõm làm sao khi nàng đứng dậy bước về phía cửa ra. Lúc đó, làm bộ vô tình lơ đãng, anh nhìn — Erwin trơ trẽn sẽ nhìn — theo tấm lưng lúi xa của nàng, ngẫu nhiên cả cái gáy đáng yêu với đôi bắp chân mang vớ lụa của nàng, và vậy là, rốt cuộc, anh đã thâm nạp nàng vào cái hậu cung hoang đường của mình! Chân lại duỗi ra, vĩa hè ngập nắng lại trôi ngang cửa sổ, và một lần nữa, cái mũi nhọn nhọn, thanh mảnh của anh, với vết lõm dễ thấy ngay chóp, lại hướng về phía đường phố, Erwin lại thâm nạp các nữ nô của mình. Và đấy chính là tưởng tượng, là xốn xang, là hân hoan tưởng tượng!

II

Một ngày thứ Bảy nọ, vào một chiều bông lông tháng Năm, Erwin ngồi bên một cái bàn vĩa hè. Anh ngắm nhìn đám đông tản bộ trên đại lộ, thỉnh thoảng lại căn môi dưới bằng chiếc răng cửa nhanh nhạy. Cả bầu trời ửng hồng và các ngọn đèn đường với đèn bảng hiệu rực lên những ngọn lửa siêu nhiên trong bóng tối đang kéo đến. Những bông tử đinh hương đầu mùa

được một thiếu nữ xanh xao song rất dễ thương rao bán. Một cách khá thích hợp, chiếc máy hát của tiệm café cất lời ca khúc Aria “Đóa hoa” từ *Faust*.

Một phụ nữ trung niên dáng cao bận y phục may đo màu xám sẫm, lắc hông một cách nặng nề, song không phải là không trang nhã, tiến tới giữa các bàn vỉa hè. Chẳng còn cái nào trống. Rốt cuộc, mụ đặt bàn tay đeo chiếc găng đen bóng loáng lên lưng chiếc ghế trống đối diện Erwin.

“Liệu tôi có thể?” Đôi mắt không cười của mụ thăm hỏi từ bên dưới tấm mạng ngăn của chiếc mũ nhung.

“Vâng, dĩ nhiên rồi,” Erwin trả lời, hơi nhóm dậy và cúi đầu. Anh không sợ những phụ nữ người chắc nịch trát phấn dày cộm, có quai hàm hơi giống đàn ông như vậy.

Chiếc túi quá khổ của mụ ngự lên bàn với tiếng thịch cương quyết. Mụ gọi một ly cà phê và một góc bánh táo hình nêm. Giọng mụ trầm, hơi khàn khàn, song dễ chịu.

Bầu trời mênh mông, mọng sắc hồng mờ, dương thắm lại. Một chiếc tàu điện gào rít ngang qua, rải những giọt lệ sáng chói tràn ngập mặt nhựa đường. Và các mỹ nữ váy-ngắn dạo qua. Ánh mắt Erwin bám theo họ.

Mình muốn em này, anh vừa nghĩ, vừa để ý đến môi dưới của mình. Với cả em kia nữa.

“Ta nghĩ chuyện đó có thể thu xếp được,” người đối diện anh nói cũng bằng cái giọng khàn khàn bình thản mà mẹ từng bảo người hầu bàn.

Erwin suyt nửa thì ngã khỏi ghế. Người đàn bà chăm chú nhìn anh, trong lúc từ tốn kéo một chiếc găng tay ra để giải quyết ly cà phê của mình. Đôi mắt trang điểm của mẹ tỏa sáng lạnh lẽo và rần rỏi, tựa những viên ngọc giả lòe loẹt. Những cái bóng thâm thâm phồng lên bên dưới chúng, và — điều hiếm khi xảy ra với trường hợp phụ nữ, thậm chí các phụ nữ lớn tuổi — những sợi lông mọc ra từ các lỗ mũi dạng-mèo. Chiếc găng bị lột để lộ một bàn tay lớn nhăn nheo với những cái móng dài, lồi lên, tuyệt đẹp.

“Đừng ngạc nhiên,” mẹ bảo với mẹ cười gượng gạo. Mẹ cố nén ngáp và nói thêm: “Thực ra, ta là Quý đấy.”

Erwin bẽn lễn, ngây thơ coi đây là một lối nói tu từ, song người đàn bà, hạ giọng, tiếp tục bảo thế này:

“Những kẻ hình dung ta có những cái sừng và một cái đuôi dày đã nhầm to. Chỉ một lần ta xuất hiện trong cái lốt ấy, trước vài thằng đàn Byzantine, và quả thật ta cũng chẳng biết tại sao

mà nó lại là một thành công kinh khủng đến vậy. Ta ra đời ba hay bốn lần trong mỗi hai thế kỷ. Vào thập niên 1870, độ năm chục năm trước, ta từng được chôn cất, với những nghi lễ đẹp như tranh và rất nhiều máu đổ, tại ngọn đồi trên cụm làng Phi Châu mà ta từng là chúa tể. Thời gian ở đó của ta là một kỳ nghỉ sau những hiện thân nghiêm cần hơn. Hiện nay ta là một phụ nữ sinh ở Đức, mà người chồng cuối cùng — ta có, ta cho rằng, ba ông cả thấy — là dân gốc Pháp, Giáo sư Monde. Trong các năm gần đây ta đã làm cho vài thanh niên tự tử, khiến một họa sỹ nổi tiếng sao chép và nhân bản bức tranh Tu Viện Westminster trên tờ bảng Anh, xúi giục một người cha thảo hiền đức hạnh. — Nhưng thật ra cũng chẳng có gì đáng để khoe khoang. Đây là một hóa thân khá vô vị, và ta đã chán ngấy nó rồi.”

Mụ nuốt lấy nuốt để lát bánh của mình còn Erwin, vừa lẩm bẩm gì đó, vừa vớ lấy chiếc mũ đã bị rơi xuống dưới gầm bàn.

“Thôi nào, đừng đi vội,” Frau¹ Monde nói, đồng thời vẫy tay gọi người hầu bàn. “Ta ban cho người điều này. Ta ban cho người một hậu cung. Và nếu người vẫn còn nghi ngờ về quyền

¹ “Bà”, hoặc “phu nhân” — tiếng Đức.

lực của ta. — Có thấy quý ông lớn tuổi đeo kính gọng đồi mồi đang đi ngang phố không? Hãy để ông ta bị tàu điện đụng phải.”

Erwin, chớp mắt, quay về phía con phố. Lúc ông già tới chỗ đường ray, ông lôi khăn mùi soa ra và sắp hắt hơi vào nó. Cùng lúc đó, một chiếc tàu điện chọt hiện ra, rít lên, và lăn bánh qua. Từ hai bên đại lộ, người ta lao về phía đường ray. Quý ông lớn tuổi ấy, kính với khăn mùi soa biến đâu mất, đang ngồi trên nhựa đường. Một người nào đó giúp ông dậy. Ông đứng, ngượng ngùng lắc lắc cái đầu, phủi tay áo khoác bằng gan bàn tay mình, và ngo ngoáy một chân để kiểm tra tình trạng của nó.

“Ta đã bảo là ‘bị tàu đụng,’ chứ không phải ‘bị cán,’ điều mà ta cũng có thể nói,” Frau Monde lạnh lùng nhận xét, trong khi mục nhét một miếng thuốc lá to vào cái bót trắng men. “Bất luận thế nào, đấy cũng là một thí dụ.”

Mục thổi hai luồng khói xám qua đôi lỗ mũi và lại chăm chăm nhìn Erwin bằng cặp mắt sáng rần rỏi.

“Ta thích người ngay lập tức. Sự bền lên ấy, trí tưởng tượng táo bạo ấy. Người nhắc ta nhớ lại một thầy tu trẻ, ngây thơ, dẫu được phú cho rất nhiều, người mà ta quen biết ở Tuscany. Đây

là đêm áp chót của ta. Làm phụ nữ cũng có những điểm thú vị, nhưng làm phụ nữ già thì thật khủng khiếp, mong người thứ lỗi cho cách diễn đạt của ta. Vả lại, hôm nọ ta vừa gây ra một chuyện quỷ quái — người sẽ sớm được đọc về nó trên mọi tờ báo — đến nỗi ta nên biến khỏi cuộc đời này thì hay hơn. Thứ Hai tới, ta dự tính sẽ chào đời ở nơi nào đó khác. Á điểm Xi-bê-ri mà ta chọn sẽ làm mẹ một gã gớm guốc, phi thường.”

“Tôi hiểu,” Erwin nói.

“Thế đấy, trai yêu của ta,” Frau Monde vừa tiếp tục nói, vừa đánh bay mẩu bánh ngọt thứ hai của mụ, “ta định, trước khi ra đi, sẽ hưởng chút vui vẻ vô hại. Đây là điều ta đề nghị. Ngày mai, từ giữa trưa đến nửa đêm, người có thể chọn lựa bằng cái cách thức thông dụng của mình” (với vẻ hài hước vô duyên, Frau Monde mút môi dưới với một tiếng huýt mọng nước) “mọi cô gái mà người thích. Trước khi ra đi, ta sẽ khiến cho họ tụ họp lại và để họ cho người hoàn toàn tùy ý sử dụng. Người có thể giữ họ cho đến khi người tận hưởng xong tất cả bọn họ. Người thấy chuyện ấy thế nào, *amico*¹?”

¹ “Bạn” — tiếng Ý.

Erwin cup mắt xuống và nhỏ nhẹ nói: “Nếu như điều này là thật hết, thì ắt sẽ là niềm hạnh phúc lớn lao.”

“Vậy được rồi,” mẹ nói, và liếm chỗ kem đánh-xốp còn lại khỏi chiếc thìa: “Được rồi. Tuy nhiên, có một điều kiện phải được tuân thủ. Không, không phải điều người đang nghĩ. Như ta đã bảo người, ta đã thu xếp xong xuôi hiện thân kế tiếp của mình. Ta chẳng đòi linh hồn người đâu. Mà điều kiện là thế này: tổng các lựa chọn của người trong khoảng thời gian từ giữa trưa đến nửa đêm phải là số lẻ. Điều này là cốt yếu và quyết định. Nếu không thì ta chẳng thể làm gì cho người.”

Erwin dặng háng và hỏi, gần như thì thào: “Nhưng mà — làm sao tôi biết được? Cho là, tôi chọn một cô — rồi sao?”

“Chẳng sao cả,” Frau Monde nói. “Cảm giác của người, khát khao của người, tự chúng là mệnh lệnh. Song le, để cho người chắc chắn rằng giao kèo đã thành, thì mỗi bận ta sẽ cho người thấy một dấu hiệu nào đó — một nụ cười, không nhất thiết là hướng về người, một lời nói tình cờ trong đám đông, một mảng màu đột ngột nào đó — những thứ đại loại như vậy. Đừng lo, người sẽ biết thôi.”

“Còn — còn —” Erwin lăm bằm, lê chân dưới gầm bàn: “— còn mọi chuyện kia sẽ — ừ thì — diễn ra ở đâu ạ? Tôi chỉ có một căn phòng rất nhỏ.”

“Cũng đừng lo việc đó,” Frau Monde nói, và cái coóc-xê của mụ kêu kẻo kẹt lúc mụ đứng dậy. “Giờ là lúc người đi về nhà. Nghỉ ngơi một đêm yên lành cũng chẳng hại gì. Ta sẽ cho người đi nhờ xe.”

Trong chiếc taxi mui trần, cùng làn gió mù mịt luồn giữa trời sao và nhựa đường lấp lánh, Erwin tội nghiệp cảm thấy vô cùng phấn chấn. Frau Monde ngồi thẳng đứng, đôi chân mụ bắt chéo tạo hình góc nhọn, và ánh đèn thành phố nhấp nháy trong cặp mắt ngọc ngà.

“Nhà người đây rồi,” mụ nói, chạm vai Erwin. “*Au revoir*¹.”

III

Một vại bia đen pha với rượu brandy có thể mang lại thật nhiều mộng mơ. Erwin ngẫm nghĩ như vậy khi anh tỉnh giấc sáng hôm sau — anh hẳn đã say, và cuộc chuyện trò với người phụ nữ

¹ “Tạm biệt” — tiếng Pháp.

tức cười ấy chỉ toàn là tưởng tượng mà thôi. Bước ngoặt cường điệu này thường xuất hiện trong các truyện thần tiên và, hết như trong các truyện thần tiên, chàng trai của chúng ta sớm hiểu ra rằng anh đã sai.

Anh đi ra ngoài ngay khi đồng hồ giáo đường bắt đầu công việc khó nhọc là điểm mười hai giờ trưa. Các tiếng chuông Chủ Nhật giao hòa một cách sôi nổi, và một làn gió nhẹ vui tươi lay động những cây tử đinh hương Ba Tư quanh buồng vệ sinh công cộng trong công viên nhỏ gần nhà anh. Những con bồ câu đậu trên một *Herzog* đá cổ xưa hoặc đi lạch bạch dọc theo cái hộp cát nơi bọn trẻ nhỏ, chống những cái mũ lông vải fla-nen của chúng lên, đào xới bằng xẻng đồ chơi và nô đùa cùng các đoàn tàu gỗ. Các lá đoan bóng loáng lay động trong gió; những chiếc bóng hình con át pích của chúng rung rinh trên lối sỏi và leo thành đàn thú hư vô lên ống quần và váy của những người đi dạo, đưa lên cao và tản ra khắp vai và mặt, và thêm một lần nữa, cả đàn trượt ngược xuống mặt đất, nơi, hơi xao động, chúng nằm rình vị khách bộ hành kế tiếp. Trong khung cảnh lổ đổ muôn màu này, Erwin để ý thấy một cô gái bận đồ trắng đang ngồi xổm để vắn vò bằng hai ngón tay một con cún béo lông lá bờm xờm có những mụn cóc trên bụng.

Độ nghiêng mái đầu nàng để lộ trần phần sau cổ, cho thấy những gợn xương sống, lông tơ vàng hoe, chỗ hõm non mềm giữa đôi xương bả vai, và nắng xuyên qua lá cây tìm thấy bến đậu bốc lửa trên mái tóc nâu hạt dẻ của nàng. Vẫn chơi với con cún, nàng nhòm nửa người khỏi tư thế ngồi xổm và vỗ tay lên trên hông. Con thú mập nhỏ kia lăn lộn trên cỏ, chạy vài bộ¹ ra xa, và ngã nghiêng lên bên sườn nó. Erwin ngồi xuống ghế băng và đưa ánh mắt rụt rè và thèm thường nhìn mặt nàng.

Anh trông thấy nàng thật rõ nét, với sức mạnh tri giác hoàn hảo và sâu sắc đến mức dường như chẳng có gì mới trên nét mặt nàng có thể được khai mở sau nhiều năm gần gũi trước kia. Đôi môi hơi nhợt nhạt của nàng giật giật như thể nhắc lại từng chuyển động mềm mại và nhỏ nhẹ của con cún; cặp mi mắt nàng vỗ lấp lánh đến nỗi nhìn như những tia sáng nhỏ của đôi mắt long lanh, nhưng mê hoặc nhất, có lẽ, là đường cong má nàng, giờ hơi nhẹ nhàng khi nhìn bán diện; đường lượn xuống ấy, đương nhiên, chẳng từ ngữ nào có thể miêu tả nổi. Nàng bắt đầu chạy, khoe đôi chân đẹp, còn con cún nhào lộn theo chân nàng như cuộn len.

¹ Một bộ tương đương 30,48cm.

Trong sự nhận thức đột ngột về sức mạnh huyền diệu của mình, Erwin nín thở đợi chờ cái tín hiệu hứa hẹn. Ngay khoảnh khắc ấy, cô gái quay đầu lại trong lúc đang chạy và chợt mỉm cười với tạo vật nhỏ mẫm mẫm vẫn bám sát theo mình.

“Số một,” Erwin tự nhủ với sự hài lòng hiếm có, và nhóm dậy khỏi băng ghế.

Anh kéo lê chân theo lối sỏi, đi đôi giày vàng-cam sắc sỡ chỉ được mang vào Chủ Nhật. Anh rời chốn nghỉ ngơi của cái công viên nhỏ xíu ấy và qua Đại lộ Amadeus. Mắt anh có ngó nghiêng không? Ồ, có chứ. Song, có lẽ, do cô gái bạn đồ trắng đã, bằng cách này cách khác, để lại dấu ấn tươi sáng hơn bất cứ ấn tượng nào từng được ghi nhớ, thành thử một đốm mù nhảy múa nào đó đã ngăn trở anh tìm ra người tình khác. Dẫu sao, chẳng bao lâu sau, đốm mờ ấy tan biến ngay, và gần một cái trụ lấp kính có bảng giờ tàu điện, anh bạn của chúng ta quan sát thấy hai quý cô trẻ trung — hai chị em, hoặc thậm chí là sinh đôi, xét đoán theo sự giống nhau rất ấn tượng của họ — đang tranh cãi về tuyến xe điện nào đó với giọng nói sôi nổi, âm vang. Cả đôi đều nhỏ nhắn và thon thả, bạn đồ lụa đen, có cặp mắt lạnh lợi và đôi môi tô son.

“Đấy chính là chuyến tàu em muốn,” một trong hai cô cứ nói.

“Cả đôi đi ạ, làm ơn,” Erwin nhanh nhẩu thỉnh cầu.

“Vâng, dĩ nhiên rồi,” cô kia đáp lời chị mình.

Erwin tiếp tục bước dọc theo đại lộ. Anh biết mọi con phố thanh lịch, nơi có những cơ hội tuyệt nhất.

“Ba,” anh tự nhủ. “Số lẻ. Cho đến giờ mọi việc đều ổn thỏa. Giá mà ngay lúc này là nửa đêm...”

Nàng vừa đu đưa xắc tay vừa bước xuống thềm Leila, một trong các khách sạn tốt nhất địa phương. Bạn đồng hành to con cầm-xanh của nàng đi chậm lại sau nàng để chiêm diếu xì-gà. Quý cô thật đáng yêu, không đội mũ, tóc kiểu bob¹, với vạt tóc ngang trán khiến nàng nhìn như diễn viên bé trai trong vai thiếu nữ. Lúc nàng đi ngang qua, giờ thì được hộ tống sát sạt bởi kẻ kinh địch lỗ lảng của chúng ta, Erwin để ý thấy cùng lúc ấy một bông hồng giả đỏ thắm trên ve áo vét của nàng và bức quảng cáo trên một bảng hiệu: một người Thổ ria vàng hoe và, bằng các chữ cái rất lớn, từ “VÂNG!”, dưới đó là

¹ Kiểu tóc ngắn quá vai.

các chữ cái nhỏ hơn: “TÔI CHỈ HÚT HOA HỒNG ĐÔNG PHƯƠNG.”

Thế là thành bốn, chia hết cho hai, và Erwin thấy háo hức phục hồi lại cái trò số lẻ vô nghĩa này ngay, không lần nữa. Trên con hẻm bên ngoài đại lộ, có một tiệm ăn rẻ tiền mà anh đôi lúc hay lui tới vào các Chủ Nhật khi chán ngấy đồ ăn của bà chủ nhà. Trong số các cô gái mà lúc này lúc khác anh từng để ý, có một nàng làm việc tại nơi ấy. Anh bước vào và gọi đĩa thức ăn ưa thích của mình: món dồi tiết và dưa cải bắp. Bàn anh ngay cạnh chiếc điện thoại. Một người đàn ông đội mũ quả dưa gọi cho số nào đó và bắt đầu nói huyền thuyên một cách hăng hái như con chó săn đánh hơi được thỏ rừng. Ánh mắt Erwin thờ thẩn liếc về phía quầy bar — nơi đó có cô gái mà anh từng thấy ba hay bốn bận trước đây. Nàng đẹp theo lối âm đạm, lấm chấm tàn nhang, nếu như nhan sắc có thể là màu hung âm đạm. Lúc nàng nhấc cánh tay trần để đặt những vại bia đã rửa sạch, anh trông thấy các túm lông đỏ trong nách nàng.

“Được, được!” gã đàn ông quát vào ống nói.

Với tiếng thở dài nhẹ nhõm được làm phong phú thêm bằng tiếng ợ, Erwin rời tiệm ăn. Anh thấy nặng bụng và cần chột mắt một lát.

Nói thật là, đôi giày mới kẹp chặt như những con cua. Thời tiết đã thay đổi. Không khí oi bức. Những đám mây lớn hình vòm to dần và chồng chất lên nhau trên bầu trời nóng nực. Các con phố trở nên vắng vẻ. Người ta có thể cảm thấy các ngôi nhà đầy ắp những tiếng ngáy chiều Chủ Nhật. Erwin lên một chiếc tàu điện.

Tàu bắt đầu lăn bánh. Erwin quay gương mặt nhợt nhạt, bóng nhẫy mồ hôi, về phía cửa sổ, song không có cô gái nào đi bộ. Lúc trả tiền vé, anh để ý thấy, bên phía kia lối đi, một phụ nữ ngồi quay lưng lại anh. Cô đội mũ nhung đen, mặc chiếc đầm nhẹ với những họa tiết hoa cúc bện vào nhau tương phản trên nền màu hoa cà trong mờ, xuyên qua chúng hiện ra các dây lưng váy lót. Vóc người to lớn đẹp như tượng của cô khiến Erwin tò mò muốn liếc thấy mặt cô. Khi mũ cô chuyển động và, như con tàu đen, bắt đầu quay, thoát đầu anh ngó ra xa như thường lệ, giả bộ lơ đãng ngắm cậu thanh niên ngồi đối diện, ngắm móng tay chính mình, ngắm ông già nhỏ con má đỏ hồng đang lơ mơ ngủ ở cuối toa tàu, và, nhờ vậy mà thiết lập được điểm khởi hành để biện hộ cho việc tiếp tục đưa mắt nhìn quanh thêm nữa, Erwin dời ánh mắt tình cờ của mình qua quý cô lúc này đang ngó về phía anh. Đó là Frau Monde. Khuôn mặt đầy đặn, không-còn-

trẻ-nữ của mũ đỏ tấy lên vì nóng, cặp mày như đàn-ông dựng đứng lên trên đôi mắt soi mói rực rỡ sắc màu, một nụ cười hơi mỉa mai uốn quăn lên các góc môi mím chặt.

“Xin chào,” mũ nói bằng cái giọng êm ái khàn khàn: “Lại đây ngồi nào. Giờ ta có thể tán gẫu được rồi. Công việc diễn tiến ra sao?”

“Mới có năm thôi,” Erwin ngượng nghịu trả lời.

“Tuyệt vời. Một con số lẻ. Ta muốn khuyên người dừng lại ở đây. Và vào lúc nửa đêm — à, đúng rồi, ta không nghĩ là đã bảo người — vào lúc nửa đêm, người tới phố Hoffmann nhé. Biết nó ở đâu chưa? Kiểm giữa số Mười Hai và Mười Bốn. Lô đất trống ở đó sẽ được thay thế bởi một biệt thự với khu vườn có tường bao quanh. Các cô gái người chọn sẽ chờ người trên chần nệm. Ta sẽ gặp người tại cổng vườn — nhưng để hiểu là,” mũ nói thêm cùng nụ cười tế nhị, “ta sẽ không vào bừa. Người nhớ được địa chỉ chưa? Nơi đó sẽ có một ngọn đèn đường mới toanh ngay trước cổng.”

“Ồ, một điều nữa,” Erwin nói, lấy hết can đảm. “Hãy cho họ mặc đồ lúc ban đầu — tôi định nói là hãy cho họ có vẻ ngoài đúng như lúc tôi

chọn họ — và hãy làm cho họ thật vui vẻ và đáng yêu.”

“Sao vậy, đương nhiên rồi,” mụ trả lời, “mọi thứ sẽ hết như người mong muốn, dù người có dặn ta hay không. Nếu không thì đâu có lý do gì để khơi ra toàn bộ vụ này, *n'est-ce pas*¹? Thế nhưng, hãy thú nhận đi, trai yêu của ta — anh sắp tuyển ta vào hậu cung của mình hả. Không, không, đừng sợ, ta đùa người thôi. Tốt rồi, đó là điểm dừng của người. Thật khôn ngoan khi biết ngưng đúng lúc. Năm là đủ lắm rồi. Hẹn gặp người vài giây sau nửa đêm, ha ha.”

IV

Lúc về đến phòng mình, Erwin tháo giày và nằm dài trên giường. Anh tỉnh dậy khi đã xế chiều. Một giọng nam cao ngọt ngào to hết cỡ tuôn đến từ chiếc máy hát bên nhà hàng xóm: “*Anh muốn được cùng em...*”²

Erwin bắt đầu nghĩ lại: Số một, Thiếu Nữ bện đồ Trắng, nàng có vẻ chất phác nhất trong cả đám. Có thể ta đã hơi vội vã. Ôi, thôi được, cũng chẳng hại gì. Rồi cặp Sinh Đôi gần trụ kính.

¹ “Phải không nào?” — tiếng Pháp.

² Tác giả cố ý viết “ngọt” trong nguyên bản.

Những tạo vật trẻ tươi vui, tô lục chuốt hồng. Chắc chắn ta sẽ rất vui vẻ cùng họ. Rồi số bốn, Leila Hoa Hồng, giống như bé trai. Đó, không chừng, là em ngon nhất. Và cuối cùng, Cô Cáo trong quán bia. Cũng không tệ. Nhưng mới có năm. Thế thì đâu quá nhiều.

Anh nằm sấp một lát, với đôi bàn tay để sau đầu, lắng nghe giọng nam cao, vẫn cứ muốn được cùng em: Năm. Không, thật ngớ ngẩn. Đáng tiếc là không phải sáng thứ Hai: ba cô bán hàng hôm nọ — ồ, còn rất nhiều mỹ nhân nữa đang chờ được tìm thấy! Và ta luôn có thể thêm đại một á gái đứng đường vào giây phút cuối cùng.

Erwin xỏ đôi giày thường lệ, chải tóc, rồi hấp tấp đi ra ngoài.

Đến chín giờ thì anh đã kịp thu nhận thêm hai cô nữa. Một trong số họ được anh để ý thấy trong tiệm café nơi anh ăn xăng-vích và uống hai cốc rượu gin Đức. Nàng đang chuyện trò hết sức hào hứng với bạn mình, một người ngoại quốc tay-vê-râu, bằng thứ tiếng không thể hiểu được — Ba Lan hay Nga — đôi mắt xám của nàng hơi xếch, chiếc mũi khoằm mảnh mai nhẵn lại khi nàng cười, còn đôi chân thanh lịch của nàng để trần đến đầu gối. Trong lúc Erwin quan

sát các cử chỉ nhanh nhẹn của nàng, cái lối bất cần mà nàng vẩy vẩy tàn thuốc khắp bàn, thì một từ tiếng Đức, như ô cửa sổ, chột mở toang trong lời thoại tiếng Xla-vơ của nàng, và từ tình cờ này (*"offenbar"*) chính là dấu hiệu "hiển nhiên". Cô gái khác, số bảy trong danh sách, xuất hiện tại cái cổng vào theo phong cách Trung Hoa của một công viên giải trí nhỏ. Nàng mặc áo choàng đỏ thắm với váy xanh lục tươi, và cần cổ để trần của nàng phồng lên lúc nàng hét lạnh vì sung sướng, đuổi đôi trai trẻ thô lậu vui nhộn đang chụp lấy hông nàng và cố gắng khiến nàng đi theo chúng.

"Em bằng lòng, em bằng lòng!" Rốt cuộc, nàng la lên, và vội vã chạy đi.

Những chiếc đèn lồng bọc giấy nhiều màu làm nơi này thêm sinh động. Một thứ nhìn giống xe trượt tuyết mang các hành khách rên rỉ đang lao vun vút xuống một máng trượt ngoằn ngoèo, biến mất trong các đoạn đường có mái vòm góc cạnh thuộc cảnh quan thời trung cổ, và bổ nhào vào vực thẳm mới cùng những tiếng rú rít mới. Trong một cái lán, trên bốn chiếc ghế xe đạp (không có bánh, chỉ có khung, pê-đan, với ghi-đông), bốn cô gái bận áo nịt len và quần soọc — một đỏ, một lam, một lục, một vàng — đang ngồi, những đôi chân trần của họ guồng hết tốc

lục. Bên trên họ có treo một mặt đồng hồ, trên đó có bốn mũi tên, đỏ, lam, lục, vàng, đang chuyển động. Thoạt đầu, lam đứng nhất, rồi lục vượt qua nó. Một người đàn ông với chiếc còi hiệu đứng bên cạnh và thu tiền xu của vài thằng thộn muốn đặt cược. Erwin nhìn chăm chăm những đôi chân tuyệt diệu ấy, được để trần gần đến bẹn và đang guồng với sức mạnh cuồng nhiệt.

Họ hẳn là những vũ công cực kỳ điêu luyện, anh nghĩ; ta có thể dùng cả bốn.

Các mũi tên ngoan ngoãn tụ họp thành một bó và dừng lại.

“Đồng hạng!” người đàn ông với chiếc còi hét lớn. “Một kết thúc giật gân!”

Erwin uống ly nước chanh, coi đồng hồ, rồi đi ra.

Mười một giờ và mười một cô. Ta nghĩ, thế là đủ.

Anh him him mắt và hình dung những khoái lạc đang chờ mình. Anh mừng vì đã nhớ bạn đồ lót sạch.

Frau Monde quý quýet sẽ sắp đặt sao nhĩ, Erwin vừa tủm tỉm cười vừa ngẫm nghĩ. Hiển

nhiên là mục sẽ theo dõi mình rồi, sao lại không? Việc ấy sẽ thêm vào chút gia vị.

Anh bước đi, mắt nhìn xuống, lắc đầu đầy vẻ hài lòng, và chỉ thi thoảng mới ngó lên để soát lại tên phố. Phố Hoffmann, anh biết, cách khá xa, song anh hăng còn cả giờ, thành thử cũng chẳng cần phải vội làm gì. Lại lần nữa, như vào đêm trước, bầu trời nhung nhúc những vì sao và nhựa đường long lanh như nước lặng, hấp thu và kéo dài thứ ánh sáng ma thuật của thị trấn. Anh đi ngang qua một rạp chiếu phim lớn, ánh sáng rực rỡ của nó tràn ngập vỉa hè, và tại góc phố sau, một tràng cười trẻ thơ ngán ngủ khiến anh phải ngược mắt lên.

Anh nhìn thấy đằng trước mình một ông già dáng cao bận dạ phục, với cô bé đi bên cạnh — một đứa trẻ độ mười bốn tuổi bận lễ phục trẻ cổ màu đen. Cả thị trấn biết ông già này theo các bức chân dung ông. Ông là nhà thơ nổi tiếng, một cụ thiên nga già yếu, sống hoàn toàn đơn côi ở một vùng ngoại ô xa xôi. Ông bước những bước dài với vẻ phong nhã có phần nặng nhọc; mái tóc ông, mang sắc bông xơ như bấc, vươn dài quá tai từ bên dưới chiếc mũ phớt mềm. Chiếc khuy rời nơi vùng tam giác trên ngực chiếc sơ mi hồ bột của ông bắt ánh đèn, và cái mũi dài xương xương buông chiếc bóng hình

nêm lên một bên cái miệng mỏng-môi của ông. Trong cùng khoảng khắc run rẩy ấy, ánh mắt Erwin tình cờ bắt gặp gương mặt đứa trẻ đang ông ẹo bên cạnh thi sỹ già; có gì đó lạ lùng trên gương mặt ấy, có gì đó lạ lùng trong cái cách ánh mắt quá sáng của nàng lướt qua, và nếu nàng không chỉ là một cô bé — chắc chắn là cháu gái của ông già — thì người ta có thể ngờ rằng đôi môi nàng đã được tô son. Nàng vừa bước vừa lắc hông rất, rất nhẹ, đôi chân nàng chuyển động sát nhau, nàng hỏi người đồng hành một điều gì đó bằng giọng nói trong trẻo — và dẫu Erwin không thăm ra lệnh, song anh vẫn biết rằng mong ước mau mắn thăm kín của mình đã được đáp ứng.

“Ồ, đương nhiên rồi, đương nhiên rồi,” ông già ngon ngọt đáp lời, nghiêng mình về phía con bé.

Họ đi ngang qua, Erwin bắt được mùi nước hoa thoang thoảng. Anh ngoái nhìn lại, rồi đi tiếp.

“Ơ này, cẩn thận,” anh chợt lăm bắm khi nhận ra rằng cô bé này vừa làm cho tổng thành mười hai — một số chẵn: ta phải tìm thêm một em — trong vòng nửa giờ.

Anh hơi bực mình vì lại phải tiếp tục đi tìm, nhưng đồng thời thấy vui vui vì dấu sao cũng được cho thêm cơ hội nữa.

Ta sẽ kiếm được dọc đường thôi, anh tự nhủ, làm dịu đi chút hoang mang mơ hồ. Ta chắc chắn phải tìm được một em!

“Có thể, đó sẽ là em đẹp nhất cả đám,” anh lớn tiếng bình luận trong lúc đắm đắm nhìn vào màn đêm đen bóng.

Và vài phút sau, anh lại nếm trải cơn co bóp khoan khoái quen thuộc ấy — cảm giác ớn lạnh ấy ở cụm dây thần kinh ổ bụng. Một phụ nữ đang trước anh đang bước tới trước với những bước chân nhanh nhẹn và nhẹ nhàng. Anh chỉ thấy được nàng từ sau lưng và không thể giải thích tại sao anh lại khát khao một cách đớn đau đến thế để bắt kịp được *nàng* và ngắm gương mặt nàng. Đương nhiên, người ta có thể tìm được những lời tình cờ để miêu tả dáng điệu nàng, chuyển động vai nàng, bóng ngược sáng chiếc mũ của nàng — nhưng liệu có ích lợi gì không? Một điều gì đó bên kia những đường nét hữu hình của nàng, một thứ khí quyến đặc biệt nào đó, một sự kích thích thiên tiên nào đó, quyến rũ Erwin liên miên không ngớt. Anh bước rất nhanh mà vẫn không thể bắt kịp nàng;

những ánh phản chiếu ẩm ướt lập lòe trước mặt anh; nàng vẫn đều đều nhẹ bước tới trước, và cái bóng đen của nàng lại vút lên, mỗi lúc nàng bước vào vùng hào quang thuộc ngọn đèn đường nào đó, lướt ngang một bức tường, lượn vòng quanh cạnh nó, rồi tan biến.

“Trời ơi, ta phải thấy được mặt nàng,” Erwin lẩm bẩm. “Còn thời gian thì đang bay nhanh.”

Ngay sau đó, anh quên cả thời gian. Cuộc săn đuổi lặng lẽ lạ lùng ấy làm anh say. Rốt cuộc, anh cũng vượt được nàng và đi tiếp, xa lên trước, song không có can đảm để quay lại nhìn nàng và chỉ biết đi chậm lại, nhân đó, đến lượt nàng lại vượt qua anh và nhanh đến nỗi anh chẳng có thời gian để ngược mắt lên. Lần nữa, anh lại đi sau nàng chục bước chân và đến lúc này thì anh đã biết, mà không cần thấy mặt nàng, rằng nàng là phần thưởng chính của anh. Các con phố bùng lên ánh đèn màu, tắt dần, rồi lại rực lên; một quảng trường phải được vượt qua, một khoảng không gian đen bóng, và một lần nữa, cùng tiếng lách cánh gọn gàng từ đôi giày cao gót, cô gái lại bước trên vỉa hè, cùng Erwin đằng sau, hoang mang, hồn xiêu phách lạc, ngất ngây vì những ánh đèn mơ hồ, vì đêm ẩm ướt, vì cuộc săn.

Điều gì đã cám dỗ anh? Không phải dáng nàng đi, không phải bóng hình nàng, mà là thứ gì đó khác, bở bừa và lấn át, như thể một thứ ánh sáng lung linh đậm đặc bao quanh nàng: chỉ là tưởng tượng, không chừng, xốn xang, hân hoan tưởng tượng, hoặc không chừng nó chính là cái vẫn làm đổi thay toàn bộ đời người bằng một cú sốc thần thánh — Erwin không biết gì hết, anh chỉ tăng tốc theo sau nàng trên nhựa đường và sỏi đá, những thứ dường như cũng trở nên phi vật chất trong màn đêm ngũ sắc.

Rồi những cái cây, những cây đoan xuân thì, tham gia cuộc săn lùng: chúng vừa tiến tới vừa xì xào cả hai bên, trên đầu, khắp xung quanh anh; những cái tâm đen nhỏ của bóng chúng kết lại với nhau tại chân mỗi ngọn đèn đường, và mùi thơm nhộp nháp dịu dàng của chúng đã khích lệ anh.

Một lần nữa, Erwin lại đến gần. Một bước nữa thôi, và anh sẽ sóng hàng với nàng. Nàng bất ngờ dừng bước tại một cửa xép sắt và móc chìa khóa ra khỏi xắc tay. Động lượng của Erwin suýt nữa thì khiến anh đâm bổ vào nàng. Nàng quay mặt về phía anh, và theo ánh đèn đường buông xuống qua những chiếc lá màu ngọc lục bảo, anh nhận ra cô gái sáng hôm ấy từng chơi đùa với con cún đen lông len trên lối sỏi, và lập

tức nhớ lại, lập tức hiểu ra hết thấy sức quyến rũ, hơi ấm dịu dàng, ánh hào quang vô giá ấy của nàng.

Anh đứng nhìn nàng chăm chăm với nụ cười thảm hại.

“Anh phải biết tự xấu hổ chứ,” nàng khẽ nói. “Để tôi yên.”

Cái cổng nhỏ mở ra, rồi đóng sập lại. Erwin vẫn đứng dưới gốc đoan im lìm. Anh nhìn quanh, chẳng biết đi lối nào. Cách vài bước, anh thấy hai bong bóng sáng rực: một chiếc ô tô đang đậu bên vỉa hè. Anh bước lại gần nó và chạm vào vai gã tài xế bất động, như một hình nhân.

“Xin cho tôi biết đây là phố nào? Tôi bị lạc.”

“Phố Hoffmann,” hình nhân lạnh nhạt đáp.

Rồi một giọng nói quen thuộc, khàn khàn, êm ái, cất lên từ sâu thẳm lòng xe.

“Chào. Tôi đây.”

Erwin tựa tay lên cửa xe và uể oải đáp lại.

“Ta buồn quá,” giọng nói lên tiếng, “ta đang đợi bạn trai ở đây. Anh ấy sẽ mang thuốc độc đến. Anh ấy với ta sẽ chết lúc rạng đông. Người sao rồi?”

“Số chẵn,” Erwin nói, quệt ngón tay dọc cánh cửa bụi bặm.

“Ừ, ta biết,” Frau Monde điềm tĩnh trả lời. “Số mười ba hóa ra là số một. Người làm hỏng việc một cách khá vụng về.”

“Thật đáng tiếc,” Erwin nói.

“Thật đáng tiếc,” mẹ lặp lại, và ngáp.

Erwin khom lưng, hôn chiếc găng tay lớn đen ngòm của mẹ, bị nhồi chặt bởi năm ngón tay xòe rộng, rồi cùng tiếng ho khẽ, quay vào bóng tối. Anh lê bước nhọc nhằn, đôi chân anh nhúc nhối, anh thấy lòng nặng trĩu bởi ý nghĩ rằng mai là thứ Hai và thật khó mà dậy nổi.

Dao Cạo

Không phải vô có mà trong trung đoàn họ gọi hắn là: Dao Cạo. Ở con người này, gương mặt thiếu hắn nét trực diện. Khi những người quen biết hắn nghĩ về hắn, thì họ chỉ có thể hình dung ra hắn theo trắc diện mà thôi, và cái trắc diện này thật đặc biệt: mũi nhọn như góc chiếc ê ke vẽ kỹ thuật; cằm cứng như cùi chó; cặp mi dài mềm mại, như thường có ở những kẻ rất lì lợm, rất cứng cỏi. Bí danh hắn là Ivanov.

Trong cái bí danh được đặt từ thuở xưa ấy của hắn hàm chứa một sự tiên tri lạ lùng. Không hiếm khi xảy ra việc một người mang cái tên

Thạch hay Stein¹ lại trở thành một nhà khoáng vật học ưu tú. Và đại úy Ivanov, lưu lạc, sau một cuộc tẩu thoát đậm chất sử thi với rất nhiều khổ đau ê chề vô vị, đến Berlin, làm chính cái nghề, mà bí danh lâu nay của hắn vẫn ám chỉ đến, là cắt tóc. Hắn làm việc ở một tiệm cắt tóc nhỏ, song sạch sẽ, nơi ngoài hắn ra có hai thợ phụ cũng cắt với cạo, cả đôi đều có thái độ kính trọng rất hoan hỉ với “ngài đại úy Nga,” và còn thêm chính ông chủ, một gã béo rầu rĩ, hay quay cái tay máy tính tiền cùng tiếng loảng xoảng giòn tan như tiếng bạc, với cả một cô thợ làm móng trong mờ, thiếu máu, người dường như quắt lại do phải tiếp xúc với hằng hà sa số ngón tay người, thường nằm nằm cái một ngay trên tấm nệm nhung trước mặt cô. Ivanov làm việc rất giỏi, song gặp chút trở ngại là hắn nói tiếng Đức rất tệ. Tuy nhiên, hắn nhanh chóng hiểu được rằng cần xử sự ra sao, mà cụ thể là: đưa từ “*nicht?*” ngụ ý muốn hỏi vào sau một câu, còn sau câu kế tiếp là từ “*was?*” cũng ngụ ý muốn hỏi, rồi sau đó lại “*nicht?*” và cứ thế mà tiếp tục, xen lẫn nhau. Cũng thật tuyệt vời là mặc dù hắn chỉ học cắt tóc ở Berlin, song bộ điệu hắn chẳng khác gì của các thợ cạo Nga, những người, như đã biết, nhấp rất nhiều nhát kéo vô bổ, nhấp

¹ “Đá” — tiếng Đức.

nhấp, nhắm nhắm, xén nhúm nọ, xén nhúm kia, rồi lại rất nhanh, rất nhanh, như thể theo quán tính, tiếp tục cặm cùi khua lưỡi kéo trong không khí. Các đồng nghiệp của hắn kính trọng hắn chính vì cái tiếng leng keng điệu đà này.

Dĩ nhiên kéo với dao cạo là các món vũ khí lạnh, và những rung rinh kim loại liên miên này là một thứ gì đó làm khuấy khỏa tâm hồn hiểu chiến của Ivanov. Con người hắn thù dai và khôn ngoan. Tổ quốc rộng lớn, cao quý, vĩ đại, tráng lệ của hắn đã bị một tên hề chán ngắt nào đó hủy hoại vì những uyển ngữ tô hồng, và đó là điều hắn không thể tha thứ. Trong lòng hắn, sự báo thù thu mình lại, như cái lò xo bị nén chặt, đợi thời cơ.

Lần nọ, vào một sáng hè xám lam hết sức nóng bức, cả hai đồng nghiệp Ivanov, thừa lúc thường hay vắng khách trong giờ làm việc, xin phép đi một tiếng, còn chính ông chủ, chết vì nóng và nổi thèm muốn đã chín mọng lâu nay, lặng lẽ đưa cô bé làm móng xanh xao ưng thuận mọi điều vô căn phòng phía sau. Ivanov, còn lại một mình trong tiệm cắt tóc sáng trưng, đọc báo và sau đó, châm điếu thuốc, bước ra ngoài, diện nguyên bộ trắng, đứng trên ngưỡng cửa ngắm khách qua đường.

Người người thấp thoáng lại qua cùng sự thấp tùng của các chiếc bóng xanh lam từ chính họ, những chiếc bóng ấy bị bẻ gãy trên bờ vỉa hè và lướt một cách can đảm dưới các bánh ô tô sáng loáng đương để lại trên nhựa đường nóng rẫy những vết hình dải băng giống hệt hoa văn lột da rắn. Và, đột nhiên, từ hè phố, một quý ông dáng thấp, vạm vỡ, bận com-lê đen, đội mũ quả dưa đen, với chiếc cặp đen cặp nách, quay ngoắt thẳng về hướng Ivanov trắng. Ivanov, mắt hấp háy vì nắng, tránh qua bên, nhường lối cho y vào tiệm cắt tóc.

Lúc ấy, vị khách mới vào phản chiếu trong mọi tấm gương cùng lúc — theo trục diện, theo mặt nghiêng ba phần tư, sau đó là qua chỗ hói vàng sấp sau đầu, mà từ đó y nhắc chiếc mũ quả dưa đen lên để mắc vào móc. Và khi quý ông quay mặt về hướng những tấm gương ngời sáng trên các giá đỡ cẩm thạch, mà trên đó lóng lánh vàng lục các lọ dầu thơm, Ivanov tức thời nhận ra bộ mặt múp míp, linh hoạt ấy, cùng đôi mắt nhỏ sắc như dao với mọt nốt ruồi bụi chẳng ấy trên cánh mũi phải.

Quý ông ấy lặng lẽ ngồi trước gương và, vừa lăm bắm gì đó, vừa gõ những ngón tay mập mập lên cái má nhôm nhoam, nghĩa là: cạo mặt. Ivanov, trong màn sương mờ bàng hoàng nào

đó, bọc y vào tấm khăn choàng, đánh chút bột xà phòng ẩm trong cái bát sứ, bắt đầu dùng chổi phết bột lên đôi má, cái cằm tròn, bờ môi trên của quý ông, thận trọng vòng quanh nốt ruồi, dùng ngón trỏ thoa bột, — và làm mọi việc này một cách máy móc, — như thể hắn bị sốc vì gặp lại người này.

Lúc bấy giờ, mặt quý ông ấy đã chìm trong khối bột xốp xà phòng trắng đến tận mắt, còn đôi mắt thì nhỏ xíu, sáng ngời, tựa các bánh xoay tí hon nhấp nhánh của bộ cơ đồng hồ. Ivanov mở con dao cạo ra, và khi bắt đầu mài nó lên chiếc dây da, chợt trấn tĩnh lại khỏi cơn bàng hoàng và nhận ra rằng người này đang dưới quyền hắn.

Rồi, nghiêng người qua chỗ hói vàng sấp, hắn kê lưỡi dao cạo xanh biếc lại gần cái mặt nạ xà phòng và nói rất khẽ:

— Kính thưa đồng chí. Anh xa quê ta lâu chưa? Không, xin anh đừng cự, không thì tôi có thể cắt tiết anh ngay.

Các bánh xoay tí hon nhấp nhánh bắt đầu chuyển động nhanh hơn, liếc nhìn trác diện sắc lém của Ivanov, và dừng lại.

Ivanov dùng sống dao cạo để gạt bớt các bông bột xà phòng thừa và tiếp tục:

— Tôi vẫn nhớ anh rất rõ, đồng chí ạ... Xin thứ lỗi, tôi thấy khó chịu khi đọc họ tên anh. Tôi vẫn nhớ anh đã hỏi cung tôi thế nào, ở Kharkov, sáu năm trước. Tôi vẫn nhớ chữ ký anh, bạn thân mến ơi... Nhưng, như anh thấy đấy, tôi hãy còn sống.

Ngay lúc ấy xảy ra chuyện sau đây: đôi mắt nhỏ bắt đầu đảo quanh và bỗng nhiên nhắm nghiền. Người đàn ông dúi mắt lại, dúi như một kẻ man rợ tự cho là với đôi mắt nhắm chặt thì y sẽ tàng hình.

Ivanov âu yếm đưa lưỡi dao cạo theo cái má sột soạt, lạnh ngắt. — Chúng ta hoàn toàn đơn độc, thưa đồng chí. Có hiểu không ạ? Đây này, lưỡi dao mà lướt chệch đi, là lập tức rất nhiều máu sẽ đổ. Chỗ này là nơi động mạch cảnh đang đập nhĩ. Rất nhiều máu, thậm chí quá nhiều. Nhưng đến lúc đó thì tôi muốn mặt anh đã được cạo tử tế, ngoài ra, tôi muốn được kể anh nghe đôi điều. Ivanov thận trọng nhắc, bằng hai ngón tay, cái chòm mũi nục nạc của khách và cũng với sự âu yếm như thế, bắt đầu cạo khoảng trên bờ môi.

— Vấn đề là thế này, thưa đồng chí: tôi nhớ mọi thứ, nhớ rất rõ và muốn anh cũng nhớ lại được...

Và, bằng giọng nói nhỏ nhẹ, Ivanov bắt đầu kể, trong khi vẫn thông thả cạo bộ mặt bất động, ngửa ra sau ấy. Câu chuyện đó hẳn là vô cùng đáng sợ, bởi vì thỉnh thoảng tay hắn ngưng lại và hắn nghiêng xuống sát sát quý ông ấy, kẻ đang ngồi trong tấm khăn liệm, như chết rồi, khép chặt cặp mí mắt lồi.

— Thế là hết, — Ivanov thở dài, — thế là xong cả câu chuyện. Anh nghĩ sao, cái gì có thể đền bù cho tất cả những điều này? Cái gì có thể độ vớ với một lưỡi kiếm sắc? Và anh hãy nghĩ thêm đi: ta hoàn toàn đơn độc, hoàn toàn đơn độc.

— Người chết luôn được cạo mặt, — Ivanov tiếp tục, đưa lưỡi dao lên xuống theo cần cổ căng cứng của khách. — Họ cạo cả những kẻ bị tuyên án tử hình. Còn lúc này thì tôi đang cạo cho anh. Liệu anh có hiểu, giờ sẽ đến chuyện gì không?

Người đàn ông ngồi không nhúc nhích, không mở mắt. Lúc này chiếc mặt nạ xà phòng đã trôi khỏi mặt y, vết bọt chỉ còn vương trên hai gò má và gần tai. Bộ mặt đầy đặn, căng thẳng, không mắt này nhợt nhạt đến nỗi Ivanov nghĩ, phải chăng y đang chịu đựng một cơn bại liệt, nhưng, khi hắn áp mặt dao lên má y, thì

người đàn ông rung hết toàn thân. Tuy vậy, y vẫn không mở mắt ra.

Ivanov lau vội mặt y, phun phấn vào y từ một chai xịt.

— Đủ rồi, — hần thản nhiên nói. — Tôi đã thỏa mãn. Anh có thể đi.

Với sự vội vã đầy vẻ ghê tởm, hần giật tấm khăn khỏi vai y. Người đàn ông vẫn ngồi lại.

— Đứng dậy, đồ ngu! — Ivanov hét lên và nắm tay áo nhắc y dậy. Người ấy dờ ra, với đôi mắt nhắm nghiền, ngay giữa gian phòng. Ivanov chụp mũ cho y, nhét cặp vào tay y, — xoay y về phía cửa. Chỉ đến lúc đó người đàn ông mới nhúc nhích, bộ mặt với đôi mắt nhắm nghiền của y thấp thoáng hiện lên trong mọi tấm gương; như người máy, y bước qua ngưỡng cái cửa mà Ivanov đang giữ mở toang, và cũng với dáng đi máy móc ấy, vừa nắm chặt chiếc cặp bằng cái tay duỗi thẳng cứng đờ như gỗ, vừa ngấm màn sương nhòe nhoẹt nắng trên phố bằng cặp mắt như của một pho tượng Hy Lạp, y đi mất.

1926

Hành khách

— **V**âng, đời tài hơn ta, — văn sỹ thở dài, gõ nhẹ cái đầu mẩu các-tông của điều thuốc Nga lên nắp bao. — Đôi khi mụ nghĩ ra được những chủ đề thật là... Ta không thể đua được với mụ! Các tác phẩm của mụ vừa không thể dịch được vừa không thể tả được...

— Mọi tác quyền gắn liền với tác giả, — phê bình gia vừa cười vừa gợi ý; y là một người đàn ông khiêm nhường, cạnh thị, có những ngón tay thon, hiếu động.

— Ta chỉ còn cách ăn gian thôi, — văn sỹ vừa tiếp tục, vừa lơ đãng ném que diêm vào

chiếc ly không của phê bình gia. — Ta chỉ còn cách làm với các tạo tác của mụ những việc, mà đạo diễn phim vẫn làm với các tiểu thuyết nổi tiếng. Đạo diễn cần để cho các cô hầu không buồn chán trong chiều thứ Bảy, và vì vậy nên ông ấy thay đổi cuốn tiểu thuyết đó đến mức không còn nhận ra được nữa, băm vụn nó, lộn trái, quăng đi cả ngàn tình tiết, đưa vào những biến cố và nhân vật do chính ông ấy nghĩ ra, — và tất cả nhằm để thu được một bộ phim hấp dẫn, tiến triển mà không gặp bất cứ trở ngại nào, lúc mở đầu thì trùng phạch đức hạnh, còn lúc kết thúc thì — thối xấu, hoàn toàn tự nhiên trong các quy tắc của mình và, quan trọng là, được cung ứng một kết thúc tuy bất ngờ, nhưng lại giải quyết được tất cả. Và chúng ta cũng thay đổi chủ đề cuộc sống theo ý mình bằng một cách đúng như vậy, hướng tới sự hài hòa có tính ước lệ nào đó, tới sự súc tích nghệ thuật nào đó. Chúng ta cũng nêm nếm sự đạo văn nhạt nhẽo của mình bằng các sáng chế riêng. Chúng ta cảm thấy, rằng cuộc đời sáng tạo một cách quá chung chung và thất thường, rằng thiên tư của mụ quá cầu thả, thành thử để chiều độc giả của mình, chúng ta cắt từ các tiểu thuyết phóng khoáng của mụ ra những mẫu chuyện chĩnh chu của chúng ta, — *ad usum delphini*. Cho phép tôi, vin cơ này, kể lại cho anh trường hợp sau đây.

Tôi đi một chuyến tàu tốc hành, trong toa giường ngủ. Tôi rất yêu chỗ ở mới trên đường, — chần nệm lạnh lẽo trên giường treo, các ngọn đèn sân ga, chậm chậm trôi qua sau các tấm kính đen cửa sổ lúc khởi hành. Tôi nhớ là đã thấy rất dễ chịu, rằng bên trên mình, trên giường thượng, không có ai. Cởi đồ xong, tôi nằm ngửa, đặt tay dưới gáy, — và cái nhẹ nhàng của chiếc mền chạt hẹp rập khuôn thật ngọt ngào sau sự lỏng lẻo của những tấm nệm lông chim ở khách sạn. Sau khi mơ màng đôi chút, — hồi đó tôi đương muốn viết một tiểu thuyết về đời các phụ nữ dọn toa, — tôi tắt đèn và ngủ thiếp đi rất nhanh. Và ở chỗ này, cho phép tôi vận dụng thủ pháp thường gặp trong chính các truyện mà tác phẩm của tôi hứa hẹn là cùng thể loại. Nó đây, — cái thủ pháp cũ rích mà quý vị biết quá rõ ấy. “Giữa đêm, tôi bỗng bừng tỉnh giấc.” Tuy nhiên, cái diễn ra tiếp theo lại tươi mới hơn đôi chút. Tôi tỉnh dậy và thấy một cái chân.

— Xin thứ lỗi? — phê bình gia khiêm nhường cất tiếng hỏi lại, nghiêng mình về phía trước và giơ ngón trỏ lên.

— Tôi thấy một cái chân, — văn sỹ nhắc lại, — căn buồng đã được chiếu sáng, và con tàu dừng lại tại một ga nào đó. Cái chân là của đàn

ông, lớn, đi chiếc tất thô lòn loẹt bị cái móng xanh lợt của ngón chân cái làm thủng. Nó đứng sát rạt trên cái thang nhỏ, ngay mặt tôi, và kẻ sở hữu nó, được diềm giường trên che giấu khỏi tôi, vừa đúng lúc định thực hiện nỗ lực cuối cùng, để leo lên tầng thượng của mình. Tôi kịp nhìn kỹ cái chân ấy, chiếc tất xám kẻ ô đen, cái nịt tất hình chữ V tím bên bắp chân mập mạp. Những sợi lông nhỏ dựng đứng lên một cách khó chịu xuyên qua lớp vải tơ-ri-cô của chiếc quần lót dài. Nói chung là một cái chân hết sức kinh tởm. Trong lúc tôi đang nhìn nó, thì nó căng lên, nhúc nhích một đôi lần ngón chân cái bấu chặt, cuối cùng nhún mạnh và bay vút lên trên. Nơi ấy, trên cao, nghe rõ tiếng khừ khừ, khụt khịt, — mọi âm thanh, mà theo nó thì tôi có thể phán đoán rằng người đó sửa soạn ngủ. Rồi đèn tắt, và sau vài khoảnh khắc, con tàu chuyển bánh.

Tôi không biết giải thích cho anh thế nào, — cái chân ấy gây cho tôi một ấn tượng nặng nề. Một súc sinh mềm mại, lòn loẹt. Và tôi thấy lo lắng vì tất cả những gì tôi biết về người này chỉ là cái chân ác độc đó, còn thân hình, gương mặt thì tôi chẳng nhìn thấy. Giường hắt, thứ đang tạo hình một cái trần thấp và tối ngay trên tôi, lúc này có vẻ hạ thấp hơn, tôi dường như cảm

thấy sức nặng của nó. Dẫu tôi có cố gắng hình dung diện mạo bạn đồng hành ban đêm của mình đến thế nào, trước mắt tôi vẫn lù lù hiện ra cái móng chân to đùng đó, đang ánh lên màu xà cừ xanh lợt qua lỗ thủng tất len. Nói chung rất kỳ lạ, tất nhiên, là những thứ vật vĩnh như vậy lại có thể khiến tôi bận tâm, — “nhưng, mặt khác thì, chẳng lẽ không phải mỗi nhà văn đều chính là kẻ bận tâm với những thứ vật vĩnh đó sao? Dù thế nào đi nữa, giấc ngủ vẫn không đến với tôi. Tôi lắng nghe, — có phải vị hành khách bí ẩn của tôi đang ngáy không? Tôi cảm thấy hình như hẳn không ngáy, mà rên rĩ, — nhưng, như đã biết, tiếng gõ bánh tàu đêm thường khuyến khích các ảo giác trong tai. Thế nhưng, tôi không thể nào thoát khỏi ấn tượng, rằng nơi ấy, trên tôi, đang vang lên những tiếng động khác thường nào đó. Tôi hơi nhòe dấy. Tiếng động trở nên rõ hơn. Người trên giường thượng đương nức nở.

— Anh bảo gì cơ? — Phê bình gia ngắt lời.
— Nức nở ư? Thế à, thế à. Xin thứ lỗi, tôi không nghe rõ. — Và, lại buông đôi tay lên gối và nghiêng đầu qua bên, y tiếp tục lắng nghe người kể chuyện.

— Vâng, hẳn nức nở, — những tiếng nức nở của hẳn thật ghê rợn. Chúng bóp nghẹt hẳn, hẳn

thở hắt ra âm ỉ như thể vừa uống một hơi cả lít nước, sau đó tiếp đến một tiếng nấc nhanh với miệng mím chặt, một sự giấu nhại kinh khủng nào đó với tiếng cục tác, — và lại hít vào, và lại thốn thức thở nông, nhưng đã với cái miệng mở, — xét đoán theo tiếng ha-ha. Và mọi điều này diễn ra trên cái nền rung rinh của tiếng nện bánh tàu, thứ mà chính bản thân nó như thể đang trở thành một cái thang động, mà theo đó những tiếng nức nở của hần leo lên và leo xuống. Tôi nằm không nhúc nhích và lắng nghe, — cùng lúc ấy, cảm thấy, rằng mặt mình cực kỳ ngu độn trong bóng tối: luôn luôn thấy lúng túng mỗi khi nghe người lạ nức nở. Và lúc bấy giờ tôi lại còn vô tình bị ràng buộc với hần bởi việc chúng tôi nằm trên hai băng, ở cùng một buồng, trong cùng một đoàn tàu đương lao vùn vụt một cách dừng dưng. Và hần vẫn không thôi khóc, — tiếng nấc khó khăn khủng khiếp đó không buông tha tôi: cả hai chúng tôi, tôi — dưới — lắng nghe, — hần — trên — nức nở, bay sát bên nhau trong chốn xa xôi khuya khoắt với tốc độ tám chục cây số một giờ, và duy chỉ một tai nạn đường sắt mới có thể chia cắt mỗi ràng buộc vô tình của chúng tôi. Sau đó, dường như hần ngưng khóc, — nhưng tôi chỉ vừa kịp chuẩn bị chợp mắt, thì tiếng nức nở của hần lại bắt đầu sôi sục, và thậm chí tôi cảm thấy, rằng xen lẫn

với các hơi thở nấc lên, hần còn thốt ra những lời khó hiểu nào đó, bằng giọng trầm sâu, bằng bụng. Hần lại im bật, chỉ khụt khịt; còn tôi nằm với đôi mắt nhắm nghiền và nhìn thấy trong tưởng tượng cái chân góm guốc của hần đi chiếc tất kẻ ô. Dẫu sao tôi cũng chợp mắt được, và độ năm rưỡi sáng thì trưởng toa kéo mạnh cửa, đánh thức tôi dậy, và, ngồi trên giường, chốc chốc lại đụng đầu vào cạnh giường trên, tôi bắt đầu vội vã mặc quần áo. Trước khi mang va-li đi ra ngoài hành lang, tôi ngoái nhìn lên giường trên, nhưng hần nằm quay lưng lại tôi, trùm mền qua đầu. Trong hành lang đã sáng, mặt trời mới mọc, cái bóng xanh tươi của đoàn tàu chạy trên cỏ, trên các bụi cây nhỏ, uốn cong, bay lên các sườn dốc, gợn lăn tăn theo các thân bạch dương thấp thoáng, — một cái ao nhỏ thon dài sáng lóa giữa cánh đồng, từ từ thu hẹp lại, biến thành một khe bạc, và với tiếng rầm rầm nhanh lẹ, một dĩa thợ lao vụt qua, một ba-ri-e, một con đường vẩy đuôi, — và vô số cây bạch dương lốm đốm nắng lại thấp thoáng hiện ra như hàng giậu lỗ đổ, khiến đầu óc quay cuồng. Ngoài tôi ra, trong hành lang còn có mấy người đang đứng — hai quý bà ngủ trễ, trang điểm qua quýt cùng một ông già đeo găng tay da nai và đội mũ lưỡi trai du lịch. Tôi rất ghét dậy sớm, — với tôi thì bình minh mê đắm nhất trên thế gian này cũng

không thể thay thế những giờ ngủ ngon lành buổi sáng, — vì vậy mà tôi chỉ châu bậu gật đầu, khi ông già bắt chuyện với tôi: “Anh cũng xuống tại...?” Và ông kêu tên một thành phố lớn, nơi chúng tôi phải đến sau mười, mười lăm phút nữa.

Những cây bạch dương đột nhiên tản ra, nửa tá nhà nhỏ sà xuống từ một ngọn đồi, vội vã đến nỗi suýt nữa thì bị tàu cán qua, sau đó, một công xưởng khổng lồ màu đỏ tía, kính lấp lánh, sỏi bước ngang qua, sô-cô-la của ai đó réo gọi chúng tôi từ một quảng cáo cao gần chục mét, lại một tòa nhà công xưởng, kính, ống khói, tóm lại, đang diễn ra mọi thứ thường hay diễn ra, khi ta đến gần một thành phố lớn. Nhưng kìa, chúng tôi đều ngạc nhiên, đoàn tàu phanh gấp và dừng hẳn tại một ga xép vắng tanh, nơi, tưởng như, một chuyến tốc hành chẳng có gì để làm. Và tôi còn lấy làm lạ, là trên sân ga có mấy cảnh sát đang đứng. Tôi hạ khung cửa xuống và nhào người ra. — “Đóng cửa lại đi,” — một trong số họ lịch sự nói. Mọi người trong hành lang bắt đầu lo lắng. Một trưởng toa đi qua; tôi hỏi xem có chuyện gì. “Trên tàu có một tên tội phạm,” — ông ta trả lời và nhân tiện giải thích ngắn gọn, rằng tại thành phố, mà chúng tôi mới chạy ngang qua hồi đêm, ngay trước đó mới xảy ra

một vụ giết người, — chồng bắn vợ và tình nhân của ả. Các quý bà ồ lên, ông già lắc đầu. Hai cảnh sát và một thám tử má hồng, tròn trĩnh, đội mũ quả dưa, nhìn hết như một gã nhà cái cá ngựa, bước vào hành lang. Tôi được yêu cầu quay lại cu-pê. Các cảnh sát vẫn đứng ngoài hành lang, còn thám tử bắt đầu đi khắp các buồng. Tôi cho y coi hộ chiếu. Y lướt cặp mắt màu hung trên mặt tôi và trả lại giấy tờ cho tôi. Chúng tôi đứng trong cái cu-pê chật chội ấy, trên giường thượng, một hình người tối đen, quần kén kín đầu, nằm bất động. “Ông có thể ra ngoài được rồi,” — thám tử bảo tôi và vươn tay lên trên giường, “Vui lòng cho xem giấy tờ của ông.” Hình người quần mền vẫn ngáy. Đứng nấn ná nơi cửa mở, tôi nghe thấy tiếng ngáy ấy, và tôi cảm thấy trong đó vẫn còn rít lên những âm hưởng của các tiếng nức nở đêm khuya. “Làm ơn dậy đi,” — thám tử nói to hơn và giật mép cái mền xám ngay cổ kẻ đang ngủ bằng một động tác nào đó rất chuyên nghiệp. Kẻ ấy cự quậy, nhưng vẫn tiếp tục ngáy. Thám tử lay vai hẳn. Tôi thấy bối rối, tôi quay đi, bắt đầu ngắm cửa sổ hành lang, nhưng chẳng nhìn thấy gì, và lắng nghe bằng cả bản thể xem chuyện gì đang diễn ra trong cu-pê.

Và anh tưởng tượng được không, tôi tuyệt nhiên chẳng nghe được gì lạ thường. Người đàn ông cầu nhàu ngái ngủ trên giường thượng, thám tử yêu cầu xem giấy tờ một cách rành rọt, cảm ơn hần một cách rành rọt, rồi ra khỏi cu-pê, bước vào cái sau. Chỉ có vậy thôi. Mà cứ tưởng là, sẽ tuyệt làm sao, — dĩ nhiên, dưới quan điểm nhà văn, — nếu như vị hành khách nức nở với cái chân độc ác ấy hóa ra là kẻ sát nhân, sẽ tuyệt làm sao khi có thể giải thích những giọt lệ đêm của hần, — và quan trọng là, sẽ tuyệt làm sao khi mọi chuyện này có thể xếp đặt vào khuôn khổ chuyến du hành ban đêm của tôi, vào khuôn khổ một truyện ngắn. Nhưng, chắc có lẽ, chủ định của đấng sáng tạo, chủ định của cuộc đời, trong trường hợp này, như mọi khi, lại còn trăm lần tuyệt hơn.

Văn sỹ thở dài và im lặng, khi y rút điều thuốc đã tắt từ lâu, đã bị nhai nát và thấm đẫm nước bọt. Phê bình gia nhìn y bằng đôi mắt nhân từ.

— Thú nhận đi, — văn sỹ lại lên tiếng, — anh đã tin chắc, từ lúc mà tôi nhắc đến cảnh sát trên ga xép, rằng vị khách nức nở của tôi là tội phạm.

— Tôi biết phong cách của anh, — phê bình gia nói, chạm các đầu ngón tay vào vai người đối thoại và, bằng cử chỉ cố hữu của y, lập tức rút tay lại... — Nếu như anh viết truyện trinh thám, có lẽ anh phải tạo dựng một kẻ ác ẩn mặt không phải là người mà không ai trong số các nhân vật lại nghi ngờ, mà là người từ ngay lúc ban đầu đã bị tất cả nghi ngờ, và nhờ vậy mà dắt mũi được độc giả kinh nghiệm đã quen với việc không dễ tìm ra lời giải. Tôi biết, rằng anh thích đem lại ấn tượng bất ngờ bằng cách kết thúc tự nhiên nhất. Nhưng, đừng quá bị cuốn vào nó. Trong đời rất nhiều ngẫu nhiên, nhưng cũng lắm bất thường. Chứ được ban cho quyền lực cao cả để sáng tạo từ sự ngẫu nhiên ra sự bất thường, và biến sự bất thường thành sự ngẫu nhiên. Từ trường hợp này, từ sự ngẫu nhiên này, anh có thể tạo ra một truyện hoàn thiện, nếu như biến hành khách của mình thành kẻ sát nhân.

Văn sỹ lại thở dài:

— Vâng, vâng, tôi có nghĩ về điều này rồi. Tôi có thể thêm vào vài chi tiết. Tôi có thể ám chỉ là kẻ sát nhân yêu vợ thiết tha. Thiếu gì chuyện có thể nghĩ ra. Nhưng khổ thay, chẳng biết, phải chăng, đời còn có ngụ ý gì đó hoàn toàn khác, gì đó tinh tế hơn nhiều, sâu sắc hơn nhiều. Khổ thay, tôi chẳng biết, tại sao vị hành

khách đó lại khóc, và chẳng bao giờ tôi được biết về điều đó...

— Tôi xin phát biểu thay cho Chữ, — phê bình gia nhẹ nhàng nói. — Anh, với tư cách một nhà văn, ít nhất cũng nên tạo ra một giải pháp rõ ràng. Không chừng, nhân vật của anh đã khóc chỉ vì mất ví ở ga. Tôi có một người quen, — một trang nam nhi có vẻ ngoài bặm trợn khác thường, — vậy mà lại khóc thành tiếng khi bị đau răng. Không, không, cảm ơn. Đừng rót thêm cho tôi nữa. Đủ rồi, quá đủ rồi.

Mỹ nhân Nga

Olga Alexseevna, người mà câu chuyện này giờ đây sẽ nói đến, ra đời năm 1900 trong một gia đình quý tộc giàu có, vô ưu. Một cô bé xanh xao bện bộ đồ lính thủy trắng tinh, với đường ngôi lệch trên mái tóc hạt dẻ và đôi mắt vui tươi đến nỗi ai ai cũng hôn bé lên mắt, từ thuở ấu thơ, nàng đã nổi tiếng là mỹ nhân: chất thuần khiết trác diện, nét môi khép chặt, sự óng mượt của bím tóc dài chấm đáy lưng ong, — tất cả hương sắc này quả thật đáng yêu.

Đẹp đẽ, yên bình và vui vẻ, như lẽ thói quen ta từ xưa truyền lại, tuổi thơ ấy từng trôi qua thế

đấy: tia nắng điền trang rọi lên bìa quyển *Bibliothèque Rose*, sương giá kính điển ở các công viên Saint Petersburg. Vốn ký ức đó đã tạo nên món hồi môn duy nhất mà nàng có sau khi rời nước Nga hồi mùa xuân năm 1919. Mọi chuyện hoàn toàn hợp thời: mẹ chết do bệnh thương hàn, anh trai bị bắn, — những công thức có sẵn, đã dành, những lời xì xào chán ngấy, — cơ mà mọi chuyện này đã diễn ra, đã diễn ra, không thể nói khác, — dẫu có hếch mũi lên cũng chẳng để làm gì.

Vậy thì, vào năm 1919, trước chúng ta là một tiểu thư trưởng thành, với gương mặt rộng xanh xao, làm quá lên tính cân đối của các đường nét, song dấu sao chẳng nữa vẫn rất đẹp; dáng cao, cùng ngực mềm, luôn mặc săng-day đen; khăn phu-la quanh cần cổ trắng và điều thuốc Anh quốc trong bàn tay ngón-thon có một mẫu xương nhỏ nổi bật trên cườm.

Mà trong đời nàng từng có thời, — hồi cuối năm 1916, phải không nhỉ, — khi, vào mùa hạ, tại nơi nghỉ mát gần điền trang, không có chàng nam sinh ấy, kẻ có lẽ đã không định tự bắn mình vì nàng, không có chàng sinh viên ấy, kẻ... Một lời thôi: sức hấp dẫn đặc biệt, thứ mà, giả dụ còn lưu lại thêm chút thời gian nào đó, có lẽ sẽ gây nên... có lẽ sẽ mang đến... Song chẳng hiểu sao

mà lại không đi đến đâu, — mọi thứ chẳng hiểu sao mà lại không phải vậy, chỉ hoài công: những đóa hoa, mà nàng làm biếng cắm vào nước; những cuộc đi dạo lúc hoàng hôn khi thì với anh này, khi thì với anh kia; những nụ hôn nơi ngõ cụt.

Nàng nói tiếng Pháp lưu loát, phát âm *les gens* (người hầu) nghe như “li deng” và ngắt đôi *août* (tháng Tám) thành hai âm tiết (a-ou); ngây thơ dịch từ *зпaбeжy* (ăn trộm) tiếng Nga thành *les grabuges* (cãi nhau); dùng vài thành ngữ Pháp cổ xưa mà không biết làm sao vẫn còn kẹt lại trong các gia đình Nga lâu đời; song lại rung các chữ ‘r’ một cách rất thuyết phục, — dấu chưa từng đến Pháp. Trên cái tủ com-mốt trong căn phòng Berlin của nàng có ghim lại, bằng cây kim găm với đầu giả ngọc lam, một tấm bưu thiếp — bức chân dung Sa hoàng của Serov. Nàng ngoan đạo, song, cũng có lúc, trong giáo đường, có thể thấy nàng cười. Với sự dễ dàng khủng khiếp, đặc trưng cho tất cả các tiểu thư Nga thế hệ mình, nàng viết thơ: loại ái quốc, loại trào lộng, bất cứ thể loại nào.

Trong độ sáu năm, nghĩa là đến năm 1926, nàng sống ở một nhà trọ tại Augsburgerstrasse (nơi gần cái đồng hồ) cùng cha mình, một ông già vai rộng, lông mày sâu róm, ria vàng, trên

đôi chân mảnh khảnh trong chiếc quần chật. Ông làm việc tại một hãng lạc quan nào đó; có tiếng đoan chính, tốt bụng; là bợm rượu.

Olga Alexseevna thu thập được khá nhiều người quen, tất cả đều là thanh niên Nga. Một giọng điệu đặc biệt hoạt bát đã được tạo dựng. “Đi coi phin nào”. “Hôm qua mới ghé đi-le (*Diele*)”. Có nhu cầu với đủ loại tục ngữ, câu lóng, bắt chước các bắt chước. “Món thịt chiên này thật chiến.” “Ai đó tiếc, ai đó không...” (Hoặc — bằng giọng nói ghen ngào, găng gượng: “*Thờ-ây cấm ơi...*”)

Ở nhà Zotov, trong các căn phòng nóng phát ngốt, nàng uể oải nhảy phốc-trốt theo tiếng nhạc máy hát, di chuyển bấp đui dài một cách không phải là không duyên dáng, giữ cách xa mình điệu thuốc vừa hút xong và, khi đôi mắt phát hiện ra cái gạt tàn đang quay cuồng theo nhạc, liền dụi đầu mẩu vào đó, mà vẫn không dừng bước. Yêu kiều làm sao, đa nghĩa làm sao, cái cách nàng nâng ly rượu lên môi, bí mật chúc sức khỏe nhân vật thứ ba, và qua hàng mi, ngắm kẻ đương dốc hết ruột gan cho mình. Nàng thích làm sao những lúc ngồi trong góc đi vắng, thảo luận cùng người này người nọ về những vụ yêu đương của ai đó, về tính bất định của vận hội, về xác suất của sự biền minh — hết thảy đều bằng

những lời nói dở chừng, và vào những lúc ấy, đôi mắt trong sáng của nàng mỉm cười một cách thông cảm làm sao, đôi mắt mở to, cùng những vết tàn nhang thấy mờ mờ trên làn da mỏng xanh xao bên dưới chúng và chung quanh chúng... Thế nhưng, chính bản thân nàng lại chẳng được ai yêu, bởi vậy nàng mới nhớ rất lâu một thằng đểu nọ, kẻ đã mê mẩn nàng trong một buổi khiêu vũ từ thiện, đã khóc trên vai trần của nàng, và bị ngài nam tước nhỏ con R. thách đấu, nhưng khước từ giao chiến. Nhân thế, từ “đểu” ấy được Olga Alexseevna dùng rất thường xuyên và trong mọi dịp: “Bọn đểu”, nàng hát giọng ngực, uể oải và trù mến, “Thật đểu cáng” ... “Đó là thằng đểu mà...”

Thế nhưng, cuộc đời bỗng dừng tằm tối; có điều gì đó đã kết thúc, người ta đã đứng dậy, để bỏ đi... Nhanh làm sao! Cha qua đời; nàng chuyển sang con phố khác; ngưng ghé người quen; đàn những chiếc mũ nhỏ và dạy những tiết học Pháp ngữ rẻ tiền tại câu lạc bộ phụ nữ nào đó; sống mòn như vậy cho đến năm ba mươi tuổi.

Giờ đây, nàng vẫn là mỹ nhân có đôi khe mắt quyến rũ nằm cách xa nhau và bờ môi vô cùng hiếm có ấy, trong đó dường như đã khắc ghi hết thấy hình họa nụ cười. Nhưng tóc nàng

đã mất đi sự óng ả, bị cắt ấu tả, bộ y phục đen đã qua đến năm thứ tư, đôi tay với những chiếc móng lóng lánh song dơ dáy đã nổi gân và run rẩy vì bồn chồn, vì tật hút thuốc du côn, — và tốt nhất là nên lờ đi tình trạng đôi tất chân nàng.

Giờ đây, khi, trong xác tay, lớp lụa lót đã rách tả tơi đến thế — (ít nhất cũng luôn có hy vọng kiếm được một đồng xu lẫn trốn); giờ đây, khi đã mệt mỏi đến thế; giờ đây, khi, đi đôi giày duy nhất, nàng ép mình không nghĩ tới để chúng, cũng hết như khi, bất chấp lòng tự trọng, nàng vừa bước vào tiệm thuốc lá, vừa cấm mình nghĩ, đang nợ nơi đó bao nhiêu; giờ đây, khi chẳng còn mấy may hy vọng quay lại Nga, — và lòng căm thù đã thành quen thuộc đến nỗi gần như chẳng còn là tội lỗi; giờ đây, khi mặt trời đã khuất sau ống khói, — Olga Alexseevna đôi lúc vẫn bị giằng vặt bởi sự xa hoa từ một quảng cáo nào đó, được viết bằng nước miếng của thần Tantalus, và tự hình dung mình giàu sang, bận bộ trang phục ấy, được phác họa với sự giúp đỡ của ba hay bốn đường kẻ xác xược, trên cái boong tàu ấy, dưới cây cọ ấy, tại hàng lan can của cái sân hiên trắng ấy. Cơ mà nàng vẫn cảm thấy còn thiếu điều gì đó.

Một lần nợ, nàng suýt nữa thì khuy ngã, Vera, cô bạn thuở xưa, lao vụt ra từ bất diện

thoại, vẫn vội vã như mọi khi, với những cái túi, với con chó sục mắt-rậm-lông, cái dây dẫn chó quấn hai vòng quanh váy. Cô vồ lấy Olga Alexseevna, nắn nỉ nàng đến đã thẹn của họ, nói, rằng đây là số phận, rằng thật tuyệt vời, và cậu sống ra sao, có nhiều anh theo không. “Không, mẹ trẻ ơi, đâu còn ở tuổi ấy nữa, — Olga Alexseevna trả lời, — vả lại...” Nàng nói thêm một tiểu tiết và Vera cười phá lên, ngả những cái túi gần chạm đất. “Nghiêm túc đấy,” Olga Alexseevna nói với một nụ cười. Vera tiếp tục thuyết phục nàng, trong lúc vẫn giằng giật con chó sục và quay vòng vòng. Olga Alexseevna, đột nhiên cất giọng mũi, hỏi mượn cô bạn ít tiền.

Vera là người khéo thu xếp mọi chuyện, dầu là món rượu pân¹, thị thực hay đám cưới. Giờ thì cô say mê bắt tay vào việc thu xếp số phận Olga Alexseevna. “Trong em mới thức tỉnh một bà mai,” — chồng cô, một người Baltic đứng tuổi, (đầu cạo trọc, kính một mắt,) nói đùa. Olga Alexseevna đến vào một ngày tháng Tám tươi sáng, được thay ngay bộ đầm của Vera, được chải lại tóc, được trang điểm lại, — nàng uể oải nhieć mớc, song đành chịu thua, — và các tấm ván sàn trong tòa đã thẹn vui vẻ đã nã đạn một

¹ Rượu pha với nước ép trái cây, xô-đa,...

cách tung bừng làm sao, các tấm gương nhỏ treo để dọa chim trong vườn cây ăn quả xanh tươi đã bừng sáng lấp lánh làm sao. Một ông Forstmann nào đó, người Đức gốc Nga, một góa phu sung túc, vận động viên, tác giả nhiều cuốn sách săn bắn, đến làm khách một tuần. Đích thân ông ấy lâu nay vẫn nhờ Vera kiếm cho mình một cô dâu, — “một mỹ nhân Nga thật sự.” Ông có cái mũi lớn, chắc, với đường ven hồng rất mảnh trên cái sống cao. Ông lịch thiệp, ít nói, thỉnh thoảng lại còn cau có, — song biết cách, ngay lập tức và khi không ai để ý, làm sao để kết bạn đời đời kiếp kiếp với chó và trẻ con. Từ lúc ông đến, Olga Alexseevna bị lên cơn dở hơi; lờ đờ và dễ cáu, nàng làm mọi thứ không đâu vào đâu, — và tự cảm thấy rằng đúng là không đâu vào đâu thật, — và đến khi câu chuyện quay qua nước Nga thuở trước (Vera cố gắng bắt nàng khoe quá khứ), nàng thấy dường như nàng đang dối trá mọi điều và mọi người đều hiểu là nàng đang dối trá, — vì thế cho nên nàng nhất quyết không kể mọi điều mà Vera cố gắng khai thác từ nàng để đem khoe, và nói chung chẳng chịu để cho sắp đặt cái gì. Họ quất mạnh các lá bài trên hàng hiên và tụ tập thành đám đi dạo trong rừng, — song Forstmann càng lúc càng nói chuyện nhiều hơn với chồng Vera, hồi tưởng lại những trò nghịch ngợm nào đó thời thanh niên,

cả hai cười đến độ đỏ hết cả mặt mũi và, tụt lại sau, ngã lên rêu. Hôm trước khi Forstmann ra đi, họ lại chơi bài tại hàng hiên như mọi chiều; bỗng dưng Olga Alexseevna cảm thấy cơn co thắt không thể chịu nổi trong cổ họng, — dẫu sao nàng vẫn gượng cười được và rời đi không đến nỗi vội vã khác thường. Vera tới gõ cửa, song nàng không mở. Giữa đêm, vừa diệt lũ ruồi ngái ngủ trong căn phòng thấp, vừa hút đến mức không thể rít vào được nữa, Olga Alexseevna, trong tâm trạng tức giận, buồn bã, căm ghét chính mình và mọi người, đi ra vườn; nơi ấy ri rỉ tiếng dế kêu, đung đưa cành lá, thảng hoặc có trái táo rơi với tiếng thạch chắt nịch, và ánh trăng tập thể dục trên bức tường sơn trắng của chuồng gà. Lúc sáng sớm, nàng lại ra ngoài và ngồi trên bậc thềm đã nóng. Forstmann, bận áo choàng tắm xanh dương, ngồi xuống bên nàng và, dặng hắng, hỏi, nàng có đồng ý làm bạn đời của ông không — ông đã nói đúng như vậy: “bạn đời.” Khi họ đi ăn sáng, thì Vera, chồng cô và chị họ ông ấy, im bật, trong các góc nhà khác nhau, múa những vũ điệu không hiện hữu, còn Olga Alexseevna dài giọng nói đầy triu mến: “Đồ đểu”, — rồi mùa hạ năm sau, nàng qua đời khi sinh nở. Vậy là hết. Nghĩa là có thể cũng có phần tiếp theo nào đó, song tôi không biết, và trong những trường hợp thế này, thì thay vì lạc vào

các phỏng đoán, tôi thường nhắc lại theo vị vua vui vẻ từ câu chuyện cổ tích yêu thích của mình: Mũi tên nào bay mãi? — Mũi tên trúng mục tiêu.

Báo tin

Eugenia Isakovna Mints là một góa phụ lưu vong lớn tuổi, luôn bận đồ đen. Con trai duy nhất của bà vừa chết hôm trước. Bà vẫn chưa được cho biết.

Đó là một ngày tháng Ba năm 1935, sau buổi bình minh mưa, một phần tiết diện ngang thành Berlin phản chiếu lên phần kia — những đường dích dắc sắc sỡ hoà trộn với các bề mặt bằng phẳng hơn, vân vân. Nhà Chernobylski, bạn cũ của Eugenia Isakovna, mới nhận được bức điện tín từ Paris vào lúc độ bảy giờ sáng, và hai tiếng sau, một lá thư đến bằng đường bưu phẩm hàng không. Trưởng văn phòng nhà máy

nơi Misha làm việc thông báo rằng chàng thanh niên đáng thương ấy bị rơi xuống đường hầm thang máy từ tầng thượng, và còn ngắc ngoải suốt bốn chục phút: mặc dù bất tỉnh, nhưng anh vẫn cứ không ngừng rên rỉ một cách khủng khiếp, tới tận lúc chết.

Trong lúc ấy, Eugenia Isakovna dậy, mặc quần áo, quàng nhẹ chiếc khăn len đen ngang qua đôi vai gầy nhon và pha cho mình ít cà phê trong bếp. Mùi hương đậm đà, nguyên chất từ cà phê bà pha là thứ mà bà vẫn lấy làm tự hào trong quan hệ với Frau Doktor Schwarz, mụ chủ nhà bà, “một con vật keo kiệt, vô văn hóa”: đã cả tuần nay Eugenia Isakovna ngưng chuyện trò với mụ — và đó còn khuya mới là lần cãi cọ đầu tiên của họ — nhưng, theo như bà vẫn bảo bạn bè, bà chẳng quan tâm đến chuyện chuyển đi nơi khác do một số lý do, thường được liệt kê ra và chẳng bao giờ nhạt nhẽo. Một lợi thế hiển nhiên mà bà có được trước người này người nọ mà bà quyết định tạm cắt quan hệ nằm ở ngay cái khả năng này: đơn giản là tắt bég máy trợ thính, một thiết bị xách tay giống như chiếc xác đen nhỏ.

Lúc bà mang bình cà phê quay lại phòng mình ngang qua hành lang, bà để ý thấy một tấm bưu thiếp dập dờn bay, tấm thiếp ấy, nhờ được

người đưa thư nhét vào qua một khe đặc biệt, đậu khế lên sàn. Nó đến từ con trai bà, người mà vợ chồng nhà Chernobylski vừa mới được biết là đã chết từ các phương tiện bưu điện tiên tiến hơn, hậu quả của chúng là những dòng (thực tế thì không tồn tại) mà bà đọc lúc này, khi đứng với bình cà phê trong một bàn tay, trên ngưỡng căn phòng lớn nhưng dờ dẩn của mình, có thể được một người quan sát khách quan so sánh với những tia sáng vẫn còn có thể thấy được của một vì sao đã tắt. *Moolik* (cái tên thân mật mà con trai vẫn gọi bà từ thuở ấu thơ) *thương yêu ơ, con vẫn cứ bị ngập việc đến tận cổ và lúc tối đến là con lại ngã quỵ xuống theo đúng nghĩa đen, và chẳng bao giờ đi đâu được cả...*

Cách đây hai con phố, trong một căn hộ cũng kỳ cục như vậy và bị nhồi đầy những vật mọn xa lạ, Chernobylski, bữa nay không xuống phố, rảo bước từ phòng nọ qua phòng kia, một người đàn ông bự con, béo, hói, có cặp lông mày hình cung rất lớn và cái miệng nhỏ xíu. Ông ta bận bộ com-lê thẫm màu nhưng không có cổ (cái cổ áo cứng với chiếc cà vạt đã được lồng vào đang treo như cái ách trên lưng một chiếc ghế trong phòng ăn) và ông khoa tay múa chân một cách bất lực trong lúc vừa đi vừa nói: “Ta biết kể thế nào cho bà ấy đây? Biết chuẩn bị từ từ thế

nào đây khi lẽ ra phải gào lên? Trời ơi, tai hại làm sao. Tim bà ấy sẽ không chịu nổi, nó sẽ vỡ tung, khổ thân bà ấy quá!”

Vợ ông khóc, hút thuốc, cào đầu qua mái tóc xám lơ thơ, gọi điện cho nhà Lipshteyn, Lenchka, Bác sỹ Orshanski — và không thể khiến mình đến chỗ Eugenia Isakovna trước tiên. Người thuê nhà họ, một nữ dương cầm thủ đeo kính cặp mũi, ngực to, đầy lòng trắc ẩn và giàu kinh nghiệm, khuyên vợ chồng Chernobylski đừng quá vội báo tin — “đằng nào cũng sẽ có cú sốc ấy, vậy hãy để nó đến muộn hơn đi.”

“Nhưng mặt khác thì,” Chernobylski la lên một cách cuồng loạn, “không ai có thể trì hoãn việc này! Rõ ràng là không ai có thể! Bà ấy là mẹ, bà ấy có thể muốn đi Paris — có ai biết không? Tôi thì không — hoặc bà ấy có thể muốn cậu ta được mang về đây. Ôi Mishuk đáng thương, thật đáng thương, một thằng bé đáng thương, chưa tới ba mươi, cả đời còn phía trước! Và cứ nghĩ rằng tôi là người đã giúp nó, đã tìm việc cho nó, cứ nghĩ rằng, giá mà không phải cái thành Paris chấy rận đó...”

“Nào, nào, Boris Lvovich,” bà thuê nhà nhã nhặn phản đối, “ai mà có thể biết trước được cơ

chứ? Anh thì liên quan gì? Thật tức cười — mà về đại thể, tôi phải nói là, nhân tiện thôi, tôi vẫn không hiểu làm sao mà cậu ta lại có thể ngã được. Anh có hiểu tại sao không?”

Uống xong cà phê và rửa sạch chiếc tách trong bếp (mà vẫn *chẳng thèm* để ý chút nào đến sự hiện diện của Frau Schwarz), Eugenia Isakovna, với chiếc túi lưới đen, xắn tay, và cây dù, đi ra ngoài. Con mưa, sau chút ngập ngừng, đã ngưng hẳn. Bà khép dù lại và tiếp tục bước dọc theo vỉa hè lấp lánh, vẫn giữ được người khá thẳng thớm, trên đôi chân rất gầy đi cặp bút tất đen, chiếc bên trái hơi chùng. Cũng có thể nhận thấy rằng hai bàn chân bà có vẻ lớn một cách không tương xứng và rằng bà đặt chúng xuống khá lè mề, với các ngón xoay ra ngoài. Khi không được nối với máy trợ thính thì bà điếc đặc, và điếc tương đối khi được nối. Cái mà bà cho là tiếng âm ừ của thị trấn thật ra là tiếng âm ừ của máu bà, và trên cái nền thường lệ này, mà không làm xao động nó, đang xoay vờn cả cõi nhân gian chung quanh — những khách bộ hành bằng cao su, những con chó bằng bông xơ, những chiếc tàu điện câm lặng — và trên đầu, những đám mây vừa lững thững trôi vừa xào xạc một cách hết sức mơ hồ, xuyên qua mây, nơi này nơi khác, một mảnh trời xanh đang ba hoa, là nói thế.

Giữa sự thỉnh lặng chung ấy, bà đi, trầm tĩnh, nói chung khá thỏa mãn, bận áo khoác đen, bị bỏ bùa và bị giới hạn bởi chính tật điếc của mình, và vừa để mắt đến vạn vật, vừa ngẫm nghĩ về các sự việc khác nhau. Bà ngẫm nghĩ rằng ngày mai, một ngày lễ, người nọ người kia sẽ tạt vào thăm; rằng bà phải mua cũng những cái *bánh kẹp* nhỏ màu hồng như lần gần đây nhất, và cả *marmelad* (mứt quả) tại một tiệm Nga, và có lẽ cả tá món ngon trong cái tiệm bánh ngọt nhỏ ấy, nơi người ta luôn có thể chắc chắn rằng mọi thứ đều còn tươi. Một quý ông dáng cao, đội mũ quả dưa, đang đi về hướng bà, khiến bà cảm thấy từ xa (thật ra là từ rất xa) có vẻ giống một cách đáng sợ với Vladimir Markovich Vilner, chồng đầu của Ida, người đã qua đời một mình, trong toa giường ngủ, do suy tim, buồn làm sao, và lúc bà đi ngang qua một hiệu đồng hồ, bà chợt nhớ ra là đã đến lúc gọi để lấy đồng hồ đeo tay của Misha, cái đồng hồ mà cậu làm vỡ ở Paris và gửi về cho bà bằng *okaziya* (tức là, “nhờ ai đó tiện đường cầm hộ”). Bà bước vào. Một cách lặng lẽ, tron tru, không hề chạm vào bất cứ thứ gì, những con lắc đung đưa, mọi thứ đều khác biệt, mọi thứ đều hỗn loạn. Bà lấy cái thiết bị nhìn giống hệt chiếc ví ra khỏi cái xách tay lớn, thông thường của mình, và cài, với một cử động nhanh nhẹn mà trước kia từng có lúc bẽn lẽn, cái móc

gài vào tai, và giọng nói xa xăm quen thuộc của người thợ sửa đồng hồ đáp lại — bắt đầu rung — rồi biến đi xa dần, rồi nhảy sầm sầm vào bà: *"Freitag ... Freitag..."*

"Được rồi, tôi đã nghe thấy anh, thứ Sáu tới."

Khi ra khỏi cửa hiệu, bà lại dứt mình khỏi cõi nhân gian. Đôi mắt phai màu với những vết vàng nhạt quanh tròng (như thể sắc màu nó lan tỏa) lại thêm một lần nữa lấy lại được vẻ thanh thản, thậm chí hân hoan. Bà bước dọc theo những con phố mà bà không chỉ được biết rất rõ trong nửa tá năm từ lúc thoát khỏi nước Nga, mà hiện giờ đã thành ra đầy ắp thú yêu thương hệt như các con đường Moscow hay Kharkov. Bà không thôi đưa ánh mắt đồng tình ngẫu nhiên về phía lũ trẻ, về phía những con chó nhỏ, và chẳng mấy chốc, bà đã ngáp trong lúc đang bước đi, do nhiễm không khí đàn hồi đầu xuân. Một người đàn ông bất hạnh khủng khiếp, với cái mũi bất hạnh, đội chiếc mũ cũ khủng khiếp, đi ngang qua: một ông bạn của vài người bạn bà, những kẻ luôn nhắc đến ông ta, và đến lúc này bà đã biết mọi điều về ông — rằng ông có một cô con gái loạn trí, một cậu con rể ti tiện, và mắc bệnh tiểu đường. Đến chỗ quầy bán hoa quả đã định (được bà phát hiện ra hồi mùa xuân

trước), bà mua một nải chuối tuyệt đẹp; rồi bà đợi khá lâu cho đến lượt mình trong một tiệm tạp phẩm, mắt không lúc nào rời nét mặt bán diện của một phụ nữ trẻ trên, kể đến sau bà nhưng vậy mà lại chen được lên gần quầy thu tiền hơn bà: có lúc nét bán diện ấy mở ra như cái kẹp quả hạch — nhưng ngay lúc đó, Eugenia Isakovna áp dụng các biện pháp cần thiết. Trong tiệm bánh ngọt, bà cẩn thận chọn lựa, ngả về phía trước, căng người trên đầu ngón chân như một cô bé, và đưa ngón tay trở lưỡng lự chỉ chỗ nọ chỗ kia — cùng một cái lỗ trên chiếc găng len đen. Bà vừa mới rời đi và bắt đầu lưu tâm đến một tủ kính trưng bày sơ mi nam ngay bên cạnh thì khuỷu tay bà bị tóm lại bởi ma-đam Shuf, một quý bà hoạt bát, trang điểm hơi đậm quá mức; nhân đó, Eugenia Isakovna, vừa nhìn xa xăm vào không trung, vừa nhanh nhẹn chỉnh chiếc máy phức tạp của mình, và chỉ khi ấy, cùng cái thế giới đã trở nên có thể nghe được, mới tặng bạn mình một nụ cười chào đón. Chung quanh ồn ào và lộng gió; ma-đam Shuf cúi mình và ráng sức, cái miệng đỏ chót méo xệch, lúc bà cố gắng nhắm trọng tâm giọng mình thẳng vào chiếc máy trợ thính màu đen: “Bà có nhận được — tin — từ Paris không?”

“Ồ, có chứ, thậm chí là rất thường xuyên,” Eugenia Isakovna nhỏ nhẹ trả lời, và nói thêm, “Sao bà không ghé thăm tôi, sao bà chẳng bao giờ gọi cho tôi?” và một cơn đau gợn lên trong ánh mắt bà vì ma-đam Shuf thiện chí ấy đã hết lại quá đổi nhúc óc.

Họ chia tay. Ma-đam Shuf, vẫn còn chưa biết gì hết, đi về nhà, trong khi chồng bà, ở văn phòng của ông, đang thốt lên những tiếng á và ồ, và lắc đầu với cái ống nghe áp vào tai, lúc ông lắng nghe những gì Chernobylski kể cho ông qua điện thoại.

“Vợ tôi đã đi đến chỗ bà ấy rồi,” Chernobylski nói, “và tôi cũng sẽ đi đến đó ngay bây giờ, thế nhưng hãy giết tôi đi nếu tôi biết cách bắt đầu ra sao, song vợ tôi rất cuộc thì cũng là phụ nữ, có thể bà ấy sẽ tìm được cách này cách khác lót đường.”

Shuf đề nghị là họ sẽ viết lên các mẫu giấy, và đưa cho bà đọc, từ từ thông báo: “Ồm.” “Ồm nặng.” “Ồm rất nặng.”

“Á, tôi cũng có nghĩ đến việc ấy, nhưng cũng chẳng khiến cho chuyện dễ dàng hơn đâu. Tai họa làm sao, nhỉ? Trẻ, khỏe, đặc biệt tài năng. Và cứ nghĩ rằng tôi là người đã kiếm việc ấy cho nó, tôi là người đã giúp nó trả các chi tiêu sinh hoạt!

Sao cơ? Ôi, tôi hoàn toàn hiểu rõ mọi chuyện đó, nhưng những ý nghĩ ấy vẫn khiến tôi phát điên. Thôi được, chắc chắn ta sẽ gặp nhau ở đằng đó.”

Vừa nghe rằng một cách hung tợn và khỗ sở, vừa ngật bộ mặt béo ra sau, cuối cùng ông cũng thất được cổ áo. Ông thở dài lúc bắt đầu đi. Ông đã quẹo vào phố nhà bà, lúc, từ đằng sau, ông thấy bà đang lặng lẽ và cả tin đi trước ông, với cái túi lưới đầy chặt đồ mới mua. Không dám vượt bà, nên ông đi chậm lại. Ơn Chúa, bà không quay lại! Đôi bàn chân di chuyển một cách đầy trách nhiệm ấy, tấm lưng hẹp ấy, vẫn chưa ngờ vực gì. Ôi nó hẳn sẽ cùng xuống!

Bà chỉ để ý thấy ông trên cầu thang. Chernobylski vẫn im lặng do ông thấy tai bà còn để trần.

“Sao, hay quá, ông tạt vào thăm tôi à, Boris Lvovich. Không, đừng bận tâm — tôi đã mang gánh nặng của mình đủ lâu để có thể xách được nó lên gác luôn, nhưng hãy cầm cây dù này nếu ông sẵn lòng, rồi tôi sẽ mở cửa.”

Họ bước vào. Ma-đam Chernobylski và nữ dương cầm thủ nhiệt tâm đã đợi ở đó một lúc khá lâu. Giờ thì cuộc hành hình sẽ bắt đầu.

Eugenia Isakovna mếu khách và bạn bè bà hay ghé thăm bà, thành thử lúc này bà chẳng có

lý do gì để ngạc nhiên; bà chỉ thấy vui mừng, và ngay lập tức bắt đầu cuống quít lên một cách hết sức niềm nở. Họ thấy thật khó để lôi cuốn sự chú ý của bà trong khi bà tất tả ngược xuôi, đổi hướng đi theo một góc nhọn bất ngờ (kế hoạch đang bùng bùng lan tỏa trong bà là dọn một bữa trưa tươm tất). Rốt cuộc, nhạc công túm được bà ngoài hành lang nhờ cái đuôi khăn san của bà và các vị khách kia nghe thấy người phụ nữ ấy gào lên với bà rằng không ai, không một ai định ở lại ăn trưa. Thế là Eugenia Isakovna lấy dao gọt trái cây ra, xếp *bánh kẹp* vào một thổ thủy tinh nhỏ, kẹo bòn-bon vào một thổ khác... Bà gần như bị ép ngồi xuống. Vợ chồng Chernobytski, người thuê nhà họ, và tiểu thư Osipov, người mà đến lúc ấy không biết bằng cách nào cũng đã kịp xuất hiện — một tạo vật tí hon, gần như người lùn — tất cả cùng ngồi xuống bên chiếc bàn ô van. Bằng cách này thì dù gì đi nữa cũng đã đạt được một sắp đặt nhất định, một trật tự nhất định nào đó.

"Vì Chúa, bắt đầu đi, Boris," vợ ông nài nỉ, giấu ánh mắt mình khỏi Eugenia Isakovna, người đã bắt đầu dò xét kỹ hơn các gương mặt quanh bà, tuy nhiên vẫn không ngừng tuôn lưu loát những lời nhã nhặn, cảm động, hoàn toàn không phòng vệ của mình.

"*Nu, chto ya mogu*" (Vây thì, anh có thể làm gì đây!) — Chernobylski la lên, và đứng phắt dậy, bắt đầu đi quanh phòng.

Chuông cửa kêu, và bà chủ nhà nghiêm nghị, bận bộ đồ trang trọng nhất của mình, đưa Ida với chị cô vào: những gương mặt trắng bệch đầy vẻ sợ hãi của họ biểu lộ một nỗi khao khát hết sức tập trung nào đó.

"Bà ấy hãy còn chưa biết," Chernobylski bảo họ; ông cởi cả ba nút áo vét và ngay lập tức cài nó lại.

Eugenia Isakovna, tuy lông mày đã giật giật nhưng đôi môi vẫn giữ được nụ cười, vuốt ve bàn tay các tân khách của mình và lại tự ngồi xuống, xoay xoay đầy vẻ mời mọc cái thiết bị nhỏ đang nằm trên khăn bàn trước mặt bà lúc thì về phía vị khách này, lúc thì về phía vị khách kia, nhưng âm thanh cứ chệch choạc đi, âm thanh cứ vỡ vụn ra. Bỗng dừng nhà Shuf đến, rồi Lipshteyn khập khiễng với mẹ, rồi nhà Orshanski, và Lenchka, và (hoàn toàn tình cờ) bà già Tomkin — tất cả bọn họ nói chuyện riêng với nhau, nhưng thận trọng giữ cho giọng họ cách xa bà, dẫu trên thực tế họ tụ họp quanh bà thành các nhóm ngọt ngào, tàn nhẫn, có ai đó đã bước ra xa tận cửa sổ, run rẩy thốn thức ở đó,

và Bác sỹ Orshanski, người ngồi cạnh bà tại bàn, đang chăm chú nghiên cứu một chiếc *bánh kẹp*, khớp nó, như quân cờ domino, với chiếc bánh khác, còn Eugenia Isakovna, nụ cười đã tắt và bị thay thế bằng thứ gì đó na ná như sự hận thù, tiếp tục đẩy máy trợ thính của mình hướng về các vị khách — và Chernobylski vừa thốt thức vừa rống lên từ góc xa: “Giải thích cái gì — chết rồi, chết rồi, chết rồi!” — nhưng bà đã sợ nhìn về phía ông ta.

Chiêu mộ

Ông già nua, đau ốm, chẳng ai trên đời cần ông nữa, và rơi vào cảnh túng quẫn đến độ, khi người ta đã chẳng còn buồn hỏi mình, rằng ngày mai sẽ sống bằng chi, mà chỉ lấy làm lạ, rằng hôm qua đã sống bằng gì. Ngoài bệnh tật ra, ông chẳng còn mảy may vương vấn riêng tư nào trên cõi nhân gian. Bà chị không chồng của ông, người từng cùng ông rời khỏi nước Nga hồi thập niên hai mươi, đã qua đời từ lâu: ông đã quên bà, đã quen với nỗi trống vắng mang hình bóng bà; nhưng hôm nay, trong tàu điện, khi đang quay về từ nghĩa trang, nơi dự lễ tang Giáo sư D., ông cứ nghĩ ngợi, cùng nỗi muộn phiền vô ích, về việc mộ bà bị bỏ hoang,

sơn trên thánh giá bị tróc ra, còn cái tên thì gần như rất khó phân biệt được với bóng cây đoan trườn trên nó, xóa nhòa nó. Trong lễ tang Giáo sư D. có mặt độ một tá người lưu vong già hiền lành, ngượng ngùng liên kết với nhau bởi sự công bằng dung tục của cái chết, họ đứng, như vẫn xảy ra ở các dịp thế này, vừa cùng nhau vừa riêng lẻ, trong sự đợi chờ buồn bã nào đấy, lúc diễn ra những nghi lễ nghèo nàn bị ngắt quãng bởi các xao động thể tục của những nhành cây; mặt trời nóng đến không chịu nổi, đặc biệt là với cái bụng rỗng không; mà vì phép lịch sự, ông lại bận bành-tô để giấu đi sự ô nhục hiền lành của bộ com-lê. Và mặc dù ông khá thân thiết với Giáo sư D., mặc dù ông đã cố gắng giữ thẳng và vững trước mắt mình, giữa cơn gió nóng vui tươi tháng Bảy này, cái hình ảnh hiền hậu, gọn sóng, xoắn vặn, và bị giật ra khỏi tay, của người quá cố, nhưng suy nghĩ vẫn cứ trôi tuột về phía ký ức ấy, nơi mà, với những thói quen không thể thay đổi của mình, chị ông hồi sinh một cách thành thực, hết như chính ông, phục phịch, béo tốt, đeo đôi kính cùng độ với ông trên cái mũi hoàn toàn nam tính, to và đỏ, y như được quét sơn bóng, bận vét xám, như các phụ nữ hoạt động xã hội Nga vẫn bận cho đến ngày đó: một tâm hồn tuyệt đẹp, tuyệt đẹp — nhìn thoáng qua thì thấy sống cũng thông minh, khéo léo và

lanh lợi, nhưng, thật lạ lùng, cùng những nỗi sầu muộn khác thường, mà chỉ mình ông biết, và thực ra thì cũng chính vì chúng mà ông đã yêu bà đến thế.

Trong tàu điện, giữa cảnh chật chội của thành phố Berlin xa lạ, còn thêm một người nữa ở lại đến tận cuối, một ông lão cũng vừa về từ nghĩa trang — một luật sư già mà Vasiliy Ivanovich chỉ quen sơ sơ (và cũng chẳng ai, ngoài tôi, cần đến), và Vasiliy Ivanovich đôi lúc lẩn bấn với câu hỏi, có nên bắt chuyện với ông ta không, nếu như sự xáo trộn của đám đông trong tàu điện tình cờ đưa họ đến bên nhau; tuy nhiên, người đó, không rời mắt khỏi cửa sổ, ngắm nhìn phố xá quay cuồng với vẻ mĩa mai trên gương mặt quá đổi hoang phế của ông. Rốt cuộc (và đấy chính là cái khoảnh khắc mà tôi kịp chụp được, sau đó thì đã không một phút nào để lọt người mới mộ ra khỏi tầm mắt), Vasiliy Ivanovich bước ra, và do ông nặng và vụng, cho nên người soát vé giúp ông tụt xuống cái đảo đá hình thuẫn ở bến đậu: xuống được rồi, ông nhận lại, với thái độ biết ơn thông thả, cánh tay của chính mình từ trên cao, cái cánh tay mà người soát vé vẫn còn nắm lấy tay áo, rồi chậm rãi lê chân, ngoái lại, vừa ngó chừng sự nguy hiểm

chung quanh, vừa dợm bước xuống mặt đường nhựa với ý định đi ngang qua phố.

Ông đã qua phố an toàn. Mới hồi nãy, khi một linh mục già run rẩy đề nghị bắt đầu hát về ký ức vĩnh cửu, Vasiliy Ivanovich đã mất một lúc rất lâu và với rất nhiều khó nhọc mới quỳ được xuống, đến nỗi, mọi sự đã kết thúc, khi, cuối cùng, gối cũng chạm tới đất, mà đến lúc ấy thì ông lại không thể đứng dậy, và cụ già Tihotsky đã giúp ông, như người soát vé vừa mới giúp. Cái ấn tượng kép này làm tăng thêm cảm giác mệt mỏi đặc biệt, tựa như một thứ gì đó gần với đất, song trong cảm giác ấy có lạc thú riêng, và sau khi xét thấy rằng, đảng nào thì cũng hãy còn sớm, để về với những người tốt bụng, buồn chán mà ông vẫn dùng bữa ở chỗ họ, nên Vasiliy Ivanovich tự chỉ cho mình, bằng cây ba-toong, một băng ghế và chậm chạp, không chịu thua lực hấp dẫn cho đến giây áp chót, ngồi xuống, đầu hàng.

Dẫu sao chẳng nữa thì tôi vẫn muốn hiểu, nó từ đâu đến, thứ hạnh phúc này, sự trào dâng hạnh phúc này, thứ biến đổi ngay lập tức tâm hồn người ta thành một cái gì đó lớn lao, trong trẻo và quý giá. Xin thứ lỗi chứ, một người già nua, ốm đau, trên người lão đã có dấu vết cái chết, lão đã mất hết mọi người lão thương yêu:

vợ, từ hồi còn ở Nga đã bỏ lão mà đi với tay Bác sỹ Malinovski, một kẻ phản động nổi tiếng, tờ báo, nơi lão làm việc, độc giả, bạn thơ ấu và bạn cùng tên, Vasiliy Ivanovich Maler đáng yêu, bị tra tấn đến chết ở tỉnh hồi những năm nội chiến, em trai, chết ở Kharbin vì bệnh ung thư, và chị.

Ông lại buồn bực nghĩ về sự chông chênh nơi mộ bà, nấm mộ ấy đang trườn dần về phe thiên nhiên; thế mà đã bảy năm rồi ông thôi không chăm nom nó nữa, bỏ hoang nó. Bỗng dưng, Vasiliy Ivanovich nổi cơn thịnh nộ dữ dội vì chợt nhìn thấy trong tưởng tượng một người, mà trước kia chị ông có lúc từng yêu — người đàn ông duy nhất mà bà ấy từng yêu, — một gã dòng giống Garshin, khùng khùng, ho lao, quấy rầy, có bộ râu đen như than và cặp mắt Di-gan, từng bất ngờ tự bắn mình vì một phụ nữ khác, máu trên yếm sơ mi, đôi chân nhỏ trong đôi bốt bánh bao. Rồi sau đó, chẳng do bất cứ liên hệ nào, ông thấy chị mình như một nữ sinh, với cái đầu mới tinh, cắt sau cơn sốt thương hàn, giải thích cho ông trên đi-văng về hệ thống phức tạp mà bà tạo ra nhằm tiếp xúc với các vật thể, khiến cho cuộc đời bà biến thành những mối bận tâm thường trực nhằm gìn giữ sự cân bằng bí ẩn giữa các vật: chạm tường khi đi qua, lướt nhẹ lòng bàn tay trái, rồi tay phải, — như thể ngâm

đôi tay vào cảm giác vật thể, để cho chúng sạch sẽ, trong sự bình an với cõi trần và phản chiếu lên nhau; sau này, bà chủ yếu chỉ quan tâm đến các vấn đề phụ nữ, lập ra các hiệu thuốc nữ nào đó và sợ người chết đến phát điên, bởi vì, như bà nói, bà không tin vào Chúa.

Vậy là: dù gần mười năm trước đã mất bà chị này, người mà ông yêu thương với một tình cảm đặc biệt dịu dàng do những giọt lệ đêm; dù vừa quay trở về từ nghĩa trang, nơi những việc lê thê lổ bịch với đất đã khiến cho ký ức sống lại; dù nặng nề, yếu ớt, vụng về đến nỗi không thể nào nhấc gối dậy, và cũng không rời được khỏi sàn tàu điện (đôi tay chìa xuống dưới của người soát vé cúi mình nhân hậu, — và, theo tôi, có ai đó trong số hành khách cũng giúp đỡ); dù mệt mỏi, cô đơn, béo, ngưng ngưng, với mọi tiểu tiết then thừng theo lối cổ trên bộ đồ đã mạng lại, với cái quần mục nát, và toàn bộ sự phì nộn được phục trang tồi tàn, lôi thôi, chẳng ai ưa, tuy nhiên, Vasiliy Ivanovich vẫn chan chứa niềm hạnh phúc khiếm nhã nào đó, có nguồn gốc không rõ, và không chỉ một lần, trong suốt cuộc đời dài và khá là nghiệt ngã của ông, từng khiến ông kinh ngạc bởi sự xâm nhập bất ngờ của nó. Ông ngồi hoàn toàn lặng lẽ, đặt đôi tay (chỉ thỉnh thoảng mới duỗi thẳng các ngón) trên chỗ uốn

ba-toong và dạng hai bắp đùi rộng, sao cho cái đáy bụng tròn xoe trong khuôn khổ chiếc bành tô mở nút nằm yên được trên mép ghế băng. Những con ong phục dịch một cây đoan đương nở hoa phía trên ông; từ nơi đó, từ trong tán là rậm rạp đóm đáng của nó, lơ lửng một mùi mật mơ hồ, còn ở phía dưới, trong bóng nó, dọc theo vĩa hè, những mảng hoa ngả sắc vàng rực rỡ, như phân nát. Một cái ống đỏ ướt át nằm vắt ngang qua cả thảm cỏ giữa vườn hoa, và xa hơn, từ trong ống phun ra một dòng nước rực sáng với những bóng ma muôn màu trong vầng hào quang bụi nước. Giữa các bụi sơn trà và cái nhà vệ sinh công cộng nhất quán theo phong cách dã thự gỗ lờ mờ hiện ra một con phố xám lam; nơi đó có một cây cột quảng cáo đứng như gã hề béo và tàu điện qua lại cùng những tiếng leng keng rền rĩ.

Vườn hoa nhỏ này, những đóa hồng này, thảm cỏ xanh này — ông từng thấy mọi biến đổi giản đơn của chúng cả ngàn lần, nhưng hết thảy đều ngời ngời sức sống, tính mới lạ, sự dự phần vào số phận ông, khi những cơn hạnh phúc như thế xảy đến với ông và với tôi. Bên cạnh, trên cùng chiếc ghế băng sơn xanh thắm, nóng rẫy vì nắng, hiếu khách và dừng dừng ấy, một quý ông đang ngồi với tờ báo Nga. Tôi thấy khó lòng

miêu tả quý ông này, và cũng chẳng để làm gì, một bức chân dung tự họa hiếm khi lại thành công, bởi chung trong biểu lộ của đôi mắt hầu như luôn còn lại sự căng thẳng nào đó: sự thôi miên từ một tấm gương không có không xong. Sao tôi lại quyết định rằng người đàn ông, mà tôi đang ngồi cạnh, được gọi tên là Vasiliy Ivanovich? Vâng, là do tổ hợp tên này, như chiếc ghế bành, còn ông rộng và mềm, với bộ mặt lớn thư giãn như đang ở nhà, và, đặt tay lên batoong, ông ngồi thoải mái, bất động, chỉ có các đồng tử sau cặp kính là chạy tới chạy lui, từ đám mây đang trôi về hướng này tới chiếc xe tải đang chạy về hướng kia, hoặc từ cô chim sẻ đang móm cho con trai trên sỏi, tới những chuyển động giật giật đứt quãng, được tạo ra bởi chiếc ô tô gỗ nhỏ, mà một đứa trẻ đã quên bém nó đang kéo dây theo sau mình (kìa, nó đã đổ nghiêng, mà vẫn tiếp tục chạy). Bài cáo phó của Giáo sư D. chiếm vị trí nổi bật trên báo, vậy là, do vội vã bài trí buổi sáng của Vasiliy Ivanovich sao đó cho ảm đạm hơn và điển hình hơn, thành thử tôi đã thu xếp cho ông ta chuyển đi ấy đến lễ tang, mặc dù người ta đã viết rằng sẽ đăng một cáo thị đặc biệt về cái ngày đó, nhưng xin nhắc lại, tôi đã vội vã, và đúng là tôi đã muốn để như vậy — tại vì ông ta chính là kẻ mà bạn thường thấy ở các buổi lễ Nga tại nước

ngoài, đứng như thế về một bên, nhưng chính vì thế mà lại nêu bật tính bình thường của sự hiện diện của mình, và do trong các nét mềm mại của gương mặt đầy đặn được cạo nhẵn nhụi của ông có cái gì đó nhắc tôi nhớ lại nét mặt một quý bà hoạt động chính trị xã hội ở Moskva tên là Anna Aksakova, người mà tôi nhớ từ thuở ấu thơ (bà là một người họ hàng xa của tôi), cho nên tôi gần như tình cờ, nhưng với những chi tiết không thể kìm nén được, tạo ra chị ông ta từ bà ấy, và mọi thứ này diễn ra với tốc độ chóng mặt, vì bằng mọi giá, tôi cần phải có ai đó giống ông ta cho một đoạn trong cuốn tiểu thuyết mà tôi đã loay hoay đến năm thứ ba. Tôi quan tâm làm gì đến việc lão béo này, kẻ mà lúc đầu tôi thấy đang xuống tàu điện và giờ thì ngồi bên cạnh tôi, rất có thể lại hoàn toàn chẳng phải người Nga? Tôi đã hài lòng với lão làm sao! Lão mới rộng rãi làm sao! Theo một sự hội tụ cảm xúc lạ kỳ, tôi cảm thấy rằng tôi đang truyền cho tha nhân này niềm hạnh phúc lung linh đã khiến tôi nổi gai ốc... Tôi mong là, bất chấp tuổi già, bất chấp cảnh bần hàn, bất chấp khối u trong bụng, Vasiliy Ivanovich vẫn chia sẻ sức mạnh hoan lạc khủng khiếp của tôi bằng sự đồng lõa cứu chuộc tính bất chính của nó; sao cho nó thôi là một cảm giác chẳng ai biết đến, một dạng điên loạn cực hiếm, một cầu vồng kỳ quái bắc ngang cả

hồn tôi, làm cho nó trở nên dễ gần dù chỉ với hai người mà thôi, thành đề tài trò chuyện của họ, và qua đó mà giành được quyền tồn tại thông thường, thứ mà nếu không thế thì niềm hạnh phúc rồ dại, ngọt ngào của tôi sẽ bị tước đoạt hoàn toàn. Vasiliy Ivanovich (tôi khẳng khẳng giữ cái tên này) bỏ chiếc mũ phớt đen, như thể không phải để cho mát đầu, mà chính là để chào mừng những suy nghĩ của tôi. Ông chậm rãi xoa đỉnh đầu, và bóng lá đoan chạy ngang qua các đường gân xanh trên bàn tay to lớn và rồi lại nằm lên mái tóc bạc. Cũng chậm rãi như thế, ông quay đầu về phía tôi, đưa mắt nhìn tờ báo của tôi, nhìn bộ mặt giả dạng độc giả của tôi, và, oai nghiêm ngoảnh đi, đội lại mũ.

Nhưng ông ta đã thuộc về tôi. Kìa, ông đang ráng sức nhóm dậy, uốn thẳng người, chuyển ba-toong từ tay này qua tay kia và, thoát đầu thử một bước ngắn, rồi điềm tĩnh đi khuất — nếu tôi không nhầm, thì là mãi mãi, — nhưng ông đã mang đi theo mình, như mang căn bệnh dịch hạch, một tác nhân truyền bệnh khác thường và đã gắn kết với tôi một cách thiêng liêng, đã phải chịu thân phận xuất hiện giây lát ở sâu trong một chương nào đó, tại bước ngoặt của một câu văn nào đó.

CHIÊU MỘ

Người đại diện tôi giờ đây còn lại một mình trên băng ghế, và do y đã dịch vào chỗ râu, nơi Vasiliy Ivanovich vừa ngồi, thành thử cái bóng mát lá đoan từng làm lễ gia miện cho kẻ mới bỏ đi, lúc này cũng đang rung rinh trên trán y.

Berlin, 1935

Cảnh đời một quái vật kép

Vài năm trước, bác sỹ Fricke có đưa Lloyd và tôi một câu hỏi mà giờ đây tôi sẽ thử trả lời. Với nụ cười mơ màng vì sự thích thú thuộc về khoa học, ông vuốt ve dải sụn béo gắn kết chúng tôi — *omphalopagus diaphragmo-xiphodidymus*, như Pancoast từng đặt tên cho một ca tương tự — và muốn biết liệu chúng tôi có thể nhớ lại lần đầu tiên mỗi đứa, hoặc cả hai, nhận thức được tính khác thường của thân phận và định mệnh mình hay không. Tất cả những gì Lloyd có thể nhớ là cái cách mà ông ngoại Ibrahim (hoặc Ahim, hoặc Ahem — những mớ âm đục khó chịu với thính giác ngày

nay!) thường sờ mó cái mà bác sỹ từng sờ mó và gọi nó là chiếc cầu vàng. Tôi chẳng nói gì.

Tuổi thơ chúng tôi trôi qua ở đỉnh một ngọn đồi màu mỡ nằm trên biển Đen, tại trang trại gần Karaz của ông ngoại chúng tôi. Con gái út của lão, đóa hồng phương đông, viên ngọc trai của Ahem tóc bạc (nếu thế thì thằng già vô lại ấy lẽ ra phải chăm nom cô tốt hơn) đã bị ông thân sinh vô danh của chúng tôi cưỡng hiếp trong một vườn cây ăn quả ven đường và đã chết ngay sau khi sinh chúng tôi — do quá đổi khiếp sợ và buồn đau, theo như tôi hình dung. Một loạt lời đồn đại nhắc đến một gã bán rong người Hung-ga-ri; lời đồn khác thiên về một gã sưu tập chim người Đức hoặc một thành viên nào đó trong đoàn thám hiểm của gã — nhiều khả năng nhất là người nhồi bông thú. Các bà dì da màu, nặng trĩu trang sức, mặc đồ rộng thùng thình đượm mùi tinh dầu hoa hồng và thịt cừu, chăm lo với thái độ thích thú ma quái các nhu cầu thời thơ ấu quái dị của chúng tôi.

Các ngôi làng lân cận sớm nghe được tin kinh hoàng này và bắt đầu cử đến trang trại chúng tôi những kẻ hiếu kỳ lạ mặt khác nhau. Vào các ngày lễ hội, có thể nhìn thấy họ lết lên sườn đồi, như những người hành hương trong các bức tranh màu sắc rực rỡ. Có một mục phu

cao hai mét mốt, một người đàn ông nhỏ con đầu hói đeo kính, các quân nhân, và những chiếc bóng kéo dài của các cây bách. Bọn trẻ con cũng đến, vào mọi lúc, và bị các cô bảo mẫu ganh ghét của chúng tôi xua đi; nhưng gần như ngày nào cũng có một thanh niên mắt-đen, tóc-cắt-ngắn nào đó, mặc quần phai màu lam với những miếng vá thắm, tìm được cách luồn qua các cây sơn thù du, cây kim ngân, cây Giu-đa vắn vẹo, vào khoảnh sân lát đá cuội có vòi phun nước cũ nhót nhất nơi Lloyd cùng Floyd bé bỏng (hồi ấy chúng tôi còn có những cái tên khác, đầy ắp khí âm của quạ — nhưng chẳng thành vấn đề) ngồi lặng lẽ nhai mơ khô dưới bức tường sơn trắng. Sau đó, đột nhiên chữ H biến thành chữ I, số hai La Mã thành một, cây kéo thành con dao.

Đương nhiên không thể so sánh giữa va chạm nhận biết này, dù cho nó từng gây nhiễu loạn đến thế nào, với cú sốc cảm xúc mà mẹ *của tôi* đã nhận (nhân thể, có niềm hạnh phúc thuần khiết biết bao trong việc sử dụng cẩn trọng cụm từ sở hữu số ít này!). Bà hẳn phải ý thức được là bà đã sinh ra một cặp đôi; nhưng khi bà biết, mà chắc chắn bà đã biết, rằng hai đứa bé song sinh bị nối liền thành một — thì lúc đó bà đã trải qua những gì nhỉ? Với loại họ mạc thiếu kiểm chế, dốt nát, mê đưa chuyện vây quanh chúng tôi, lũ

người nhà to mồm ngay bên kia cạnh chiếc giường xáo lộn của bà, rõ ràng là, đã ngay lập tức thông báo cho bà rằng có điều gì đó bất thường khủng khiếp xảy ra; và có thể chắc chắn rằng các chị của bà, trong cơn cuồng điên hoảng sợ và xót thương, đã cho bà thấy đứa bé kép. Tôi không định nói là người mẹ không thể yêu thương một thực thể kép như vậy — và nhờ tình yêu ấy mà quên được những giọt sương tắm tối từ nguồn gốc vô đạo của nó; tôi chỉ nghĩ rằng sự pha trộn giữa cảm giác kinh hãi, lòng thương, cùng tình mẹ đã vượt quá sức bà. Cả hai thành phần tập kép, trước đôi mắt đăm đăm của bà, đều là các thành phần nhỏ xinh, khoẻ mạnh, có lông tơ vàng óng mượt trên những cái sọ tím hồng, và những cái tay cái chân hình dạng xinh xẻo như được làm bằng cao su, cử động như các chi của con thú biển lạ kỳ nào đó. Mỗi đứa bình thường thấy rõ, nhưng gắn với nhau thì chúng lại tạo thành hình một quái vật. Quả thật, có gì đó kỳ lạ khi nghĩ rằng sự hiện diện của một giải mô đơn thuần, một lát thịt không dài hơn nhiều so với gan cừu non, lại có thể biến niềm vui, sự hãnh diện, dịu dàng, tình yêu say đắm, lòng biết ơn trước Chúa thành nỗi kinh sợ và tuyệt vọng.

Trong hoàn cảnh chúng tôi thì mọi thứ đơn giản hơn nhiều. Người lớn quá khác chúng tôi

về mọi phương diện để có thể có bất cứ sự tương đồng nào, nhưng vị khách cùng tuổi đầu tiên đã là một khám phá dịu êm đối với tôi. Trong lúc Lloyd bình thản ngắm cậu bé kinh hãi tầm bảy hoặc tám tuổi, kẻ đang chăm chú nhìn chúng tôi từ dưới một cây sung nổi buồn và dường như cũng đang nhìn chăm chú, tôi còn nhớ là đã nhận thức trọn vẹn sự khác biệt cốt yếu giữa kẻ mới đến và tôi. Cậu buông chiếc bóng ngắn xanh lam lên mặt đất, và tôi cũng làm như thế; nhưng thêm vào bạn đồng hành sơ sài, bết dí, hay thay đổi ấy, kẻ mà cậu với tôi có được nhờ ơn mặt trời và là kẻ biến đâu mất trong thời tiết âm u, tôi còn sở hữu chiếc bóng khác nữa, một ánh phản chiếu rõ như thể sờ mó được của chính nhục thể bản thân tôi, mà tôi luôn có bên mình, phía trái, trong khi vị khách của tôi đã xoay xở bằng cách này cách khác để đánh mất chiếc của mình, hoặc đã cởi được nó ra và để ở nhà. Lloyd với Floyd là một thực thể liên kết trọn vẹn và bình thường, cậu ấy thì không. Nhưng, để làm sáng tỏ những vấn đề này một cách triệt để như chúng xứng đáng được như vậy, có lẽ tôi cần nói đôi điều về các ký ức sớm hơn nữa. Trừ khi xúc cảm tuổi trưởng thành đã làm hoen ố những gì đã qua, tôi nghĩ tôi có thể chứng thực các hồi tưởng về một sự ghê tởm mờ nhạt nào đó. Do bị ghép đôi phía đằng trước,

nên lúc đầu chúng tôi nằm mặt đối mặt, nối kết tại cái rốn chung, còn mặt tôi, trong những năm tồn tại đầu tiên ấy, luôn bị cọ quẹt bởi cái mũi cứng và đôi môi ướt của người anh em sinh đôi. Xu hướng ngửa đầu ra sau và ngoảnh mặt xa nhau nhiều nhất có thể chính là phản ứng tự nhiên với các tiếp xúc gây khó chịu ấy. Tính mềm dẻo tuyệt diệu của dải liên kết cho phép chúng tôi có thể tương hỗ giả lập một tư thế ít nhiều có vẻ sát cánh bên nhau, và lúc học đi thì chúng tôi bước lạch bạch loanh quanh theo tư thế kê vai sát cánh này, cái tư thế chắc hẳn có vẻ miễn cưỡng hơn là trên thực tế, và tôi cho rằng, nó làm cho chúng tôi nhìn y như một cặp chú lùn say xỉn đang dựa vào nhau. Suốt một thời gian dài, khi ngủ, chúng tôi cứ gắng quay lại tư thế bào thai; song mỗi lần sự bất tiện mà nó gây ra làm chúng tôi thức giấc, thì chúng tôi lại ngật mặt ra xa, ngoái đầu một cách kinh tởm, với tiếng rền rĩ kép.

Tôi khẳng định rằng, vào lúc lên ba hay bốn tuổi, các cơ thể chúng tôi lảng máng không ưa mối liên kết khó xử của chúng, trong khi tâm trí chúng tôi lại không thắc mắc về tính bình thường của nó. Sau đó, trước khi chúng tôi có thể thầm nhận thức thấy các mặt hạn chế của nó, thì trực giác nhục thể đã khám phá ra cách

làm dịu chúng, và về sau chúng tôi hầu như không nghĩ đến chúng nữa. Mọi chuyển động của chúng tôi trở thành một sự thỏa hiệp cân trọng giữa chung và riêng. Mẫu hành vi được gợi lên bởi ham muốn thôi thúc qua lại lẫn nhau nọ kia đã tạo nên một dạng phong nền xám xịt, dẹt phẳng phiu, có tính khái quát mà trên đó, cơn bốc đồng riêng biệt, của cậu ấy hoặc của tôi, bám theo một tiến trình sáng sủa hơn hoặc sắc nét hơn; nhưng (được dẫn lối, nói sao nhỉ, bởi nếp uốn lượn của họa tiết phong nền) nó không bao giờ đi ngược lại được sự nối kết chung hoặc ý muốn bất chợt của kẻ song sinh kia.

Hiện giờ tôi chỉ nói về tuổi thơ, khi tự nhiên chưa thể cho phép chúng tôi hủy hoại thứ sinh lực mà chúng tôi đã rất khó khăn mới giành được bằng bất cứ mâu thuẫn nào giữa hai đứa. Vào những năm sau, tôi từng có dịp hối tiếc rằng chúng tôi đã không bỏ mạng hoặc không được mổ tách ra, trước lúc chúng tôi qua giai đoạn khởi thủy ấy, khi mà một nhịp điệu hiện diện mãi mãi, tựa tựa như tiếng vỗ tum-tum xa xăm trong khu rừng thẳm của hệ thần kinh chúng tôi, đơn độc chịu trách nhiệm về việc điều khiển các hoạt động của chúng tôi. Chẳng hạn, lúc một đứa chúng tôi sắp cúi người để tự đoạt lấy một bông cúc dễ thương, còn đứa kia, đứng ngay khoảnh

khắc ấy, lại đang rướn lên để hái một trái sung chín, thì sự thành công cá nhân phụ thuộc vào việc chuyển động của đĩa nào ngẫu nhiên phù hợp với phách nhấn hiện thời thuộc nhịp điệu chung và liên tục của chúng tôi, và rồi thì, với một cái rùng mình cực ngắn, tựa như mắc chứng múa giật, các cử chỉ ngắt quãng của một đĩa song sinh sẽ bị nuốt chửng và hòa lẫn vào những gợn sóng được làm cho phong phú hơn thuộc hành động đã hoàn tất của đĩa kia. Tôi nói “được làm cho phong phú hơn” bởi lẽ bóng ma bông hoa không hái được ấy dường như vì lý do nào đó cũng ở nơi đó, thổn thức đập giữa các ngón tay đang khép lại trên trái cây kia.

Có lẽ đã có giai đoạn dài hàng tuần và thậm chí hàng tháng, khi nhịp đập dẫn dắt hay ở bên Lloyd nhiều hơn nhiều so với bên tôi, sau đó có lẽ đến giai đoạn khi tôi lên được ngọn sóng; nhưng tôi không thể nhớ lại bất cứ thời gian nào vào thời thơ ấu khi sự trắc trở hoặc thành công ở những chuyện này đã gọi lên trong cả hai đĩa nỗi oán giận hay niềm kiêu hãnh nào.

Tuy nhiên, đâu đó trong tôi, hẳn vẫn có tế bào nhạy cảm nào đó kinh ngạc trước sự thật lạ lùng về một sức mạnh đã có thể đột ngột cuốn tôi xa khỏi đối tượng của một ham muốn bất chợt và kéo tôi tới những thứ khác, những thứ

chẳng ai ham muốn, những thứ đã len vào phạm vi nguyện ước của tôi để tránh bị vượn đến và bọc lại một cách cố ý bởi các xúc tu của nó. Vì vậy, trong lúc quan sát đứa trẻ tình cờ này nó đang quan sát Lloyd và tôi, tôi nhớ là mình đã cân nhắc một vấn đề kếp: thứ nhất là, không biết liệu trạng thái nhục thân đơn độc thì có thể có nhiều lợi thế hơn trạng thái mà chúng tôi đang sở hữu hay không; và thứ nhì là, không biết liệu *tất cả* các đứa trẻ khác có đơn độc hay không. Lúc này, tôi chợt nghĩ rằng, những vấn đề rất hay làm tôi bối rối lại thường mang tính kếp: có lẽ một dòng suy nghĩ của Lloyd đã thấm vào tâm trí tôi và một trong hai vấn đề gắn kết với nhau đó thuộc về cậu ấy.

Khi ông ngoại tham lam *Ahem quyết định* trưng chúng tôi ra cho khách xem để thu tiền, giữa đám đông đến nơi ấy luôn có thằng nhãi ranh háo hức nào đó muốn nghe chúng tôi nói chuyện với nhau. Như vẫn xảy ra với các trí óc thô sơ, gã yêu cầu là tai gã phải chứng thực được những gì mắt gã nhìn thấy. Mấy người bà con thúc ép chúng tôi làm vừa lòng các yêu cầu như thế và không thể hiểu tại sao lại phải khổ sở đến vậy vì chúng. Chúng tôi có thể vin có nhút nhát; nhưng sự thật thì chúng tôi chẳng bao giờ thật sự *nói chuyện* với nhau, thậm chí cả khi ở một

mình, bởi những tiếng cầu nhàu đứt quãng ngăn ngùn từ lời trách móc hiếm hoi mà chúng tôi thỉnh thoảng trao đổi (chẳng hạn, khi một đứa vừa mới cắt vào chân nó và đang phải băng bó, còn đứa kia muốn đi lợi suất) thật khó có thể cho là cuộc đối thoại. Giao tiếp về các cảm giác đơn giản thiết yếu được chúng tôi thực hiện mà chẳng cần lời: những chiếc lá rụng lênh đênh trôi theo dòng máu chúng tôi chia sẻ cùng nhau. Các ý nghĩ mong manh cũng xoay sở tìm cách lén qua và chu du giữa chúng tôi. Những thứ phong phú hơn được từng đứa giữ lại cho riêng mình, nhưng thậm chí lúc ấy cũng xảy ra những hiện tượng dị thường. Đây là nguyên nhân tại sao tôi nghi ngờ rằng bất chấp bản tính điềm tĩnh của cậu ấy, Lloyd cũng vật lộn với cùng những thực tại mới, những thứ làm tôi bối rối. Khi lớn lên, cậu ấy lãng quên nhiều điều. Tôi thì chẳng quên gì.

Công chúng không chỉ mong ngóng chúng tôi nói chuyện, họ còn muốn chúng tôi chơi đùa với nhau. Lũ đàn! Họ kiếm được khá nhiều niềm vui từ việc chúng tôi đấu trí về cờ đam hoặc *muzla*. Tôi tin rằng giả dụ chúng tôi tình cờ lại là cặp *song sinh* khác giới tính thì có lẽ họ sẽ bắt chúng tôi phải phạm tội loạn luân ngay trước mặt họ. Nhưng vì các trò chơi tương tác cũng

không quen thuộc với chúng tôi hơn các cuộc chuyện trò, nên chúng tôi phải chịu đựng nỗi đau khó thấy khi buộc phải thực hiện đến cùng các cử động gò bó để ném qua ném lại một quả bóng ngay tại nơi nào đó giữa xương ức hoặc giả bộ như đang cố giành nhau một cái que. Chúng tôi thu hút được những tràng vỗ tay điên cuồng bằng cách choàng tay qua vai nhau chạy quanh sân. Chúng tôi biết cả nhảy và quay tròn.

Một người buôn bán biệt dược, một gã nhỏ con hói đầu mặc áo bờ lu Nga màu trắng-bẩn, biết bập bồm chút tiếng Thổ và tiếng Anh, dạy chúng tôi vài câu bằng các thứ tiếng này; sau đó chúng tôi phải trình diễn khả năng của mình cho đám khán giả bị mê hoặc ấy xem. Những bộ mặt hùng hực của họ vẫn còn truy đuổi tôi trong những cơn ác mộng, bởi lẽ chúng xuất hiện mỗi khi tay đạo diễn giấc mơ của tôi cần diễn viên phụ. Tôi lại thấy gã mục phu khổng lồ mặt màu đồng mặc bộ quần áo nhiều màu rách tả tơi, những quân nhân đến từ Karaz, ông thợ may lưng gù chột mắt người Ác-mê-ni-a (một quái vật tự thân), những cô gái cười rúc rích, những bà già thở dài, những đứa trẻ con, gã thanh niên mặc quần áo miền Tây — những ánh mắt thiêu đốt, những chiếc răng trắng ớn, những cái mồm há hốc đen ngòm; và, đương nhiên cả ông ngoại

Ahem, cùng cái mũi vàng ngà và bộ râu len xám, điều khiển buổi diễn hoặc đếm những tờ tiền giấy bẩn thỉu và thắm ướt ngón tay cái to tướng. Nhà ngôn ngữ học, đầu hói áo bờ lu thêu, ve vãn một trong số các bà dì tôi nhưng vẫn không ngừng quan sát Ahem một cách đầy ganh tị qua cặp kính gọng thép.

Vào quãng chín tuổi, tôi đã biết rất rõ rằng Lloyd và tôi là những quái vật hiếm có nhất. Nhận thức này không khơi gợi trong tôi bất cứ niềm tự hào đặc biệt nào lẫn nỗi xấu hổ đặc biệt nào; nhưng, lần nọ, một mù đầu bép cuồng loạn, một phụ nữ có ria mép, người hết sức yêu quý chúng tôi và xót thương cảnh ngộ chúng tôi, tuyên bố với một lời thề tàn tệ rằng mù sẽ, luôn và ngay, lạng chúng tôi ra làm hai bằng con dao sáng loáng mà mù thỉnh linh hươ lên (mù ngay lập tức bị ông ngoại cùng một trong các ông chú nhật mới toanh của chúng tôi chế ngự); và sau vụ lôi thôi này tôi thường được an ủi bởi một mộng ước mơ màng biếng nhác, tưởng tượng mình không biết làm sao mà lại được tách ra khỏi Lloyd đáng thương, còn cậu ấy không biết làm sao mà vẫn cứ kẹt lại ở thời yêu quái của mình.

Tôi không quan tâm đến vụ con dao, và dẫu sao chẳng nữa thì cái lỗi chia cắt ấy vẫn còn rất

mơ hồ; nhưng tôi hình dung một cách hết sức rõ rệt về sự tan biến đột ngột các xiềng xích của mình, cùng cảm giác nhẹ nhõm và lỏa lồ sẽ xảy ra sau đó. Tôi hình dung tôi leo qua hàng rào — một hàng rào với những chiếc đầu lâu gia súc phơi trắng ớn bịt đầu cọc — và thả bộ xuống dần về phía bờ biển. Tôi hình dung tôi nhảy qua hết tảng đá mòn này đến tảng đá mòn khác và nhào xuống biển nhấp nháy, trườn ngược về bờ và chạy tung tăng xung quanh cùng những đứa trẻ trần truồng khác. Tôi mơ về điều này ban đêm — thấy tôi bỏ trốn khỏi ông ngoại và đem theo mình một món đồ chơi, hay con mèo con, hay con cua nhỏ xíu mà tôi riết chặt vào bên thân trái. Tôi thấy chính mình gặp Lloyd đáng thương, cậu xuất hiện trong giấc mơ của tôi và tập tễnh bước theo, tuyệt vọng nối người với một đứa trẻ sinh đôi tập tễnh vào lúc tôi tự do nhảy múa quanh chúng và vỗ lên những cái lưng khúm núm của chúng.

Tôi tự hỏi, không biết Lloyd có những ảo cảnh tương tự hay không. Bác sỹ cho là chúng tôi đôi khi hòa lẫn tâm tưởng khi mơ. Một buổi sáng xanh-xám nọ, cậu ấy nhặt cái cành nhỏ lên và vẽ một con tàu ba buồm trên bụi. Tôi vừa thấy chính mình vẽ con tàu ấy lên bụi mờ ở giấc mơ mà tôi mơ đêm trước.

Chiếc áo choàng mục phu lưng thụng màu đen phủ lên vai chúng tôi, và, khi chúng tôi ngồi xổm lên nền đất, tất cả, ngoài đầu chúng tôi và tay Llyod, bị che khuất trong những nếp gấp xõa xuống của nó. Mặt trời mới mọc và không khí buốt giá tháng Ba tựa như những lớp băng bán trong suốt chồng lên nhau, xuyên qua chúng, những cây Giu-đa cong queo đang nở hoa rậm rịt tạo ra các đốm nhoè nhoẹt màu hồng tía. Ngôi nhà dài, thấp, trắng đặng sau chúng tôi, chật ních những mộ béo và các ông chồng bốc mùi hôi hám của họ, đang ngủ mê mết. Chúng tôi không nói không rằng; chúng tôi thậm chí không nhìn nhau, nhưng, quăng cành cây của mình ra xa, Lloyd choàng tay phải quanh vai tôi, như cậu vẫn luôn làm mỗi khi muốn cả hai đi nhanh; và cùng viên trang phục chung quét lê giữa những cây cỏ dại chết khô, còn những viên sỏi cứ chảy dưới chân, chúng tôi tiến về phía lối mòn mọc đầy cây bách dẫn xuống bờ biển.

Đây là lần đầu tiên chúng tôi thử thăm quan biển, nơi chúng tôi có thể nhìn thấy từ đỉnh đồi, nhấp nháy sáng xa xa và nhàn nhã, âm thầm vỡ tan vào những tảng đá bóng loáng. Tôi không cần kéo căng ký ức mình tại điểm này để neo cuộc trốn chạy vấp vấp của chúng tôi vào một chỗ ngoặt xác quyết trong định mệnh hai đứa.

Vài tuần trước, vào sinh nhật lần thứ mười hai của chúng tôi, ông ngoại Ibrahim bắt đầu đùa giỡn với ý tưởng gửi chúng tôi đi cùng đoàn ông chú mới nhất cho chuyến lưu diễn sáu tháng xuyên đất nước. Họ vẫn đang mặc cả về các điều khoản, cãi vã và thậm chí đánh nhau, mà Ahem vẫn trên cơ.

Chúng tôi sợ ông ngoại và ghét Chú Novus. Có lẽ, theo cái lối đần độn tội nghiệp của mình (chẳng biết gì về cuộc sống, nhưng lơ mơ nhận thấy Chú Novus đang ráng lừa bịp ông ngoại) chúng tôi cảm thấy có lẽ nên thử làm điều gì đó để ngăn ông bầu sô ấy lặn chúng tôi đi đó đi đây trong một nhà ngục di động, như lũ dã nhân hay bọn đại bàng; hay có lẽ chúng tôi đã bị thúc đẩy đơn thuần bởi ý nghĩ rằng đây là cơ hội cuối cùng để tận hưởng tự do nhỏ nhoi của mình và làm điều gì đó vẫn bị cấm ngặt; vượt qua hàng rào cấm cộc nào đó, mở cánh cổng nào đó.

Chúng tôi không gặp khó khăn nào trong việc mở cái cổng lung lay ọp ẹp ấy, nhưng không tìm được cách quay nó về lại vị trí cũ. Một con cừu trắng-bắn, có đôi mắt hổ phách và con dấu đỏ như son vẽ trên cái trán phẳng và cứng, bám theo chúng tôi một lúc trước khi mất hút sau bụi sồi. Thấp hơn một chút nhưng vẫn còn cao hơn thung lũng, chúng tôi phải băng ngang con lộ

bao quanh ngọn đồi và nối liền trang trại chúng tôi với đường cái chạy dọc theo bờ biển. Tiếng móng guốc bình bịch và tiếng bánh xe kèn kẹt chạy xuống chỗ chúng tôi; và chúng tôi thu mình lại, cả áo khoác cả mọi thứ, đằng sau bụi rậm. Khi tiếng ầm ầm lắng xuống, chúng tôi băng ngang đường và tiếp tục đi theo con dốc cỏ mọc um tùm. Biển bạc từ từ ẩn mình sau những cây bách và dấu tích của những bức tường đá cũ. Chiếc áo choàng đen bắt đầu có cảm giác rất nóng và nặng nhưng chúng tôi vẫn kiên trì núp dưới sự bảo vệ của nó, do sợ rằng nếu không thì ai đó tình cờ đi ngang qua có thể để ý thấy sự ốm yếu của chúng tôi.

Chúng tôi thoát lên được đường cái, vài bước cách biển có-thể-nghe-rõ — và ở đó, chờ chúng tôi dưới cây bách, là cỗ xe ngựa mà chúng tôi đã biết, một thứ nhìn như chiếc xe thồ trên những cái bánh cao, cùng Chú Novus đang leo xuống khỏi thùng xe. Một con người nhỏ nhen, xảo quyệt, nham hiểm, tham vọng, bất lương! Vài phút trước đây, y nhìn thấy chúng tôi từ một trong các hàng hiên nhà ông ngoại và không thể cưỡng lại được sự cám dỗ từ việc lợi dụng vụ đào tẩu cho phép y cướp được chúng tôi một cách kỳ diệu mà không cần đến bất cứ cuộc vật lộn hay tiếng la hét nào. Vừa chửi hai con ngựa

sợ sệt, y vừa thô bạo giúp chúng tôi vào xe. Y đẩy đầu chúng tôi xuống và dọa sẽ làm chúng tôi đau nếu chúng tôi cố kêu chiêm chiếp dưới chiếc áo choàng của mình. Tay Lloyd vẫn còn quàng quanh vai tôi, nhưng cú xóc mạnh thành lỉnh của chiếc xe thô đã giữ nó ra. Giờ thì bánh xe nghiêng rãng rắc và lắc lư lăn. Mất chút thời gian, chúng tôi mới nhận ra rằng gã đánh xe không đưa chúng tôi về nhà.

Hai mươi năm đã trôi qua từ buổi sáng xuân xám xịt ấy, nhưng nó còn được lưu giữ trong tâm trí tôi tốt hơn hẳn so với nhiều sự kiện xảy ra sau đó. Tôi cho nó chạy đi chạy lại trước mắt mình tựa một đoạn phim điện ảnh, như tôi đã từng thấy những nghệ sỹ múa rối vĩ đại làm khi duyệt lại màn kịch của họ. Vậy nên tôi duyệt lại mọi giai đoạn và tình huống và chi tiết ngẫu nhiên của cuộc đào tẩu chết yếu của chúng tôi — cú rùng mình khởi thủy, cái cổng, con cừu, con dộc trơn tuột dưới những cái chân vụng về. Với những con chim hét đã bị chúng tôi xua cho bay lên thì chúng tôi chắc hẳn đã phô ra một cảnh tượng lạ thường, với chiếc áo choàng đen ấy bao quanh người và hai cái đầu tóc xén trên các cần cổ gầy gò lộ ra khỏi áo. Những cái đầu quay qua quay lại, đầy cảnh giác, lúc, cuối cùng thì, đã đến đường cái ven biển. Giả như vào

đúng lúc ấy, một kẻ xa lạ thích phiêu lưu nào đó đặt chân lên bờ biển từ chiếc tàu trong vịnh, hẳn là hắn được trải nghiệm sự rộn ràng của một trạng thái bị mê hoặc cổ xưa khi thấy chính mình đối mặt với quái vật thần thoại hiền lành giữa cảnh tùng bách và đá trắng. Hắn sẽ tôn sùng nó, hắn sẽ để rơi những giọt lệ ngọt ngào. Nhưng, than ôi, chẳng có ai đón chào chúng tôi nơi đó ngoài kẻ lừa đảo bồn chồn ấy, kẻ bắt cóc nóng nảy ấy, một người đàn ông nhỏ con có gương mặt búp bê đeo cặp kính rẻ tiền, một mắt kính được gắn lại bằng đoạn băng.

Chị em nhà Vane

I

Có lẽ tôi không bao giờ được biết về cái chết của Cynthia, nếu tôi, đêm ấy, không đụng mặt D., người mà tôi cũng đã mất dấu trong khoảng bốn năm gần đây; và có lẽ tôi không bao giờ đụng mặt D. nếu tôi không bị cuốn vào một chuỗi điều nghiên tầm phào.

Hôm ấy, Chủ Nhật ăn năn sau cả tuần bão tuyết, là một ngày nửa ngọc, nửa bùn. Giữa cuộc đi dạo chiều chiều qua sơn trấn nhỏ gắn liền với trường cao đẳng nữ sinh nơi tôi dạy văn học Pháp, tôi đã dừng chân ngắm một gia đình băng

nhũ sáng chói nhỏ nước giọt giọt từ mái chìa của ngôi nhà khung gỗ. Hình bóng nhọn đầu của chúng mới rõ nét làm sao trên các tấm ván trắng phía sau, đến nỗi tôi đã chắc chắn rằng bóng những giọt rơi cũng hữu hình. Nhưng không thấy chúng đâu. Có lẽ do mái nhà nhô ra quá xa, hoặc góc nhìn không đúng, hoặc, lần nữa, tôi lại không thể nhìn đúng cột băng nhũ thích hợp khi giọt nước thích hợp rơi xuống. Có một nhịp điệu nào đó, một sự luân phiên nào đó trong cảnh nhỏ giọt khiến tôi thấy bị chọc tức như trò ảo thuật với đồng xu. Điều ấy dẫn tôi đi xem xét kỹ lưỡng các góc cạnh của vài khối nhà, và đưa tôi đến Kelly Road, ngay ngôi nhà nơi D. từng sống khi anh ta làm thợ giăng ở đây. Và trong khi tôi nhìn lên mái chìa của ga-ra sát ngay đấy cùng cả bộ trưng bày các thạch nhũ trong suốt trên nền những hình bóng xanh lam của chúng, cuối cùng tôi cũng được ban thưởng, lúc chọn một nhũ, bằng việc nhìn thấy cái có thể được miêu tả như dấu chấm của dấu than đang rời vị trí thông thường của mình để tuột xuống rất nhanh — nhanh hơn đôi chút so với giọt băng tan mà nó đua cùng. Nhấp nháy kếp ấy thật thú vị nhưng không làm thoả mãn trọn vẹn; hoặc đúng hơn, nó chỉ làm sâu sắc thêm nỗi thèm muốn của tôi với những miếng sáng và tối ngon lành khác, rồi tôi nhập vào trạng thái nhận thức nguyên sơ,

một trạng thái dường như biến toàn bộ bản thể tôi thành một nhãn cầu lớn đảo trong hốc đời.

Qua hàng mi đuôi công, tôi nhìn thấy ánh tà dương phản chiếu lóng lánh chói mắt tựa kim cương trên mũi cong của chiếc ô tô đang đậu. Vạn vật được hoàn trả ý nghĩa hình ảnh sống động bởi sự tẩy rửa của tuyết tan trong tiết trời ấm áp. Nước tràn lên nhau lớp này lớp khác như những tràng hoa chảy xuống con phố dốc và yêu kiều chuyển hướng qua phố khác. Với một âm hưởng quyến rũ giả tạo vô cùng mong manh, lối đi hẹp giữa các tòa nhà để lộ ra kho báu của gạch và màu đỏ tía. Lần đầu tiên tôi để ý thấy các máng sáo khiêm nhường — tiếng vọng cuối cùng của đường xoi trên thân cột — trang trí cho thùng rác, và tôi cũng nhìn thấy gợn sóng trên nắp nó — các đường tròn tỏa rộng từ một trung tâm cổ xưa đến phi thường. Những hình dáng dựng đứng, đầu-đen của các đồng xác tuyết (bị lưỡi hái xe ủi bỏ lại từ thứ Sáu vừa qua) được sắp thành hàng, như những con chim cánh cụt mới phơi thai, dọc theo lề đường, ngay trên dòng chảy dào dạt lấp lánh của các rãnh nước sống động.

Tôi đi lên, tôi đi xuống, tôi đi thẳng về phía bầu trời đang êm đềm tắt nắng, cuối cùng thì chuỗi sự vật được quan sát và đang quan sát đã

đưa tôi, vào giờ ăn thường lệ, đến con phố cách xa nơi tôi vẫn thường dùng bữa đến nỗi tôi quyết định thử một nhà hàng nằm ngay vùng ven thị trấn. Màn đêm đã buông xuống không tiếng động mà cũng chẳng cần nghi lễ nào khi tôi lại bước ra ngoài. Con ma gầy nhảnh, chiếc bóng giãn dài mà trụ phí đậu xe buông xuống mặt tuyết ẩm thấp nào đó, nhuộm màu hung hung là lạ; tôi phát hiện ra điều này nhờ ánh sáng nâu đỏ của biển hiệu nhà hàng treo phía trên vỉa hè; và đúng lúc ấy — khi tôi tha thần nơi đó, phần nào mệt mỏi tự hỏi liệu trên đường cuộc bộ quay về tôi có thể đủ may mắn để tìm thấy cũng bóng ma ấy trong ánh xanh neon hay không — đúng lúc ấy thì một chiếc ô tô lao xạo dừng bánh ngay gần tôi, và D. vừa bước ra ngoài vừa thốt lên một thán từ giả bộ vui mừng.

Anh đang đi, trên đường từ Albany đến Boston, qua thị trấn mà trước đây anh đã từng cư ngụ, và đây không phải lần đầu tiên trong đời mình, tôi cảm thấy cú đâm dị cảm ấy, cú đâm mà tiếp theo sau là một cơn bức tức cá nhân phản kháng những lũ khách, những kẻ dường như hoàn toàn chẳng cảm thấy gì khi thăm lại các nơi chốn lẽ ra phải làm họ xao xuyến tại từng bước chân bằng những ký ức than van và quần quai. Anh dẫn tôi quay lại cái quán mà tôi vừa mới rời

đi, và sau cuộc trao đổi thường lệ toàn những lời vô vị vui vẻ thì đến khoảng trống không thể tránh được mà anh lấp đầy bằng những lời tình cờ: “À này, tôi chưa bao giờ nghĩ tim Cynthia Vane có vấn đề gì cả. Luật sư của tôi vừa báo tin là cô ấy chết tuần trước.”

II

Anh vẫn trẻ trung, vẫn thô lỗ, vẫn quý quyết, vẫn vợ chồng với một phụ nữ hiền lành, đẹp thanh nhã, chưa bao giờ được biết hoặc nghi ngờ bất cứ điều gì về chuyện tình thâm khốc của anh với cô em cuồng loạn của Cynthia, cô gái ấy, đến lượt mình, cũng chẳng biết chút gì về cuộc nói chuyện riêng mà tôi đã có với Cynthia khi cô đột ngột mời tôi đến Boston để bắt tôi thề rằng tôi sẽ nói chuyện với D. và “tổng cổ” anh ta nếu anh ta không thôi gặp Sybil ngay — hoặc không ly dị vợ (người mà cô bất ngờ hình dung qua lăng kính nói năng rồ dại của Sybil như một mụ đàn bà lăng loạn xấu ma chê quỷ hờn). Tôi đã dồn anh ta vào chân tường ngay lập tức. Anh ta nói chẳng có gì đáng lo cả — anh đã quyết, dẫu có thế nào, xin thôi việc ở trường và cùng vợ chuyển đi Albany, nơi anh ta sẽ làm việc trong hãng của cha mình; và toàn bộ

vấn đề, vốn đe dọa trở thành một trong những tình huống rối rắm vô vọng nhưng chẳng hàng năm, với đám bạn thiện chí bên ngoài không ngừng bàn cãi về nó mà vẫn giữ bí mật chung — và thậm chí xây dựng, giữa chính họ, những mối quan hệ gần gũi dựa trên nỗi đau của người khác — đi đến kết thúc bất ngờ.

Tôi nhớ hôm sau tôi ngồi tại cái bàn kê cao của mình trong giảng đường lớn, nơi kỳ kiểm tra giữa năm môn văn học Pháp được tổ chức ngay hôm trước vụ tự tử của Sybil. Em bước vào trên đôi giày cao gót, cùng chiếc va-li, ném phịch nó xuống góc nhà nơi vài chiếc túi khác đang chất đống, với chỉ một cái nhún vai, tuột chiếc áo choàng lông thú khỏi đôi vai gầy, phủ nó lên va-li của mình, và cùng hai hay ba cô gái khác dừng bước trước bàn tôi để hỏi khi nào tôi sẽ gửi thư báo điểm cho họ. Tôi sẽ mất một tuần, bắt đầu từ ngày mai, tôi nói, để đọc những thứ này. Tôi cũng nhớ là đã tự hỏi rằng không biết D. đã báo cho em biết về quyết định của mình hay chưa — và tôi thấy thật đau lòng với cô sinh viên nhỏ biết vâng lời của tôi do suốt 150 phút tôi cứ quay lại chăm chú nhìn em, mảnh khảnh một cách trẻ con làm sao trong bộ đồ xám ôm sát người, và cứ quan sát mái tóc sẫm màu uốn cẩn thận ấy, chiếc mũ nhỏ ấy, chiếc mũ in-hoa-

nhỏ với tấm mạng nhỏ trong suốt như người ta vẫn đội mùa ấy, và bên dưới nó, gương mặt nhỏ nhắn của em bị chia cắt theo kiểu lập thể bởi các vết sẹo do một căn bệnh về da, được che đậy một cách cảm động bởi màu da rám nắng nhân tạo làm nét mặt em cứng đờ, và các nét quyến rũ của nó còn bị em làm tổn hại thêm bằng việc tô vẽ mọi thứ có thể tô vẽ được, đến nỗi nướu răng nhợt nhạt giữa đôi môi nứt nẻ màu đỏ anh đào và màu mực xanh nhạt của đôi mắt em dưới hàng mi thắm màu là những khe hở duy nhất cho phép nhìn vào sắc đẹp của em.

Hôm sau, lúc đang sắp xếp các cuốn tập xấu xí theo thứ tự bảng chữ cái, tôi đắm mình vào đồng chữ viết tay hỗn độn và sớm rờ đến Valevsky với Vane, vợ của họ không biết làm sao lại bị tôi chuyển nhầm chỗ. Valevsky nắn nót viết có vẻ dễ đọc cho dịp này, nhưng bài làm của Sybil để lộ ra sự phối hợp thường lệ của vài bàn tay quý. Em bắt đầu bằng cây bút chì rất nhạt màu, rất cứng, viết hằn rõ lên trang sau nhem nhuốc, nhưng để lại rất ít giá trị lâu bền trên mặt trước tờ giấy. Cũng may đầu bút gãy sớm, và Sybil tiếp tục viết bằng cây bút chì khác, thắm màu hơn, từ từ nguệch ngoạc thành những đường dày không rõ nét của cái gì đó nhìn gần giống như chì than, thêm vào đó, bằng cách mút

cái đầu cùn, em đóng góp chút vết son môi. Bài em làm, mặc dù thậm chí còn nghèo nàn hơn tôi mong đợi, vẫn mang mọi dấu hiệu của một thứ tựa tựa như sự tận tâm tuyệt vọng, với những đường gạch dưới, đổi chỗ, những chú thích chân trang không cần thiết, như thể em chú tâm gom góp các thứ theo cái cách đứng đắn nhất có thể. Sau đó, em mượn cây bút máy của Mary Valevsky và thêm vào: "*Cette examain est finie ainsi que ma vie. Adieu, jeunes filles!*¹ Xin ông, *Monsieur le Professeur*², liên hệ *ma soeur*³ và nói với chị ấy rằng Chết không tốt hơn bị Điểm không, nhưng dứt khoát là tốt hơn Sống không D."

Tôi gọi cho Cynthia ngay lập tức, cô cho tôi hay là mọi chuyện đã chấm dứt rồi — mọi chuyện đã chấm dứt từ lúc tám giờ sáng — và xin tôi mang tờ ghi chép ấy đến cho cô, rồi khi tôi mang đến, cô rạng rỡ cười qua nước mắt với sự ngưỡng mộ đầy kiêu hãnh dành cho việc dùng từ kỳ quái ("Thật giống cô ấy!") mà Sybil đã tìm ra cho kỳ kiểm tra môn văn học Pháp. Trong chớp mắt, cô "xử đẹp" hai ly cối ứt-ky

¹ Buổi thi này đã kết thúc, cũng như cuộc đời tôi. Vĩnh biệt chị em! — tiếng Pháp, nhưng sai chính tả.

² Thưa Ngài Giáo sư — tiếng Pháp.

³ Chị tôi — tiếng Pháp.

pha xô-đa, mà vẫn không lúc nào rời cuốn tập của Sybil — đến lúc này đã bị rưới đầy xô-đa với nước mắt — và tiếp tục nghiên cứu tin báo tử ấy, khiến tôi, ngay lúc đó, chỉ ra cho cô thấy những lỗi ngữ pháp trong đó và giải thích cách mà từ “phụ nữ” được dịch ở các trường cao đẳng Mỹ sao cho sinh viên không thể ngây thơ bàn tán quanh từ “gái” tương đương trong tiếng Pháp, hoặc tệ hơn. Những điều khá tầm thường vô vị này lại làm Cynthia rất đổi hài lòng lúc cô nhóm dậy, thở hổn hển, trên bề mặt phập phồng của nỗi đau. Sau đó, giữ chặt cuốn tập mềm nhẽo ấy như thể nó là một thứ tựa tựa như cuốn hộ chiếu để vào được chốn thiên đường tình cờ nào đó (nơi đầu bút chì không bị gãy và một nhan sắc trẻ đẹp mơ màng với làn da không tì vết quần mồn tóc quanh ngón tay trở mơ màng, trong lúc em trầm ngâm trên bài kiểm tra thần tiên nào đó), Cynthia đưa tôi lên gác, vào căn phòng ngủ nhỏ lạnh lẽo, chỉ để cho tôi xem, như thể tôi là cảnh sát hoặc tay hàng xóm cảm thông người gốc Ai Len, hai lọ thuốc rỗng không và chiếc giường bừa bộn mà từ đó, tấm thân non mềm, không ai cần đến, mà D. hẳn là tường tận đến góc ngách nhưng lựa cuối cùng, đã bị chuyển đi.

III

Quãng bốn hay năm tháng sau khi Sybil chết, tôi bắt đầu gặp Cynthia khá thường xuyên. Đến lúc tôi đi New York vì công việc nghiên cứu nào đó vào dịp nghỉ lễ trong Thư Viện Công Cộng thì cô cũng chuyển đến thành phố ấy, nơi mà vì lý do kỳ quái nào đó (tôi cho là có mối liên hệ mơ hồ với các mô-típ nghệ thuật) cô đã thuê cái mà những người, miễn dịch với chứng sồn gai ốc, gọi là căn hộ “nước đá”, ở mức thấp của những con phố dọc ngang thành phố. Điều hấp dẫn tôi không phải là điệu bộ của cô, mà tôi nghĩ là hoạt bát phát tởm, cũng không phải vẻ ngoài của cô, mà những người đàn ông khác nghĩ là nổi bật. Cô có đôi mắt cách xa nhau rất giống mắt em cô, màu xanh lơ hoảng sợ, ngay thật, với các điểm thâm màu phân bố xuyên tâm. Khoảng giữa đôi lông mày đen rậm của cô lúc nào cũng bóng lưỡng, và cả vành mũi nung núc thịt của cô cũng bóng lưỡng. Mô biểu bì thô kệch của cô nhìn gần giống như của đàn ông, và, dưới ánh đèn khắc nghiệt của căn phòng, bạn có thể nhìn thấy các lỗ chân lông trên gương mặt ba-mươi-hai-tuổi của cô thao láo nhìn bạn tựa như thứ gì đó trong bể cá. Cô dùng mỹ phẩm cũng say mê hệt như em gái cô đã từng, nhưng với sự cầu thả

phụ thêm vào làm cho những chiếc răng cửa to tướng của cô dính chút son môi. Cô có nước da ngăm ngăm dễ thương, mặc những bộ đồ được phối cũng không đến nỗi quá vô vị từ những món quần áo hỗn tạp khá trang nhã, và có thân hình có thể gọi là ưa nhìn; nhưng mọi thứ thuộc về cô đều dơ dáy lạ lùng, theo cái phong cách làm tôi mù mờ liên kết với sự hăng hái cánh tả trong chính trị và những thứ “tiên phong” tầm thường trong nghệ thuật, dẫu cho, trên thực tế, cô không quan tâm đến cả hai. Kiểu tóc uốn quăn của cô, về căn bản là rẽ-ngôi-và-búi-lại, có lẽ nhìn hoang dã và kỳ quái nếu nó không bị làm cho “nội trợ” hoá hoàn toàn bởi chính sự bù xù mềm mại tại cái gáy dễ bị tổn thương. Móng tay cô được vẽ loè loẹt, nhưng bị cắn nham nhở và không được sạch sẽ. Các tình nhân của cô bao gồm một nhiếp ảnh gia trẻ tuổi ít nói với nụ cười bất thành hình và hai người đàn ông lớn tuổi hơn, hai anh em, chủ cơ sở in ấn nhỏ bên kia phố. Tôi thấy ngạc nhiên với khiếu thẩm mỹ của họ mỗi khi tôi, kín đáo rùng mình, thoáng thấy những vệt lông đen lộn xộn phơi ra suốt dọc cẳng chân nhợt nhạt của cô qua lớp ni lông bít tất với sự minh bạch khoa học của một tiêu bản bị làm bẹt dí dưới tấm kính; hoặc khi tôi cảm thấy, tại mỗi chuyển động của cô, thứ mùi ảm đạm, ôi thiu, không đặc biệt dễ thấy nhưng phát tán khắp nơi

và rất phiền toái mà thịt da ít khi tắm rửa của cô tỏa ra từ dưới các loại nước hoa và kem trang điểm mệt rã rời.

Cha cô đã nung nấu vào cờ bạc cả gia tài khá, và ông chồng đầu của mẹ cô là người gốc Xla-vơ, tuy vậy Cynthia Vane lại thuộc về một dòng họ tốt, đáng kính. Trong chừng mực mà chúng tôi biết, có lẽ nó có nguồn gốc liên quan đến các vị vua chúa và thầy bói trong màn sương mù ở những hòn đảo nơi tận cùng trái đất. Di cư qua thế giới mới hơn, qua phong cảnh của những cái cây phải chịu kiếp đoạ đầy, trút lá đẹp lộng lẫy, tổ tiên của cô cả thấy là, vào một trong những giai đoạn đầu tiên, một đám nông dân ngồi vừa kín ngôi nhà thờ trắng tương phản với nền mây giông đen kịt, và sau đó là một hàng oai phong lẫm lẫm toàn các thị dân theo nghiệp buôn bán, cũng như một số học giả, chẳng hạn Tiến sỹ Jonathan Vane, một người hốc hác và sâu thẳm (1780-1839), đã bỏ mạng trong trận hoả hoạn trên tàu hơi nước *Lexington* để sau này trở thành khách hàng quen thuộc của bàn cầu cơ nhà Cynthia. Tôi luôn có mong muốn đảo ngược phả hệ, và ở đây tôi có cơ hội làm thế, bởi lẽ đây là hậu duệ cuối cùng, Cynthia, và chỉ mình Cynthia, là người sẽ còn có chút ý nghĩa nào đó trong triều đại nhà Vane. Dĩ nhiên tôi đang ám

chỉ đến năng khiếu nghệ thuật của cô, đến những bức vẽ thú vị, vui tươi, nhưng không nổi tiếng lắm, mà các bạn của bạn cô thỉnh thoảng vẫn mua — và tôi tha thiết muốn biết nơi chúng sẽ đến sau khi cô chết, những bức vẽ chân thật và nên thơ ấy, những thứ vẫn làm bừng sáng phòng khách của cô — các hình ảnh chi tiết đến ngạc nhiên về những món đồ kim loại, và cái tôi ưng nhất, *Nhìn Qua Kính Chắn Gió* — một tấm kính chắn gió bị sương muối che phủ một phần, với tia nước sáng chói (từ mui xe tưởng tượng) cắt ngang phần trong suốt của nó và, xuyên qua tất cả là, ánh trời xanh ngọc cùng cây linh sam xanh lục và trắng tinh.

IV

Cynthia có cảm giác rằng đứa em gái quá cố hoàn toàn không hài lòng về cô — do đến lúc này đã phát hiện ra rằng cô với tôi từng kết hợp lại để phá chuyện tình của em; vì vậy, để làm vong hồn em nguôi giận, Cynthia trở lại một kiểu cúng tiến khá nguyên thủy (tuy nhiên vẫn đượm vẻ hài hước của Sybil), và bắt đầu gửi đến địa chỉ làm việc của D., vào những ngày không cố định một cách cố ý, các vật mọn như ảnh chụp mộ Sybil dưới ánh sáng yếu ớt; những

đoạn cắt từ chính tóc cô, mái tóc không thể phân biệt được với tóc Sybil; tấm bản đồ chia vùng của New England với một dấu thập tô mực, ngay giữa hai thị trấn trinh bạch, để đánh dấu nơi D. và Sybil đã dừng chân vào ngày hai mươi ba tháng Mười, giữa thanh thiên bạch nhật, tại một motel khoan dung, trong cánh rừng hồng và nâu; và, hai lần, một con chồn hôi nhồi lông.

Là người đối thoại lắm lời hơn là thẳng thắn, cô chưa từng diễn tả được trọn vẹn cái lý thuyết về các tình anh xen ngang mà bằng cách nào đó cô đã đúc kết ra. Về cơ bản thì chẳng có gì đặc biệt mới mẻ quanh tín ngưỡng riêng tư của cô bởi lẽ nó giả định trước một cõi âm khá tầm thường, một nhà tắm nắng yên lặng của các linh hồn bất tử (được kết nối với nhau bằng tổ tiên đã khuất), mà trò tiêu khiển chính của họ gồm có việc bay lượn định kỳ trên những người thân còn sống. Điểm thú vị ở đây là cái khuynh hướng thực dụng hiếu kỳ mà Cynthia đưa vào phép siêu hình nhạt nhẽo của mình. Cô tin chắc rằng sự tồn tại của cô bị ảnh hưởng bởi mọi thể loại bạn bè đã chết mà từng người trong bọn họ thay phiên nhau chi phối số phận cô như thể cô là mèo con lạc lối được một nữ sinh đi ngang qua nhặt lên, áp vào má, và cẩn thận đặt lại xuống đất, gần bờ giậu ngoại ô nào đó — và

ngay sau đó được vuốt ve bởi bàn tay vội vàng khác hoặc bị một quý bà mẫn khách nào đó mang đến thế giới của những cái cửa.

Trong vài giờ, hoặc vài ngày liên tiếp, và đôi khi trở đi trở lại, theo một chuỗi không đều đặn, trong nhiều tháng hoặc nhiều năm, bất cứ chuyện gì xảy đến với Cynthia, sau khi một người nhất định nào đó qua đời, sẽ, cô nói, do thói tật và tâm trạng của người ấy. Sự kiện có thể lạ thường, làm thay đổi dòng đời người ta; hoặc nó có thể là một xâu rắc rối lật vật chỉ vừa đủ sáng tỏ để nổi bật lên trên nền một ngày thường và sau đó nhạt dần vào những chuyện linh tinh vẫn còn mơ hồ trong lúc tinh anh từ từ phai mờ. Ảnh hưởng có thể tốt hoặc xấu; cái chính là nguồn gốc của nó có thể nhận biết được. Điều này tựa như đi xuyên qua tâm hồn con người, cô nói. Tôi thử tranh luận rằng có thể cô không phải lúc nào cũng có năng lực xác định nguồn chính xác bởi lẽ không phải tất cả mọi người đều có một linh hồn có thể nhận ra được; rằng những lá thư vô danh và quà Giáng sinh có lẽ đã được người nào đó gửi đi; rằng, trong thực tế, cái mà Cynthia gọi là “ngày thường” có thể chỉ là dung dịch loãng của những tinh anh ô hợp hoặc đơn giản là vụ đổi ca thường lệ của một thiên thần bảo vệ buồn chán. Thế còn Chúa thì

sao? Liệu những người vẫn phần uất với bất cứ nhà độc tài quyền lực vô biên nào trên trái đất có mong ngóng một kẻ như thế trên thiên đàng hay không? Còn chiến tranh thì sao? Một ý tưởng mới khủng khiếp làm sao — các binh lính đã chết vẫn chiến đấu với những kẻ còn sống, hoặc những đạo quân ma cố gắng thắng nhau bằng được suốt cuộc đời các cụ già tàn tật.

Nhưng Cynthia vượt lên trên tính phổ quát cũng như cô đã qua phía bên kia lô-gích. “À, đây là Paul,” cô sẽ nói vậy khi món súp sôi tràn ra ngoài đầy thù hận, hoặc “tôi đoán là Betty Brown tốt bụng đã qua đời” khi cô trúng thưởng chiếc máy hút bụi tuyệt đẹp và rất cần thiết trong cuộc sống từ thiện. Và, cùng kiểu nói năng loanh quanh luẩn quẩn của Henry James làm cho tâm trí Pháp của tôi cáu điên lên, cô sẽ quay lại thời gian khi Betty với Paul chưa qua đời, kể cho tôi nghe về cơn mưa quà tặng đầy thiện ý, nhưng kỳ quặc và hoàn toàn không chấp nhận được, bắt đầu bằng cái ví tay cũ trong có tờ séc ba đô la mà cô nhặt được trên phố và, tất nhiên, đã gửi trả lại (cho Betty Brown đã nói đến ở trên — đây là nơi cô đến đầu tiên — một phụ nữ hom hem da màu hầu như không thể đi được), rồi kết thúc bằng đề xuất xác xược từ anh chàng vẫn theo đuổi cô lâu nay (đây là nơi Paul xuất hiện)

để vẽ những bức tranh “chân thật” về ngôi nhà và gia đình anh ta với món thù lao phải chăng — tất cả những điều này tiếp theo sự ra đi của bà Page nào đó, một con mụ tốt bụng nhưng khá già, kẻ từng làm phiền cô với ít lời răn dạy thực dụng từ khi Cynthia còn bé.

Cá tính Sybil, cô nói, có đường ven cầu vồng như thể bị mất nét đôi chút. Cô nói rằng nếu tôi biết Sybil rõ hơn thì có lẽ tôi sẽ hiểu ngay là tình anh ở các sự kiện lật nhật đã giống Sybil như thế nào, các sự kiện, theo nhiều đợt, ngập tràn cuộc sống Cynthia sau vụ Sybil tự tử. Từ hồi họ mất mẹ, họ luôn muốn thoát khỏi ngôi nhà ở Boston và chuyển đến New York, nơi tranh Cynthia vẽ, theo họ nghĩ, sẽ có cơ hội được hâm mộ rộng rãi hơn; nhưng ngôi nhà cũ níu kéo họ bằng tất cả các xúc tu nhung lông của nó. Tuy nhiên, Sybil quá cố tiếp tục chia tách ngôi nhà khỏi quang cảnh chung quanh — một điều tác động hết sức tai hại đến cảm xúc mà ngôi nhà khơi gợi lên. Ngay bên kia con phố hẹp, một công trình xây dựng to lớn, xấu xí, đang thành hình trên các dàn giáo. Cặp bạch dương quen thuộc, đã chết mùa xuân ấy, biến thành những bộ xương vàng hoe. Những người thợ đến và phá vỡ cái vĩa hè màu ẩm cũ kỹ một cách đáng yêu có sắc tím đặc biệt rục rở vào những ngày tháng Tư ẩm ướt và

đội lại một cách đáng ghi nhớ làm sao những bước chân buổi sáng về hướng bảo tàng của ngài Lever, người mà ngay sau khi nghỉ hưu ở tuổi sáu mươi đã dành cả một phần tư thế kỷ chỉ để nghiên cứu ốc sên.

Nhân lúc đang nói về người già, ta nên bổ sung thêm rằng đôi khi chính những sự can thiệp và điềm lành sau khi chết ấy lại ở ngay bản chất sự giễu nhại. Cynthia đang giao du với một nhân viên thư viện lập dị tên là Porlock, tay này vào những năm cuối cuộc đời bụi bặm của mình đã làm công tác nghiên cứu sách cũ để kiểm các lỗi in sai huyền diệu như sự thay thế chữ *l* cho chữ *h* thứ hai trong từ "hither." Trái ngược hẳn với Cynthia, anh ta chẳng quan tâm đến các dự báo giết gân tối nghĩa; tất cả những gì anh ta theo đuổi là chính cái điều quái dị ấy, sự thay đổi mà những kẻ có tài bắt chước ấy lựa chọn, những vết nhơ nhìn như đóa hoa; và Cynthia, một kẻ nghiệp dư còn biến thái hơn của các trò đổ chữ, chơi chữ, từ ghép trái phép hoặc méo mó, vân vân, đã giúp kẻ lập dị đáng thương ấy theo đuổi cuộc truy lùng mà trong ánh sáng của cái ví dụ được cô trích dẫn đã gây cho tôi ấn tượng như cơn điên thống kê. Dẫu sao chẳng nữa, cô nói, vào ngày thứ ba sau khi anh ta chết, cô đã đọc một tạp chí và bỗng thấy đoạn trích

dẫn từ một bài thơ bất hủ (mà cô, cùng các độc giả cả tin khác, tin rằng đã thực sự được sáng tác trong mơ) khi cô chợt nhận ra rằng “Alph” là một chuỗi chữ tiên tri từ các chữ cái đầu của Anna Livia Plurabelle (một dòng sông thần thánh khác chảy xuyên qua, hoặc vòng quanh thì đúng hơn, giấc mơ khác nữa), trong khi chữ *h* thêm vào thì vẫn đứng khiêm nhường, như tấm biển chỉ đường kín đáo, cho cái từ đã thôi miên ngài Porlock đến thế. Và tôi ước mình có thể nhớ lại được cuốn tiểu thuyết hoặc truyện ngắn ấy (mà tôi tin là của một nhà văn đương thời nào đấy), trong đó, bí ẩn với cả tác giả, những chữ cái đầu tiên của các từ trong đoạn văn cuối cùng đã tạo thành, theo như Cynthia giải mã, một thông điệp từ người mẹ quá cố của anh ta.

V

Tôi rất tiếc phải nói rằng, do không thoả mãn với những tương tượng khéo léo này, Cynthia đã để lộ ra lòng mến chuộng tức cười với thuyết duy linh. Tôi từ chối đi cùng cô đến những buổi ngồi đồng mà ở đó bọn đồng cốt được trả tiền đến tham gia: tôi biết quá nhiều về

điều này qua các nguồn tin khác. Tuy vậy, tôi cũng đồng ý dự những buổi kịch nhỏ được dàn dựng bởi Cynthia và hai quý ông bạn bè mặt lạnh như tiền ở hiệu in. Họ là những gã đàn ông lớn tuổi, béo lùn, lịch thiệp, khá quái đản, nhưng tôi tự thuyết phục mình rằng họ có văn hoá và rất hóm hỉnh. Chúng tôi ngồi quanh chiếc bàn nhỏ mỏng manh, và bắt đầu rung rảng rắc găng như ngay khi chúng tôi đặt đầu ngón tay lên trên nó. Tôi vui sướng được thấy đủ loại hồn ma vắng ra các bản tường trình của chúng một cách hết sức dễ dàng mặc dù khước từ giải thích bất cứ điều gì mà tôi không hoàn toàn nắm bắt được. Oscar Wilde bước vào và nói rất lưu loát một thứ tiếng Pháp méo mó, với kiểu diễn đạt đặc Anh thường lệ, buộc tội một cách mờ ám cha mẹ đã quá cố của Cynthia về những thứ xuất hiện trong các ghi chép ngắn của tôi như “*sự đạo văn*.” Một linh hồn lạnh lợi góp thêm thông tin không ai yêu cầu rằng hấn, John Moore, và em trai Bill của hấn từng là công nhân mỏ than ở Colorado và bỏ mạng trong vụ sạt lở ở “Crested Beauty” hồi tháng Một năm 1883. Frederic Myers, một kẻ sùng sãi lỗi đời, chế ra mẫu thơ (giống một cách kỳ cục với những sản phẩm phù du của chính Cynthia) mà một phần được ghi lại trong sổ của tôi:

*Cái gì đây — con thỏ ảo thuật
Hay tia sáng bật từ khe sâu
Kìm nén ta khỏi các thói tật
Và xua tan đi giấc mộng sầu*

Cuối cùng, với tiếng loảng xoảng hết sức ầm ĩ cùng mọi thể loại chuyển động rùng rùng như nhảy dích trên một phần chiếc bàn, Leo Tolstoy ghé thăm nhóm nhỏ chúng tôi và, khi được yêu cầu chứng thực mình bằng những điểm đặc trưng về nơi cư trú trên trần gian, quăng lên một miêu tả rắc rối về cái có vẻ như phần mộc của một kiến trúc kiểu Nga (“các hình dạng trên bảng — người, ngựa, gà trống, người, ngựa, gà trống”), tất cả đều rất khó chép lại, rất khó hiểu, và không thể xác minh.

Tôi tham dự hai hay ba buổi ngồi đồng khác nữa, chúng thậm chí còn ngớ ngẩn hơn, nhưng tôi phải thú nhận rằng tôi thích thú sự tiêu khiển trẻ thơ mà chúng mang lại và món rượu táo mà chúng tôi uống (Podgy và Pudgy kiêng rượu hoàn toàn) hơn những buổi tiệc ở ngôi nhà dễ sợ của Cynthia.

Cô đưa họ qua căn hộ xinh xắn của nhà Wheeler bên hàng xóm — một kiểu thu xếp chân tình từ bản chất hướng ngoại của cô, nhưng dĩ nhiên cũng còn do phòng khách của

chính cô luôn giống như bảng màu cũ bản. Theo một tục lệ man rợ, mất vệ sinh, và thông dâm, những chiếc áo choàng của khách, còn ẩm bên trong, được Bob Wheeler trầm lặng, hời đầu bùng vào chốn thiêng liêng của căn phòng ngủ nhỏ xíu và chất đống trên chiếc giường ngủ vợ chồng. Cũng là ông pha các loại rượu, mà nhà nhiếp ảnh trẻ chuyển quanh trong khi Cynthia và bà Wheeler chuẩn bị bánh xăng-vích.

Những vị khách đến muộn có cảm tưởng rất nhiều người ồn ào tụ tập thành nhóm một cách không cần thiết trong không gian mù mịt khói xanh giữa hai tấm gương no nê ảnh chiếu. Tôi cho rằng, vì Cynthia muốn được là người trẻ nhất trong phòng, cho nên các phụ nữ mà cô hay mời đến, dù đã có gia đình hay vẫn còn cô đơn, ở, may lắm thì, độ tuổi bốn mươi đáng ngờ; vài người trong số họ mang từ nhà, trong những chiếc taxi đen tối, các dấu tích còn nguyên vẹn của nhan sắc, thứ mà, dẫu sao thì, họ cũng đánh mất lúc buổi tiệc diễn tiến. Điều luôn làm tôi kinh ngạc là khả năng mà những người tham dự cuộc vui thân mật cuối tuần sở hữu khi họ tìm được gần như ngay lập tức, bằng một phương pháp thuần túy theo kinh nghiệm nhưng hết sức chính xác, một mẫu thức say xỉn chung, mà mọi người bám víu vào một cách trung thành cho

đến khi, tất cả cùng nhau, thăng qua mức sau. Tình bạn thẩm thiết giữa các phụ nữ có chồng được tô điểm bằng âm bội tinh nghịch trai lơ, trong khi cái nhìn bất động hướng nội của những người đàn ông đang say mềm một cách đáng yêu lại giống như sự giấu nhại đầy bóng bở với sự mang thai. Mặc dù vài vị khách cách này cách khác có liên quan đến nghệ thuật, ở đó vẫn chẳng có cuộc mạn đàm hứng thú nào, chẳng có cái đầu đội-vòng-hoa, được-khuỷu-tay-đỡ nào, và tất nhiên không có các cô gái thối sáo. Từ vị trí thuận lợi nào đó nơi cô ngồi theo tư thế nàng tiên cá bị mắc cạn trên tấm thảm nhạt màu cùng vài gã trai trẻ hơn, Cynthia, gương mặt được trang điểm bằng lớp màng mờ hôi tỏa sáng, sẽ bò trên hai đầu gối, một đĩa quả hạch mời mọc trên một bàn tay, và quả quyết vỗ bằng bàn tay kia lên cẳng chân lực lưỡng của Cochran hay Corcoran, một tay lái buôn nghệ thuật, ngồi thu lu, trong chiếc sô-pha màu xám-ngọc, giữa hai quý cô hồng hào, tan ra vì hạnh phúc.

Vào giai đoạn xa hơn nữa, là tới lúc trào dâng niềm vui phóng đảng hơn. Corcoran hay Coransky sẽ tóm vai Cynthia hoặc một phụ nữ vắn vợ khác và đưa vào một góc để bắt cô ấy đối mặt với một mớ lộn xộn nhả nhở rất những truyện cười riêng tư và tin đồn nhảm, nhân đó,

với nụ cười và cái hất đầu, cô ấy sẽ trốn thoát. Và muộn hơn nữa, nơi đó sẽ xôn xao những gần gũi giới tính, những hoà giải hài hước, cánh tay trần trụi nhúc dục quàng quanh chông người đàn bà khác (ông này đang đứng rất thẳng người ngay giữa căn phòng chao đảo), hoặc sự bùng nổ đột ngột cơn giận giữ đồng đánh, hoặc sự đeo đuổi vụng về — và nụ cười nửa miệng lạnh lẽ của Bob Wheeler khi nhặt lên những chiếc ly mọc như nấm trong bóng râm của những chiếc ghế.

Sau buổi tiệc cuối cùng thuộc dạng này, tôi viết cho Cynthia một lá thư hoàn toàn vô hại và, nói chung, đầy thiện ý, trong thư tôi dùng một truyện tiểu lâm tiếng La-tinh để chế giễu vài vị khách của cô. Tôi cũng xin lỗi vì không đựng đến rượu ứt-ky của cô, phân trần rằng do là người Pháp nên tôi ưa nho hơn lúa mạch. Vài ngày sau, tôi gặp cô trên bậc thềm Thư Viện Công Cộng, trong ánh nắng nhập nhoà, dưới cơn mưa bóng mây, đang mở cây dù màu hổ phách của mình, đánh vật với hai cuốn sách cấp bách (mà tôi đỡ cho cô một lúc), *Những bước chân trên đường biên thế giới khác* của Robert Dale Owen, và cuốn gì đó về "Thuyết Duy Linh và Cơ Đốc Giáo"; đột nhiên, ngay lúc đó, dù không có khiêu khích nào từ phía tôi, cô công kích tôi dữ dội và thô

tục, dùng những từ độc địa, nói — xuyên qua những giọt mưa thừa thớt hình quả lê — rằng tôi là kẻ hợm hĩnh đạo đức giả; rằng tôi chỉ nhìn thấy điệu bộ và bề ngoài lừa dối của con người; rằng Corcoran đã cứu được, tại hai đại dương khác nhau, hai người khỏi bị chết đuối — theo sự trùng khớp ngẫu nhiên không thích hợp, cả hai tên là Corcoran; rằng Joan Winter hay nô đùa âm ỉ và kêu thất thanh có cô con gái nhỏ phải chịu kiếp nạn lớn lên trong cảnh mù lòa hoàn toàn khi mới được vài tháng; và rằng người phụ nữ mặc đồ xanh lục có bộ ngực tàn nhang, người bị tôi làm mất mặt bằng cách nào đấy không rõ, đã viết một cuốn sách bán rất chạy trên toàn quốc hồi năm 1932. Cynthia kỳ lạ! Tôi nghe nói cô có thể đột nhiên trở nên khiếm nhã một cách hung tợn với những người mà cô từng yêu quý và tôn trọng; dẫu sao thì người ta vẫn phải vạch ra ở đâu đó một đường ranh và cũng do đến lúc ấy tôi đã nghiên cứu đủ về những tinh anh thú vị và các xung động bản năng cùng các thứ linh tinh khác của cô, nên tôi quyết định tuyệt giao với cô.

VI

Cái đêm D. báo tin cho tôi về cái chết của Cynthia, sau mười một giờ khuya tôi mới quay về ngôi nhà hai tầng mà tôi chia sẻ, theo chiều ngang, với quả phụ của một giáo sư danh dự. Lúc đặt chân lên hiên nhà, tôi đưa mắt nhìn với nỗi sợ cô đơn vào hai loại bóng tối trên hai hàng cửa sổ: bóng tối trống vắng và bóng tối giấc ngủ.

Tôi có thể làm điều gì đó với loại thứ nhất nhưng không thể bắt chước loại thứ hai. Chiếc giường của tôi không mang lại cho tôi cảm giác an toàn; các lò xo của nó chỉ làm thần kinh tôi nảy tung tung mà thôi. Tôi chìm vào những bản sonnet của Shakespeare — và thấy mình đang kiểm tra một cách ngu ngốc các chữ cái đầu dòng để xem chúng có thể tạo nên những từ thiêng liêng nào. Tôi ghép được FATE (LXX), ATOM (CXX), và, hai lần, TAFT (LXXXVIII, CXXXI). Thỉnh thoảng tôi liếc quanh để xem các vật thể trong phòng mình đang hành xử ra sao. Thật lạ lùng khi nghĩ rằng giả dụ như bom bắt đầu rơi thì tôi sẽ có cảm giác còn không bằng sự phấn khích của con bạc (và rất nhiều nỗi khuây khoả trần tục), còn trái tim tôi sẽ nổ tung nếu một cái chai nhỏ nhìn có vẻ căng thẳng đáng ngờ nào đó trên cái giá đằng kia di chuyển một

khoảng nhỏ chừng một in-xơ lệch qua bên. Sự tĩnh lặng cũng đặc quánh đáng ngờ như thể đang thông thả tạo hình một tấm màn đen cho chớp sáng thần kinh được tạo nên bởi tiếng động nhỏ bất kỳ từ một nguồn nào đó không rõ. Mọi giao thông chết lặng. Tôi hoài công cầu xin tiếng rền rĩ của xe tải trên phố Perkins. Người phụ nữ ở phía trên, người vẫn làm tôi phát điên bằng tiếng thỉnh thỉnh búng búng được tạo ra bởi cái dường như là đôi chân đá của quái vật khổng lồ nào đó (trên thực tế, trong cuộc sống ban ngày, bà ta là một tạo vật nhỏ buồn bã giống con chuột lang khô quắt) sẽ giành được ân sủng của tôi nếu ngay bây giờ bà ấy lê bước vào phòng tắm. Tôi tắt đèn và hắng giọng vài lần để tỏ ra có trách nhiệm với ít nhất là âm thanh ấy. Tôi vụng về điều khiển một cuộc dạo chơi trong tâm tưởng cùng một chiếc ô tô rất đổi xa xôi nhưng nó thả tôi xuống trước cả khi tôi có cơ hội lơ mơ chớp mắt. Ngay sau đó, tiếng lách tách (do, tôi hy vọng, tờ giấy loại bị vò nhàu mở bung ra như đóa hoa đêm tiều tụy, ương bướng) bắt đầu và kết thúc trong giỏ giấy vụn, và chiếc bàn đầu giường tôi đáp lời bằng tiếng lạch cạch rất khê. Nó diễn ra hết như thể Cynthia trình diễn ngay lúc ấy một buổi diễn rẻ tiền của lũ yêu tinh.

Tôi quyết định chiến đấu với Cynthia. Tôi hồi tưởng trong tâm trí mình kỷ nguyên hiện đại của tiếng gõ và ma quỷ hiện hình, bắt đầu với tiếng gõ cửa hồi năm 1848, tại ngôi làng Hydesville, New York, và kết thúc bằng hiện tượng lỗ bịch tại Cambridge, Massachusetts; tôi gọi lại những chiếc xương mắt cá chân và những cái phách giải phẫu học khác của chị em nhà Fox (như được miêu tả bởi các nhà hiền triết của đại học Buffalo); đại diện điển hình giống nhau một cách huyền bí của những thanh niên nhả nhặn ở Epworth hoặc Tedworth lạnh lẽo, toát ra cùng một sự nhiều nhưng như ở Peru cổ đại; những cuộc truy hoan trọng thể thời Nữ hoàng Victoria cùng mưa hoa hồng và những cây đàn xếp bập bênh theo giai điệu của âm nhạc thánh thần; những kẻ lừa đảo chuyên nghiệp mửa ra các miếng vải xô ẩm ướt vẫn dùng để bọc pho-mát; ông Duncan — người chồng đường hoàng của bà đồng, một quý ông mà, khi được hỏi liệu ông có chịu cho điều nghiên hay không, xin cáo lỗi, lấy cớ đồ lót bẩn; ông già Alfred Russel Wallace, nhà tự nhiên học ngờ nghệch, từ chối tin rằng cái dáng hình trắng trắng với đôi chân trần và mái tóc không bị đục lỗ đằng trước ông, ở một xứ quỷ riêng tư tại Boston, có thể là bà Cook rất mực đoan trang mà ông vừa mới thấy đang say ngủ, trong cái góc che màn, mặc toàn đồ đen, đi

đôi bốt buộc giày và đeo khuyên tai; hai nhà điều tra khác, nhỏ con, yếu đuối, nhưng khá thông minh và linh lợi, chân tay nít chặt Eusapia, một phụ nữ đứng tuổi phúng phính, to con, bốc mùi tỏi, người vẫn lừa được họ; còn nhà ảo thuật đa nghi và ngượng ngịu, được chỉ dẫn bởi “sự điều khiển” của Margery trẻ trung quyến rũ sao cho không bị lạc lối trong lớp vải lót áo choàng tắm mà đi theo bít tất dài bên phải cho đến khi ông ta tới được bấp vế trần — trên lớp da ẩm mà ông ta cảm thấy một khối “viễn tạo”, hiện lên dưới cảm nhận xúc giác giống một cách đặc biệt với miếng gan lạnh, chưa bị chế biến.

VII

Tôi đã van lơn nhục thân, và sự ô uế của nhục thân, để bác lại và đánh bại tính ngoan cố có thể có của cuộc đời hồn lìa khỏi xác. Than ôi, những lời cầu khẩn này chỉ làm trầm trọng hơn nỗi sợ của tôi với bóng ma Cynthia. Sự bình yên tái lai cùng bình minh, và khi tôi trườn vào giấc ngủ thì ánh nắng xuyên qua các màn màn cửa sổ màu hung để lọt vào một giấc mơ không biết làm sao mà toàn những Cynthia.

Điều này thật đáng thất vọng. An toàn trong pháo đài ánh sáng ban ngày, tôi tự nhủ rằng mình đã mong đợi nhiều hơn. Cô ấy, một họa sỹ của những chi tiết sáng chói như kính — mà sao lại mơ hồ đến thế! Tôi nằm lên giường, ngẫm lại giấc mơ của mình và lắng nghe lũ chim sẻ ngoài kia: Ai mà biết được, nếu thu âm và cho quay lại, tiếng chim ấy không chừng sẽ thành giọng người, thành lời nói, hết như lời nói sẽ biến thành tiếng hót líu lo khi cho chạy lùi lại? Tôi ép mình đọc lại giấc mơ — quay lại, theo đường chéo, lên, xuống — cố gắng hết sức để làm sáng tỏ điều gì đó thuộc-về-Cynthia ở trong nó, điều gì đó lạ lùng và có tính gợi nhớ phải có ở nơi đó.

Bất an, nằm gập người ho, ử dột, ốm. Con yêu nữ trắng hoa. Ít ai tình riêng ưng phận hèn. Im. Chẳng ưa ai. Em mong sẽ yên bình. Im lặng.

Mối tình đầu

I

Vào những năm đầu thế kỷ này¹, một hãng du lịch trên đại lộ Nevski² trưng bày một mô hình dài-ba-bộ³ của toa giường ngủ liên vận quốc tế màu nâu gỗ sồi. Với vẻ giống thật đầy tinh xảo, nó xịn hơn hẳn chiếc hộp thiếc sơn màu còn gọi là đoàn tàu chạy dây cót của tôi. Tiếc thay, nó không để bán. Ta có thể nhìn thấy vải nệm xanh lam bên trong, da bọc rập nổi

¹ Thế kỷ 20.

² Đại lộ trung tâm thành phố Saint Petersburg của Nga. Đây cũng là quê hương của Vladimir Nabokov.

³ Một bộ tương đương 30,48cm.

của những tấm vách ngăn, các ô trám bóng loáng của chúng, những chiếc gương dát, những chiếc đèn đọc sách hình hoa tulip, cùng nhiều chi tiết phát rờ khác. Các cửa sổ rộng xen kẽ với những cái hẹp hơn, đơn chiếc hoặc thành cặp, và vài cái trong số chúng có gắn kính mờ. Trong mấy cu-pê, giường được dọn sẵn.

Đoàn tàu tốc hành Phương Bắc vĩ đại và đẹp mê hồn hồi ấy (nó chẳng bao giờ còn giống vậy nữa sau Đệ Nhất Thế Chiến), bao gồm toàn các toa liên vận quốc tế như thế và chạy hai lần mỗi tuần, nối St. Petersburg với Paris. Có lẽ tôi đã nói: trực tiếp với Paris, nếu như hành khách không bị bắt phải đổi từ đoàn tàu này qua đoàn tàu khác nhìn bề ngoài giống hệt tại biên giới Nga-Đức (Verzhbolovo-Eydtkuhnen), nơi khổ đường ray sáu-mươi-in-xơ-rưỡi¹ lười biếng và rộng rãi của Nga được thay thế bằng chuẩn năm-mươi-sáu-in-xơ-rưỡi của châu Âu và than đá nổi nghiệp những khúc gỗ bạch dương.

Trong tận sâu thẳm tâm trí, tôi nghĩ mình có thể lần ra được ít nhất năm chuyến du hành như vậy tới Paris, với Riviera hoặc Biarritz là đích đến cuối cùng. Vào năm 1909, cái năm mà giờ đây tôi lựa riêng ra, hai đứa em gái tôi bị bỏ

¹ Một in-xơ tương đương 2,54cm.

lại nhà cùng những người bảo mẫu và các bà dì. Đeo găng tay và đội mũ du lịch, cha tôi ngồi đọc sách trong cu-pê mà ông chia với gia sư của chúng tôi. Em trai tôi và tôi ở cách họ một buồng vệ sinh. Mẹ tôi và người hầu gái của bà chiếm một cu-pê sát ngay cu-pê chúng tôi. Người thừa trong đoàn chúng tôi, đầy tớ của cha tôi, Osip (kể mà, một thập kỷ sau, những người Bôn-sê-vích ra vẻ mô phạm sẽ bắn, vì hắn chiếm đoạt những chiếc xe đạp của chúng tôi thay vì giao nộp chúng cho quốc gia), ở cùng một người lạ.

Vào tháng Tư năm ấy, Peary đến Bắc Cực. Vào tháng Năm, Chaliapin hát ở Paris. Vào tháng Sáu, do lo ngại bởi những lời đồn đại về các khinh khí cầu zeppelin mới và tốt hơn, Bộ Quốc Phòng Liên Bang Hoa Kỳ đã thông báo cho các phóng viên về kế hoạch xây dựng hạm đội trên không. Vào tháng Bảy, Blériot bay từ Calais đến Dover (với một vòng lượn nhỏ cộng thêm khi ông mất phương hướng). Giờ đã cuối tháng Tám. Những cây linh sam và những đầm lầy miền tây bắc nước Nga lướt ngang qua, và, vào hôm sau, nhường lối lại cho cây thạch nam và những vùng đất Đức héo cằn.

Trên chiếc bàn gấp, mẹ và tôi chơi trò đánh bài có tên là *durachki*. Mặc dù đang lúc thanh thiên bạch nhật, vậy mà các lá bài, chiếc ly, và

trên mặt phẳng khác, những ổ khoá của một chiếc va-li vẫn được phản chiếu lại trong cửa sổ. Xuyên qua rừng rậm và đồng hoang, trong những hẻm núi đột ngột, và lưng chừng những dải thùy vùn vụt lướt ngang, các con bạc vô thể ấy cứ đều đều đặt những món cược lấp lánh đều đều.

"Ne budet-li, ti ved' ustal?" ("Thôi nhé, con mệt chưa?") — mẹ hỏi, sau đó lại suy nghĩ miên man lúc mẹ chậm chậm xào bài. Cửa cu-pê đang mở và tôi có thể nhìn thấy cửa sổ hành lang, nơi những sợi dây — sáu sợi dây đen mảnh — đang cố hết sức đi xiên lên, cố ngoi lên trời, bắt chấp các đòn đánh chớp nhoáng giáng lên chúng bởi hết cột điện báo này đến cột điện báo khác; nhưng đúng lúc cả sáu sợi, trong một cú nhào phần khích đầy vẻ đắc thắng đáng thương, sắp vươn lên tới trên cùng cửa sổ, thì một đòn đánh đặc biệt độc ác lại lôi chúng xuống, đến tận cái mức thấp nhất mà chúng từng nằm, và chúng lại phải bắt đầu mọi thứ lần nữa.

Trong các chuyến du hành như thế này, khi đoàn tàu đã đổi nhịp chạy qua nước kiêu oai nghiêm với gần như toàn mặt tiền nhà và biển hiệu cửa hàng sượt ngang, lúc chúng tôi chạy xuyên qua một thành phố lớn nào đó của nước Đức, tôi thường cảm thấy một trạng thái phấn

khích nhị nguyên, mà các nhà ga cuối không thể mang lại. Tôi nhìn thành phố với những chiếc xe điện như món đồ chơi, những cây đoan, cùng những bức tường gạch nhập vào buồng, chén tạc chén thù với các tấm gương, và rót ngập cửa sổ bên phía hành lang. Giao tiếp thân tình này giữa đoàn tàu với thành phố là một phần rung cảm. Phần khác là việc đặt mình vào vị trí một khách qua đường nào đó, kẻ, theo tôi hình dung, đang xao lòng như chính tôi sẽ bị xao lòng khi ngắm các toa tàu dài, lằng mạn, nâu vàng, cùng những tấm màn xếp nối liền hành lang đen như cánh dơi và các con chữ kim loại sáng ánh đồng trong nắng tà dương, thông thả vượt qua chiếc cầu sắt cắt ngang một đại lộ thông thường và sau đó uốn mình, cùng tất cả các cửa sổ thành linh rục cháy, lượn quanh khối nhà cuối cùng.

Có những nhược điểm của các giao hoà thị giác ấy. Toa ăn cửa-sổ-rộng, một khung cảnh gồm những chai nước khoáng nguyên sơ, những chiếc khăn ăn được gấp thành hình mũ tế, và những thanh sô-cô-la giả (vỏ của chúng — Cailler, Kohler, vân vân — bọc chỉ toàn gỗ mà thôi) sẽ được cảm nhận ngay lúc đầu như một thiên đường yên ả ở phía bên kia chuỗi phối hợp các hành lang xanh lam loạng choạng; nhưng khi bữa ăn sắp đến món tai hại sau cùng, ta lại

chợt thấy toa tàu đương vừa liêu lĩnh dẫn mình, vừa rung lắc những người phục vụ và mọi thứ, vào một cảnh quan, còn trong lúc cảnh quan ấy tự nó chạy xuyên qua một hệ chuyển động phức tạp, thì ánh trăng ban ngày vẫn cứ bướng bỉnh sóng hàng cùng đĩa thức ăn của ta, thảo nguyên xa xa xòe rộng ra như chiếc quạt, những cái cây gần gần lướt trên những chiếc đu vô hình về phía tuyến đường, một làn ray song song bỗng tự kết liễu mình bằng chỗ hợp lưu, một bờ cỏ nhấp nhánh cứ dâng lên, dâng lên, dâng lên, cho đến khi cậu bé chứng kiến các tốc độ hỗn tạp ấy bị làm cho nôn mửa ra phần *omelette aux confitures de fraises*¹ của mình.

Tuy nhiên, ban đêm là lúc *Compagnie Internationale des Wagons-Lits et des Grands Express Européens*² sống xứng đáng với ma lực tên nó. Từ trên giường mình, dưới băng em trai (Nó có ngủ không? Nói chung nó có trên đó không?), trong căn buồng tranh tối tranh sáng, tôi ngắm nhìn sự vật, và các phần thuộc sự vật, và bóng tối, và các mảng tối thậm trọng lượn quanh rồi biến vào hư không. Đồ gỗ khe khẽ kêu kẽo kẹt, ken két. Gần cánh cửa dẫn đến toilet, một bộ quần áo lờ mờ trên mắc và, trên cao hơn,

¹ Trứng ốp lết với mứt dâu tây.

² Hãng tàu nằm quốc tế và tàu tốc hành châu Âu.

tua rua của chiếc đèn ngủ vỏ kép màu lam đang đu đưa nhịp nhàng. Thật khó tương liên những tiếp cận lưỡng lự ấy, vẻ lén lút chòm mũ ấy, với sự gấp gáp bất cần của bóng đêm bên ngoài, mà tôi biết *đang* gấp gáp lao qua, vạch các vết sáng, không thể giải đoán.

Tôi cố ép mình ngủ bằng hành động đơn giản là đồng nhất mình với người lái đầu máy. Một cảm giác hạnh phúc lơ mơ lan tỏa khắp các tĩnh mạch tôi ngay khi tôi đã sắp đặt mọi thứ đầu ra đấy — các hành khách vô ưu trong buồng họ đang tận hưởng chuyến đi mà tôi mang đến cho họ, hút thuốc, trao đổi những nụ cười ranh mãnh, gà gât, ngủ lơ mơ; các nhân viên phục vụ, đầu bếp và bảo vệ tàu (những người mà tôi phải đặt đầu đó) đang đánh chén trong toa ăn; còn chính tôi, đeo kính lái và lem luốc, chăm chú nhìn ra ngoài buồng máy về phía đường ray vượt nhọn, về phía điểm ngọc đỏ hoặc ngọc lục bảo ở quãng đường đen kịt đằng xa. Và sau đó, trong giấc ngủ, tôi lại thấy thứ gì đấy khác hẳn — hòn bi ve lăn tròn dưới cây đại dương cầm hoặc chiếc đầu máy đồ chơi nằm nghiêng với những cái bánh vẫn chuyển động một cách can trường.

Sự thay đổi tốc độ tàu đôi khi ngắt mạch ngủ của tôi. Những ánh đèn chậm rãi oai vệ diễu

qua; mỗi cái, lúc đi ngang, lại điều nghiên cũng vẫn khe hở ấy, sau đó, một chiếc com-pa sáng chói lại dò xét bóng tối. Chẳng mấy chốc, đoàn tàu dừng bánh cùng tiếng thở Westinghouse kéo dài. Có thứ gì đó (cặp kính của em trai tôi, như xác định vào hôm sau) rơi từ trên cao xuống. Thật vô cùng hứng thú khi mò xuống cuối giường, cùng phần chăn cuốn theo, để thận trọng tháo then cài màn cửa sổ, dẫu nó chỉ có thể trượt lên được nửa đường, do bị cản lại, trên thực tế, bởi cạnh giường trên.

Như các mặt trăng quanh sao Mộc, lũ bướm đêm nhợt nhạt quay vòng vòng quanh ngọn đèn cô đơn. Một tờ báo tả tơi lật quật trên chiếc ghế băng. Tại nơi nào đấy trên tàu, có thể nghe thấy những tiếng nói bị nghẹt lại, tiếng ho khoan khoái của ai đó. Chẳng có gì đặc biệt thú vị trên phần sân ga trước mặt tôi, vậy mà tôi vẫn không thể dứt mình ra khỏi nó cho đến khi nó tự nguyện rời đi.

Sáng hôm sau, những cánh đồng ẩm ướt với những cây liễu dị hình mọc dọc theo một con mương tỏa nan hoa hay một hàng dương xa xa, bị cắt ngang bởi dải chân trời mù sương trắng sữa, cho ta biết rằng đoàn tàu đang guồng bánh qua nước Bỉ. Nó đến Paris lúc bốn giờ chiều; và thậm chí nếu chỉ lưu lại qua đêm, tôi vẫn luôn có

thời gian để mua thứ gì đó — chẳng hạn như một *Tour Eiffel*¹ nhỏ bằng đồng thau, phủ ngoài khá đại khái bằng sơn bạc — trước khi chúng tôi lên tàu tốc hành Phương Nam lúc mười hai giờ trưa hôm sau, chuyển tàu này, trên đường đi Madrid, đưa chúng tôi, vào khoảng mười giờ đêm, đến ga La Négresse của Biarritz, cách biên giới Tây Ban Nha vài dặm.

II

Hồi ấy, Biarritz vẫn giữ được bản sắc riêng. Những lùm mâm xôi rậm rạp lùm bụi và các *terrains à vendre*² cỏ mọc um tùm viền quanh con lộ dẫn đến biệt thự chúng tôi. Carlton vẫn còn đang được xây. Chừng ba mươi sáu năm phải trôi qua trước khi Thiếu tướng Samuel McCroskey chiếm căn suite hạng hoàng gia của *Hôtel du Palais*, cái khách sạn nằm ở khoảng đất thuộc một cung điện xưa, nơi mà, vào những năm sáu mươi, người ta đồn rằng Daniel Home, ông đồng lanh lợi đến khó tin ấy, đã bị bắt quả tang đang vuốt ve bằng bàn chân trần của mình (để mô phỏng một bàn tay ma) gương mặt tử tế, nhẹ dạ cả tin của Nữ hoàng Eugénie. Trên lối đi

¹ Tháp Ép-phen.

² Mảnh đất đang được rao bán.

đạo gần Sông Bạc, một bà bán hoa luống tuổi, với cặp lông mày than chì và nụ cười tô lức chuốt hồng, nhanh nhẹn cài đế hoa cẩm chướng mồm mĩm vào khuyết áo một người tản bộ ngang qua, hàm trái ông ta làm nổi bật nếp gấp vương giả của nó lúc ông liếc xéo xuống cuộc gài hoa thẹn thùng ấy.

Dọc tuyến sau *plage*¹, đủ loại ghế bãi biển nâng đỡ bố mẹ lữ trẻ đội mũ rơm đang chơi đùa trên cát đằng trước. Có thể thấy tôi đang quỳ trên đầu gối mình và cố gắng làm cho chiếc lược nhật được bốc cháy bằng một cái kính lúp. Những người đàn ông diện những chiếc quần soọc trắng mà với con mắt ngày nay chắc nhìn như thể chúng bị co rút lại một cách tức cười lúc giặt. Các quý bà mang, vào mùa đặc biệt ấy, áo choàng mỏng với ve áo mặt-lụa, mũ có chỏm lớn và vành rộng, mạng trắng thêu dày, áo cánh có diềm xếp nếp đằng trước, diềm xếp cổ tay, diềm xếp trên dù. Làn gió nhẹ làm môi ta mẫn chát. Với tốc độ kinh hoàng, một con bướm lạc màu vàng cam bay vụt qua *plage* rung rinh.

Âm thanh và chuyển động đến thêm nữa từ những người bán rong *cacahuètes*², hoa violet

¹ Bãi tắm.

² Đậu phộng.

quện đường, kem quả hồ trăn màu lục thiên đường, kẹo cao su, những mẫu phồng to của một thứ khô, sạn, tựa như bánh quế, đến từ một cái thùng đỏ. Với sự rõ nét mà không chùng lún nào sau này che mờ nổi, tôi nhìn thấy người bán bánh quế ấy dậm bước tiến qua cát bột sâu, cùng cái thùng tô nô nặng trĩu trên tấm lưng còng. Khi được gọi, y sẽ tuột nó khỏi vai bằng một cú vặn dây đeo, ném phịch nó xuống cát theo tư thế tháp Pisa, lau mặt y bằng tay áo, và tiếp tục thao tác bằng tay một món đồ lắp ráp có mũi tên và vòng quay với những con số trên nắp thùng. Mũi tên kêu ken két và quay vu vu vòng quanh. Vận may sẽ ấn định kích thước chiếc bánh quế giá một xu. Bánh càng to thì tôi càng lấy làm tiếc cho y.

Lễ tắm diễn ra trên phần khác của bãi biển. Các tay bơi chuyên nghiệp, những người Bax-cơ vạm vỡ mặc đồ tắm đen, ở đó để giúp phụ nữ và trẻ em tận hưởng nỗi kinh sợ từ sóng nhào. Một *baigneur*¹ như vậy sẽ đặt bạn quay lưng hướng về cơn sóng đang đến và giữ bạn bằng cách nắm tay bạn lúc ngọn sóng xanh lục vừa dâng lên, xoay khối bọt biển, vừa ập lên bạn từ phía sau, đánh văng đôi chân bạn bằng một cú quất mạnh

¹ Người tắm.

mẽ. Sau cả tá cú ngã ấy, tay *baigneur*, bóng loáng như con hải cẩu, sẽ lại dẫn cái bốn phận phải trông nom, mũi khẹt khẹt ướt, thở hổn hển, run lấy bầy của gã về phía đất liền, tới bãi biển phẳng lì, nơi một bà già không thể quên được với những sợi râu bạc trên cằm đang mau mắn chọn áo choàng tắm từ vài cái treo trên dây phơi quần áo. Trong một cabin an toàn nhỏ, ta sẽ được một nhân viên phục vụ khác nữa giúp lột bỏ bộ đồ tắm ướt đẫm, đặc cát. Nó sẽ rơi bộp xuống ván, và, người vẫn bóng loáng, ta sẽ bước ra khỏi nó, giẫm lên các vạch xanh xanh, khuyếch tán của nó. Cabin tỏa mùi thông. Người phục vụ, một bác gù với những nếp nhăn rạn rờ, bưng đến một chậu nước nóng bốc hơi, mà ta sẽ ngâm chân vào. Tôi được bác ấy cho biết, và giữ mãi từ hồi ấy trong ngăn kính bộ nhớ tôi, rằng “bướm” trong tiếng Bax-cơ là *misericoletea* — hoặc chí ít thì nghe cũng có vẻ như vậy (trong số bảy từ mà tôi tìm thấy ở các cuốn từ điển thì từ gần nhất là *micheletea*).

III

Trên phần nâu hơn và ẩm hơn của bãi tắm, cái phần mà lúc thủy triều xuống thấp sẽ sinh ra thứ bùn tốt nhất cho các lâu đài, tôi thấy mình

đang đào bới, một ngày nọ, vai kề vai với cô bé người Pháp tên là Colette.

Em sẽ lên mười vào tháng Mười một, tôi mới lên mười hồi tháng Tư. Sự chú ý đã bị hút tới mảnh vỏ trai lỏm chớm màu tím mà em giẫm lên bằng gan bàn chân để trần của đôi chân thon ngón dài của mình. Không, tôi không phải người Anh. Cặp mắt em màu lục nhạt điểm những đốm sáng tràn ra từ các đốm tàn nhang bao phủ khuôn mặt sắc nét. Em mặc thứ trang phục mà hiện nay có thể gọi là “đồ bay”, gồm có áo thun xanh lam với tay áo xắn lên và quần soọc dệt kim xanh lam. Thoạt đầu, tôi cứ ngỡ em là con trai, và sau đó bị bối rối bởi chiếc vòng trên cổ tay mảnh mai và những lọn tóc nâu xoắn ốc bung đưa dưới chiếc mũ lính thủy của em.

Em nói líu lo hàng tràng như tiếng chim hót nhanh, pha tiếng Anh gia sư với tiếng Pháp Paris. Hai năm trước, cũng trên *plage* này, tôi từng rất quyến luyến với cô con gái nhỏ đáng yêu, rám nắng của một thầy thuốc người Xéc-bi; nhưng khi gặp Colette, thì tôi biết ngay rằng đây mới là điều có thật. Với tôi, Colette dường như kỳ lạ hơn nhiều so với mọi bạn chơi tình cờ khác tại Biarritz! Không biết làm sao mà tôi lại có cảm giác là em ít hạnh phúc hơn tôi, ít được yêu thương hơn. Một vết thâm tím trên cẳng tay

mảnh khảnh phủ đầy lông tơ của em khơi lên nhiều phỏng đoán dễ sợ. “Nó véo đau y như mẹ,” em bảo, khi nói về một con cua. Tôi lập nhiều mưu kế khác nhau để cứu em khỏi bố mẹ, những kẻ “*des bourgeois de Paris*¹” như tôi nghe lỏm được ai đó kể cho mẹ tôi cùng một cái nhún vai thoáng qua. Tôi diễn dịch thái độ khinh bỉ đó theo cách riêng, do tôi biết là những người ấy đã đi suốt quãng đường từ Paris trong chiếc li-mô-sin xanh-và-vàng của họ (một chuyến phiêu lưu thời thượng hồi ấy) nhưng lại cho Colette đi, một cách buồn tẻ, cùng con chó và nữ gia sư của em, bằng chuyến tàu khách bình thường. Con chó ấy là một con phốc-te-ri-ê giống cái với những cái chuông trên vòng cổ và cái mông ve vẩy rất hăng. Do nổi phẫn chấn thuần khiết, nó liếm nước mặn trào ra từ chiếc xô đồ chơi của Collete. Tôi còn nhớ cánh buồm, buổi hoàng hôn, cùng ngọn hải đăng được vẽ trên chiếc xô ấy, nhưng tôi không thể nhớ lại tên con chó, và điều đó làm tôi day dứt không yên.

Trong thời gian hai tháng lưu lại Biarritz, đam mê tôi dành cho Colette gần như vượt qua đam mê tôi dành cho bướm. Do bố mẹ tôi không thích gặp bố mẹ em, nên tôi chỉ được thấy em

¹ Tư sản Paris.

trên bãi biển; nhưng tôi luôn nghĩ về em. Nếu nhận ra em vừa khóc, thì tôi thấy trong lòng cồn lên nỗi thống khổ bất lực đến nỗi nó làm lệ dâng đến mắt. Tôi không thể diệt bọn muỗi đã để lại các nốt đốt trên cẳng cổ mảnh mai của em, nhưng tôi có thể, và đã từng, đấm tay bo thắng một thằng nhóc tóc đỏ vô lễ với em. Em hay cho tôi một vốc ấm đầy ắp kẹo cứng. Ngày nọ, trong lúc chúng tôi đang cùng nhau cúi xuống một con sao biển, và những lọn tóc quăn của Colette cù vào tai tôi, em bỗng quay về phía tôi và hôn tôi lên má. Tôi xúc động đến nỗi tất cả những gì tôi có thể nghĩ được để thốt lên lời là, “Đồ khỉ con.”

Tôi có một đồng vàng mà tôi định sẽ trả cho cuộc đào tẩu của hai đứa. Tôi muốn đưa em đi đâu nhỉ? Tây Ban Nha? Mỹ? Những ngọn núi trên Pau? *“Là-bas, là-bas, dans la montagne¹,”* như tôi từng nghe Carmen hát tại nhà hát opera. Một đêm kỳ lạ nọ, tôi nằm thức, lắng nghe tiếng biển ầm ì hết đợt này đến đợt khác và lên kế hoạch cho chuyến trốn chạy của hai đứa. Biển dường như dâng cao và dò dẫm trong bóng tối rồi nặng nề đổ sụp lên mặt nó.

Về cuộc đào thoát thật của chúng tôi, thì tôi chẳng có gì nhiều nhận để thuật lại. Trí nhớ tôi

¹ Ở nơi ấy, ở nơi ấy, trên ngọn núi cao.

chỉ còn giữ được loáng thoáng bóng em ngoan ngoãn xỏ chân vào đôi giày vải bạt để cỏi, bên khuất gió của một chiếc lều đang bay phấp phật, trong lúc tôi nhét cây vợt bắt bướm gấp được vào chiếc túi giấy màu nâu. Bóng hình tiếp theo về cảnh lẩn trốn sự truy đuổi bằng cách chui vào một rạp chiếu tối đen như hắc ín gần Sông Bạc (dĩ nhiên thứ đó hoàn toàn nằm ngoài giới hạn). Chúng tôi ngồi đấy, nắm tay nhau ngang qua con chó, nó thỉnh thoảng lại nhẹ nhàng lắc leng keng trong lòng Colette, và được cho xem một trận đấu bò giật giật, lắt phất mưa, nhưng hết sức phấn khích tại *San Sebastián*. Bóng hình cuối cùng thuộc về chính tôi, đang bị gia sư của mình dẫn ra ngoài dọc theo lối đi dạo. Đôi chân dài của ông ấy chuyển động với vẻ gì đó hồ như sự nhanh nhẹn đáng ngại và tôi có thể thấy các cơ hàm của ông đang hoạt động dứt khoát dưới lớp da căng. Thằng em tôi, đeo kính, chín tuổi, mà ông tình cờ đang giữ bằng tay kia, cứ tìm cách chạy lon ton lên trước để ngó tôi với sự hiếu kỳ đầy nể sợ, như con cú nhỏ.

Trong số đồ lưu niệm lặt vặt kiếm được tại Biarritz trước khi rời đi, thứ tôi thích không phải chú bò nhỏ bằng đá đen và cũng không phải cái vỏ ốc biển kêu âm ư mà là món đồ với thời nay có vẻ gần như mang tính biểu tượng —

một chiếc quần bút làm từ đá bọt biển với lỗ soi nhỏ xíu bằng pha lê ở phần trang trí. Ta giữ nó thật sát mắt này, nheo mắt kia lại, và khi ta gạt bỏ được ánh mờ của lông mi chính mình, thì có thể thấy bên trong nó một cảnh huyền diệu chụp vịnh và đường vách đá ngưng lại nơi ngọn hải đăng.

Và giờ đây, một điều thú vị tình cờ xảy ra. Quá trình tái tạo chiếc quần bút cùng thế giới vi mô trong lỗ ngắm của nó đã khuyến khích trí nhớ tôi đến với nỗ lực cuối cùng. Tôi gắng thêm lần nữa để nhớ lại tên con chó của Colette — và, một cách đặc thắng, dọc theo những bãi biển xa xôi ấy, trên cát chiều bóng loáng thời dĩ vãng, nơi từng dấu chân chậm chậm lấp đầy nước hoàng hôn, nó tới đây, nó tới đây, vang vọng và rúng động: Floss, Floss, Floss!

Colette đã quay về Paris lúc chúng tôi lưu lại đó một ngày trước khi tiếp tục hành trình về nhà mình. Và ở nơi đó, trong một công viên nâu vàng dưới bầu trời xanh lam lạnh lẽo, tôi được thấy em (tôi tin là theo dàn xếp giữa những người thầy thông thái của chúng tôi) lần cuối. Em mang một chiếc vòng với cái que ngắn để lái nó theo, mọi thứ quanh em đều hết sức chuẩn mực và thời thượng theo lối *tenue-de-ville-pour-*

*fillettes*¹, hòa hợp cùng mùa thu và Paris. Em lấy từ gia sư mình và giúi vào tay em trai tôi món quà ly biệt, một hộp quả hạnh bọc đường, nghĩa là, tôi biết, cho chỉ mình tôi; ngay sau đó, em đi, vỗ vỗ chiếc vòng lấp lánh xuyên qua ánh sáng và bóng râm, quay quay quanh một đài phun nước nghệt lá khô gần nơi tôi đứng. Những chiếc lá lẫn vào ký ức tôi cùng da giày và găng tay em, và nơi đó còn có, theo tôi nhớ, vài chi tiết ở trang phục em (có lẽ là dải ruy băng trên chiếc mũ Xcốt-len, hoặc hoa văn trên đôi tất) mà hồi ấy nhắc tôi nghĩ đến xoắn ốc cầu vồng trong hòn bi ve. Tôi dường như vẫn đang giữ dải ngũ sắc ấy, mà không biết đích xác phải nhét nó vào đâu, trong khi em cùng chiếc vòng của mình chạy quanh tôi càng lúc càng nhanh và cuối cùng thì tan biến giữa những chiếc bóng thon gầy được buông trên lối đi rải sỏi bởi các cung tròn đan nhau của hàng rào thấp lượn sóng.

¹ Trang phục dạo phố của bé gái.

Cơn giông

Nơi góc phố, dưới vòm hoa đoan, một mùi hương ngào ngạt quẩn lấy tôi. Những tầng sương mù mờ sộ dâng lên trên trời đêm, và khi khoảnh sao cuối cùng bị nuốt chửng, thì ngọn gió mù lòa, che mặt bằng tay áo, lùa thấp theo phố vắng. Trong bóng tối nhập nhoạng, trên cánh cửa sắt của tiệm cắt tóc, một chiếc khiên treo — chiếc thau vàng — chao như quả lắc.

Về đến nhà, tôi bắt gặp ngọn gió đã đợi trong phòng: nó sập mạnh khung cửa sổ — và vội vã thốc ngược lại khi tôi khép cánh cửa sau lưng mình. Dưới cửa sổ phòng tôi có cái sân

trong sâu hun hút, nơi đó, ban ngày, những chiếc sơ mi, bị đóng đinh trên các dây phơi rực nắng, tỏa sáng xuyên qua các bụi tử đinh hương, và từ dưới ấy thỉnh thoảng lại vọng lên những tiếng sủa sào muộu — giọng mấy người thu mua đồng nát ve chai; — ừ-ừ, — cây vĩ cầm tàn tật nức nở; và, có lần, một phụ nữ tóc vàng béo ú tới, đứng ngay giữa sân, hát hay đến nỗi các cô hầu, cúi cần cổ trần, nhòai cả người ra ngoài mọi cửa sổ, — sau đó, khi chị ta ngưng hát, mọi thứ trở nên yên lặng khác thường; — chỉ nghe tiếng bà chủ nhà tôi, một mụ góa lồi thối, đang thốn thức hỉ mũi trong hành lang.

Giờ thì dưới ấy, màn sương u ám ngọt ngào đương trương lên, — nhưng kìa, ngọn gió mù lòa, vừa bơ vơ luồn xuống đáy sâu, lại bắt đầu rướn lên trời, — và đột nhiên — nó sáng mắt ra, lao vút lên và, trong những hố sâu màu hổ phách bên bức tường đen ngòm đối diện, những bóng tay và bóng tóc tắt tả tới lui, bắt lại các khung cửa bay, sầm sập đóng chặt cửa sổ. Các cửa sổ vụt tắt. Và lập tức, trong màn đêm tím thẫm, một tràng âm thanh trầm đục, tiếng sấm xa, bắt đầu vỡ ra, lan rộng. Rồi mọi thứ lại lặng đi, như lúc chị hành khất ngừng hát, siết chặt tay lên bộ ngực đầy.

Tôi thiếp đi trong sự yên ả ấy, lử lả vì vui, một niềm vui mà tôi chẳng thể viết thành lời, — và giấc mơ tôi chan chứa bóng hình em.

Tôi bừng tỉnh vì đêm vỡ vụn. Ánh lấp lánh nhợt nhạt, cuồng dại bay ngang bầu trời, tựa chớp hồi quang của chiếc nan hoa vĩ đại. Hết tiếng sét này đến tiếng sét khác xé toạc bầu trời. Mưa rơi rào rạt nơi nơi.

Tôi say những rung động xanh nhờ ấy, cái lạnh nhẹ buốt ấy. Tôi bước lên bậc cửa sổ ướt đẫm, hít không khí siêu phàm, nó làm tim tôi ngân lên, như kính.

Càng lúc càng gần hơn, càng lúc càng kỳ vĩ hơn, cổ mã xa của nhà tiên tri rền vang theo những áng mây. Ánh sáng của sự điên rồ, của những ảo cảnh nhức mắt, rọi tỏ cõi đêm, những mái dốc kim loại, những bụi tử đinh hương cuống cuồng chạy trốn. Thần sấm, một ông khổng lồ tóc bạc, với bộ râu bão táp bị gió vất ngược qua vai, mặc bộ lễ phục phấp phới chói ngời, đứng, ngả người về phía sau, trong cổ mã xa ngùn ngụt cháy của mình, gồng tay ghìm lũ chiến mã khổng lồ, lông đen huyền, bờm rực lửa tím. Chúng lao vùn vụt, chúng phì bọt lóng lánh đi ùng, cổ mã xa nghiêng ngả, và nhà tiên tri bối rối ghì dây cương mà chẳng ăn thua. Gương

mặt ông bị méo đi bởi gió và sự căng thẳng; cơn lốc, thổi tung các nếp lễ phục, lật trần đầu gối vạm vỡ, — lũ chiến mã, tung bồm rục lửa, bay — mỗi lúc mỗi hăng — thấp dần, thấp dần theo những áng mây. Và đây, với những tiếng sấm ầm ì, chúng tung vó qua một nóc nhà sáng bóng, cổ mã xa liệng đi, Elijah loạng choạng, và lũ chiến mã, điên lên bởi đụng phải chất kim loại phàm trần, nhào ngược lên trời. Nhà tiên tri bị quăng ra ngoài. Một bánh xe văng đi. Từ cửa sổ nhà mình, tôi thấy cái vành khổng lồ rục lửa của nó lăn theo mái nhà, chệch choạng tại bờ mái, và nhảy vào bóng tối lò mờ. Còn lũ chiến mã, kéo lê theo chúng cổ mã xa bị lật nhào, nảy tung tung, đã bay nhanh theo những áng mây cao ngất; tiếng rầm rầm tắt dần, và ngọn lửa giông lụi tàn trong những vực thẳm tím than.

Thần sấm, vừa rơi lên mái, nặng nề đứng dậy, đôi xăng-đan của ông trượt đi; ông đập chân vỡ cửa tò vò mái nhà, càu nhàu, khoát tay túm lấy ống khói. Chầm chậm quay gương mặt tối sầm lại, ông đưa mắt tìm kiếm thứ gì đó — hẳn là chiếc bánh xe vừa bung khỏi cái trục vàng. Sau đó ông ngược lên, các ngón tay túm chặt bộ râu rối, cúi kính lắc đầu — chắc đây không phải lần đầu chuyện ấy xảy ra — và, hơi tập tễnh, bắt đầu thận trọng leo xuống dưới.

Rời cửa sổ, hấp tấp và hồi hộp, tôi khoác áo choàng và chạy xuống chiếc thang dốc dẫn thẳng đến sân trong. Con giông đã qua, nhưng trời còn lất phất mưa. Phương đông ửng màu xanh tái tuyệt đẹp.

Cái sân trong, nhìn từ trên cao như thể chìm trong bóng tối đặc quánh, thực ra ngập màn sương mỏng đang tan. Giữa sân, trên bãi cỏ thẫm màu vì ẩm ướt, một ông già gầy guộc, lưng còng vai xo, mặc chiếc áo thun đẫm nước mưa, đứng lăm bắm nói gì đó và nhìn quanh. Trông thấy tôi, ông giận dữ nháy mắt:

— Là người hả, Elisha?

Tôi cúi đầu. Nhà tiên tri chắc lừa, xoa xoa lòng bàn tay lên chỗ hói nâu nâu.

— Rót đâu cái bánh. Tìm cho ta đi.

Mưa đã tạnh. Trên nóc nhà, những đám mây đồ sộ bùng bùng cháy. Xung quanh, trong không trung xanh mờ ngái ngủ, các bụi cây, hàng rào, cái cũi chó lấp lánh lững lờ trôi. Chúng tôi mò mẫm tìm rất lâu khắp các xó xỉnh. Ông già luôn miệng càu nhàu, nâng gấu áo nặng trĩu, lộ đôi xăng-đan mòn vẹt lồm bồm qua các vũng nước mưa, và trên đầu cái mũi to, xương xẩu của ông treo một giọt nước lấp lánh. Gạt nhánh tử đinh hương thấp lè tè, tôi chợt để ý thấy, trên

đồng rác, giữa kính vỡ, một bánh sắt mỏng, chắc là từ cái xe nôl trẻ con nào đó, ông già thở phào nòng ồm ngay trên tai tôi và hấp tấp, thậm chí hơi thô bạo đẩy tôi qua bên, chộp cái vành han gỉ ấy nhấc lên. Ông nháy mắt vui vẻ bảo tôi,

— Thì ra là lặn vào đây...

Rồi ông chăm chăm nhìn tôi, nhúu cặp mày bạc, — và như thể chợt nhớ ra điều gì đó, oai nghiêm nói:

— Quay mặt đi nào, Elisha.

Tôi vâng lời. Thậm chí còn nheo mắt lại. Đứng như vậy được chừng một phút, — và không giữ được lâu hơn.

Sân vắng tanh. Chỉ có con chó già lông xù với cái mõm bạc màu thò đầu ra khỏi cũi và, giống như người, ngược đôi mắt nâu sẫm đầy vẻ sợ hãi nhìn lên. Tôi ngẩng đầu. Elijah đã leo lên mái nhà, chiếc vành sắt sáng lò mờ sau lưng ông. Trên những ống khói đen, một ráng mây sừng sững hiện lên như rặng núi loăn xoăn vàng cam, và sau nó là ráng thứ hai, thứ ba. Tôi và con chó im bất ấy đăm đăm dõi theo nhà tiên tri, vừa leo đến đỉnh nóc nhà, bình tĩnh và thong thả đặt chân lên mây và tiếp tục trèo lên trên, nặng nề bước theo ngọn lửa dịu êm.

Nắng rơi vào bánh xe của ông, nó lập tức biến thành chiếc vòng vàng khổng lồ, — và chính Elijah dường như lúc này cũng mặc bộ lễ phục lửa, hoà mình với những ráng mây thiên đường ấy, bước mỗi lúc mỗi cao hơn, cao hơn nữa, cho đến khi biến vào lưng trời rực cháy.

Chỉ đến lúc đó thì con chó già mới cất tiếng sủa khàn khàn ban mai, — và những gợn sóng lăn tăn trên bề mặt sáng chói của vũng nước mưa; làn gió hiu hiu lay động các cây phong lữ đỏ thắm trên ban công, đôi ba cửa sổ tỉnh giấc nồng, — và tôi chạy ra ngoài phố, chân đi đôi dép ngủ kẻ ô ướt sũng, người mặc chiếc áo choàng phai màu, bắt kịp chiếc tàu điện ngái ngủ đầu tiên, vừa chạy vừa khép vạt áo, và vừa cười hoài, vừa hình dung, chỉ lát nữa thôi là sẽ tới nhà em và kể em nghe về vụ tai nạn trời đêm ấy, về nhà tiên tri già cái kính ấy, vừa rơi xuống khoảng sân nhỏ của tôi.

Mưa Phục sinh

Hôm ấy, một phụ nữ Thụy Sĩ cô đơn lớn tuổi tên là Joséphine, hay Josefina Lvovna, như người ta vẫn gọi bà trong một gia đình Nga, nơi xưa kia bà từng sống mười hai năm, mua nửa tá trứng, một cây bút lông đen với hai nút màu nước đỏ son. Hôm ấy, những cây táo đương nở hoa, tấm áp phích quảng cáo phim tại góc phố in ngược bóng trong vũng nước phẳng lặng, và, vào buổi sáng, những ngọn núi xa xa sau hồ Léman bị phủ kín bởi màn sương dày mượt mà, tựa lớp giấy thông thảo đục mờ vẫn che tranh khắc trong sách quý. Màn sương hứa hẹn một ngày đẹp trời, nhưng vàng dương vừa lướt trên những mái nhà đá nhỏ liêu

xiêu, trên đường dây ẩm ướt của chiếc tàu điện đồ chơi, và lại tan biến trong sương mù; ngày hóa bình yên, vẩn mây xuân, song, đến xế chiều, một cơn gió lạnh, nặng, thổi hiu hiu từ trên núi, và Joséphine, trên đường về nhà mình, ho đến nỗi loạn choạng ngay cửa, đỏ ửng, nghiêng người trên cây dù cuộn chặt, mảnh, như chiếc ba-toong đen.

Trong phòng đã tối. Khi bà bật đèn, nó soi sáng đôi tay bà — một đôi tay gầy, bọc lớp da căng bóng, lốm đốm tàn nhang tuổi tác với các vết trắng trên móng.

Joséphine bày các thứ đã mua lên bàn, ném bành-tô với mũ lên giường, rót nước vào cốc và, đeo cặp kính kẹp mũi gọng đen, — khiến đôi mắt xám sẫm của bà thành ra nghiêm nghị dưới cặp mày rậm tang tóc, mọc giao nhau nơi gốc mũi, — bắt đầu vẽ trướng. Nhưng, chẳng hiểu sao mà thứ màu nước đỏ son ấy hóa ra lại không ăn, có lẽ phải đi mua loại sơn hóa học nào đó khác, mà bà cũng chẳng biết hỏi thế nào, ngại phải giải thích. Bà nghĩ: hay là đến tiệm thuốc quen nào đó, tiện thể lấy aspirin luôn. Người uế oải làm sao, đôi nhăn cầu nhưc buốt vì sốt; những muốn lặng lẽ ngồi, lặng lẽ suy tư. Hôm nay là Thứ Bảy Tuần Thánh của người Nga.

Thuở xưa, những kẻ rách rưới vẫn bán rong trên đại lộ Nevski các chiếc kẹp loại đặc biệt. Những chiếc kẹp này rất tiện cho việc gấp và kéo trứng ra khỏi chất lỏng nóng, màu xanh thẫm hay da cam. Nhưng cũng có cả các thìa gỗ nữa; chúng va nhẹ và khít với thủy tinh dày của những chiếc bình, mà trong ấy thuốc nhuộm đang bốc khói hăng hăng. Sau đó, các quả trứng được để ráo thành từng đồng — đỏ với đỏ, xanh với xanh. Họ còn tô màu chúng bằng cách khác nữa: gói chặt chúng vào các miếng vải, lót giấy đề can giống mẫu giấy dán tường. Và sau khi luộc, lúc gia nhân mang một cái xoong khổng lồ lại từ bếp, mới vui làm sao khi được gỡ dây, lấy các quả trứng lốm đốm, vân cẩm thạch ra khỏi các miếng vải ẩm và ẩm, từ chúng bốc lên một làn hơi mong manh, đượm mùi con trẻ.

Người đàn bà Thụy Sĩ già ấy thấy lạ khi nhớ lại rằng, hồi còn sống ở Nga, bà từng rất nhớ quê, từng gửi về quê, cho bạn bè, những bức thư dài, sâu muện, được viết tuyệt hay về việc bà luôn cảm thấy mình thừa thãi, bị hiểu lầm. Ngày ngày, sau bữa sáng, bà hay đi dạo với cô học trò Hélène trên một cỗ len-đô mui mở rất rộng; và bên cạnh cặp móng to của bác xà ích, nhìn như quả bí xanh khổng lồ, là tấm lưng còng xuống của một người hầu già, — nút vàng, phù hiệu. Và

những từ tiếng Nga duy nhất bà biết là: *kutcher, tish-tish, nichevo*¹.

Bà rời Petersburg với cảm giác nhẹ nhõm mơ hồ, — chiến tranh vừa mới bắt đầu. Bà nghĩ, từ giờ bà sẽ tận hưởng bất tận các cuộc chuyện phiếm chiều chiều với bạn bè, cùng sự đầm ấm của thị trấn quê hương. Nhưng thực tế hóa ra ngược lại hoàn toàn: cuộc đời thật của bà — nghĩa là cái phần đời, lúc con người quyến luyến sâu sắc hơn cả với vạn vật và tha nhân, — đã trôi qua nơi đó, ở Nga, đất nước mà bà hiểu và yêu một cách vô thức, và cũng là nơi mà hiện nay chỉ có Chúa mới biết đang diễn ra những chuyện gì... Mà ngày mai là lễ Phục sinh Chính Thống Giáo.

Joséphine thở dài rõ to, đứng dậy, khép cửa sổ chặt hơn. Bà nhìn chiếc đồng hồ, — đen, đeo dây niken. Dẫu sao thì cũng phải làm gì đó với các quả trứng này. Bà định đem chúng tặng vợ chồng nhà Platonov, một cặp đôi lớn tuổi người Nga, mới định cư tại Lausanne, một thị trấn vừa thân thuộc vừa xa lạ với bà, một nơi rất khó thở, một nơi mà các ngôi nhà được xây ngẫu nhiên,

¹ Nguyên bản tiếng Nga: кутчер, тиш-тиш, нитчего... (xà ích, suyt-suyt, tầm tạm), tất cả đều bị phát âm sai.

lộn xộn, hỗn loạn, dọc theo các con phố dốc, góc cạnh.

Bà vừa ngẫm nghĩ, vừa lắng nghe tiếng vo ve trong tai, rồi rung mình bừng tỉnh, rót lọ mực tím vào một bình thiếc và thận trọng đặt trứng vào trong đó.

Cửa lặng lẽ mở. Bà hàng xóm Finard bước vào, êm như chuột — cũng là nữ gia sư, — nhỏ, gầy, với mái tóc cắt ngắn, bạc trắng, trùm kín trong chiếc khăn san đen, óng ánh hạt thủy tinh. Joséphine, nghe thấy những bước chân chuột của khách, lúng túng đập tờ báo lên cái hộp và các quả trứng đang khô trên giấy thấm.

— Bà cần gì vậy? Tôi không thích mọi người vào chỗ tôi như thế đâu.

Bà Finard liếc xéo về phía gương mặt lo lắng của Joséphine, chẳng nói chẳng rằng, nhưng tổn thương sâu sắc, và, lặng thinh, cũng bằng kiểu đi lú lú như vậy, ra khỏi phòng.

Các quả trứng lúc này đã chuyển màu tím độc. Trên một quả chưa được vẽ, bà quyết định biên hai chữ viết tắt của một câu chúc Phục sinh¹, như người ta luôn làm ở Nga. Chữ cái đầu

¹ XB là hai chữ viết tắt câu chúc tiếng Nga: Христос Воскресе! (Đức Giê-su đã phục sinh!)

tiên, “X”, được bà vẽ rất khéo, — nhưng chữ thứ hai thì bà lại không thể nào nhớ chính xác, rốt cuộc, thay vì chữ “B” là chữ “Я” cong queo kỳ quái. Khi mực đã khô hẳn, bà gói trứng vào mảnh giấy vệ sinh mềm và xếp chúng vào chiếc túi da của mình.

Nhưng sự uể oải mới giày vò làm sao... Muốn nằm trên giường, uống cà phê nóng, vuốt chân... ngây ngất sốt, nhoi nhói mi... Và khi bà ra phố, tiếng ho khan khò khè lại dâng lên họng. Trong sân vắng, ẩm và tối. Nhà Platonov sống cách đó không xa. Họ ngồi bên bàn trà, và Platonov, đầu hói, râu thưa, bận áo cánh vải xéc cổ lệch¹, đương nhồi thuốc lá vàng vào giấy quấn thuốc khi Joséphine gõ cửa bằng núm dù và bước vào.

— Ồ, xin chào, Mademoiselle²...

Bà ngồi bên họ, và bắt đầu nói chuyện rất vô duyên về việc mai là Lễ Phục sinh Nga. Bà lấy từng quả trứng tím ra khỏi túi. Platonov để ý thấy quả có các chữ “X Я” màu hoa tử đinh hương và cười phá lên.

¹ Một loại trang phục truyền thống của Nga, với hàng cúc lệch qua một bên chứ không nằm chính giữa.

² Từ tiếng Pháp, thường dùng để xưng hô với phụ nữ chưa chồng.

— Bà ấy vẽ vờ những chữ Do Thái viết tắt này lên đó làm gì vậy...

Vợ ông ta, một phụ nữ đầy đà có đôi mắt phỉn muộn, đôi tóc giả vàng rơm, cười phớt; bắt đầu hờ hững cảm ơn, kéo dài các nguyên âm tiếng Pháp. Joséphine không hiểu tại sao họ lại cười. Bà thấy nóng và buồn. Bà lại lên tiếng; và cảm thấy, rằng mình đang nói hoàn toàn lạc điệu, — nhưng không thể dừng lại:

— Vâng, lúc này ở Nga chẳng có Lễ Phục sinh... Thương thay, nước Nga. Ôi, tôi vẫn nhớ, người ta hôn nhau ngoài phố thế nào. Còn cô bé Hélène của tôi hôm ấy nhìn như thiên thần... Ôi, tôi hay khóc suốt đêm, mỗi khi nghĩ về tổ quốc tuyệt vời của ông bà.

Vợ chồng Platonov luôn thấy khó chịu với các cuộc nói chuyện kiểu này. Như những người giàu sa cơ lỡ vận thường giấu cảnh khốn cùng của mình, và thành ra lại còn kiêu hãnh hơn, kênh kiệu hơn, họ cũng không bao giờ bàn luận với người lạ về quê hương đã mất, và vì thế cho nên Joséphine thầm nghĩ, rằng họ chẳng hề yêu nước Nga. Thường những khi bà ghé thăm họ, bà luôn cảm thấy rằng, giả dụ bà bắt đầu nói, với đôi mắt đắm lệ, về nước Nga tuyệt vời ấy, thì vợ chồng Platonov sẽ bật khóc và cũng bắt đầu nhớ

nhung, kể lể, và ba người bọn họ sẽ ngồi suốt đêm, nhớ nhung, than khóc, nắm chặt tay nhau.

Nhưng trong thực tế, điều này chẳng bao giờ diễn ra... Platonov lịch thiệp và dừng dừng gật gật râu, còn vợ ông cứ gắng hỏi xem mua trà với xà phòng ở đâu cho rẻ hơn.

Platonov lại bắt đầu nhồi thuốc lá; vợ ông xếp chúng đều chắn chắn vào một hộp bìa cứng. Cả hai người bọn họ đã tính ngả lưng đến lúc đi lễ Vọng — ở thánh đường Hy Lạp sau góc phố... Họ muốn im lặng, nghĩ những ý nghĩ riêng tư, nói chỉ bằng ánh mắt và nụ cười đặc biệt, dường như lơ đãng, về cậu con trai bị giết ở Crimea, về những chuyện linh tinh dịp lễ Phục sinh, về thánh đường gần nhà trên phố Pochtamskaya, mà nay, mù già suốt mướt lắm lời có cặp mắt xám sẫm bất an này lại đến chơi, thở ngắn than dài, và sẽ ngồi vậy cho đến lúc mà chính họ tự ra khỏi nhà.

Joséphine lặng thinh: thiết tha mong mọi về chuyện, không chừng họ lại mời bà cùng đi đến thánh đường, sau đó — cùng ăn bữa xả chay. Bà biết là hôm trước nhà Platonov vừa nướng bánh Phục sinh, và mặc dù bà dĩ nhiên là chưa thể ăn được, vì đương sốt quá, — nhưng dầu sao, —

được thế thì thật dễ chịu, ấm áp, hoan hỉ làm sao.

Platonov nghiêng rằng trèo trẹo, cổ nén ngáp, và lén nhìn cổ tay mình, nhìn mặt đồng hồ dưới tấm lưới nhỏ. Joséphine hiểu ra rằng họ sẽ không rủ mình. Bà đứng dậy.

— Các bạn quý của tôi ơi, hai người cần nghỉ ngơi một lát. Nhưng trước khi đi, tôi muốn nói với các bạn đôi điều...

Và, đến gần Platonov, người cũng vừa đứng dậy, — bà reo lên sang sảng và sai giọng:

— Đức Giê-su đã phục sinh.

Đó là hy vọng cuối cùng của bà nhằm khơi bùng lên những giọt lệ nóng ngọt ngào, những nụ hôn Phục sinh, lời mời cùng dùng bữa xá chay... nhưng Platonov chỉ ưỡn thẳng vai và cười khẽ.

— Đấy, thấy chưa, thưa Mademoiselle, bà phát âm tiếng Nga rất hay.

Lúc ra ngoài phố, bà khóc nức nở, và vừa đi, vừa chấm khăn lên mắt, hơi loạn choạng, gõ cây dù lụa giống hệt ba-toong lên vỉa hè. Bầu trời thăm thẳm bất an: trắng mờ, mây hoang phế. Gần một rạp xi-nê sáng đèn, đôi bàn chân vắn chéo của Chaplin tóc xoăn soi xuống vũng

nước. Và khi Joséphine đi dưới hàng cây huyền não, khóc than ven con hồ tựa bức thành sương, thì bà thấy: một ngọn đèn ngọc lục bảo tỏa sáng mờ hồ trên bờ đập chắn sóng nhỏ và có thứ gì đó lớn, trắng, vừa leo vào chiếc thuyền đen đang vỗ ì oạp dưới kia. Bà chăm chú nhìn qua nước mắt: một con thiên nga già khổng lồ vươn mình lên, đập cánh, và kìa, vụng về, như ngỗng, nặng nhọc đi lạch bạch qua mạn thuyền; chiếc thuyền đu đưa, các vòng xanh lục đập dờn trên mặt nước đen như dầu, hòa dần vào sương mù.

Joséphine đắn đo — tuy vậy, có nên đến thánh đường hay không? Nhưng chuyện là ở Petersburg, bà chỉ từng ghé một nhà thờ đồ thuộc giáo phái Luther, nằm cuối phố Morskaya, thành thử bây giờ mà vào thánh đường Chính Thống Giáo thì thật hổ thẹn, bà chẳng biết, khi nào thì làm dấu thánh, gập ngón tay ra làm sao, — người ta có thể sẽ phê bình. Người ngấm lạnh. Trong đầu rối tung những xào xạc, những tiếng cây lệt xệt, những đám mây đen, — cùng những hoài niệm Phục sinh — các núi trừng muôn màu, vẻ lộng lẫy sạm đen của nhà thờ chính tòa Thánh Isaac... Lơ mơ, ngầy ngật, bà chật vật lấm mới lần về được đến nhà, vừa lên cầu thang, vừa quệt vai vào tường, — sau đó, chệnh choạng, răng đánh lập cập, bắt đầu cời

quần áo, thả lỏng, — và với một nụ cười khoan khoái, rất đổi ngạc nhiên, buông mình xuống giường. Con mê sáng, sục sôi, mạnh mẽ, như hơi thở chuông thánh đường, xâm chiếm bà. Những núi trứng muôn màu đổ tung tóe cùng những tiếng lóc cóc tròn trịa; hoặc mặt trời, hoặc con cừu làm bằng bơ, với cặp sừng vàng, xộc vào qua cửa sổ và bắt đầu phình lên, lấp đầy cả phòng bằng màu vàng nóng. Còn các quả trứng chạy lên, lăn xuống theo các tấm ván nhỏ lóng lánh, va vào nhau, vỡ rạn nứt, — và trên lòng trắng vương các vết ố đỏ thắm...

Bà mê sáng như vậy cả đêm, chỉ đến sáng thì mục Finard hãy-còn-hồn-giận mới đến chỗ bà — rồi la lên, hoảng hốt, chạy đi tìm bác sỹ:

— Viêm phổi thùy, thưa Mademoiselle.

Qua sóng mê, thấp thoáng: hoa giấy dán tường, mái tóc bạc của bà già, đôi mắt điềm tĩnh của bác sỹ, — thấp thoáng và nhòe nhoẹt, — và tiếng rì rào xao xuyến hạnh phúc lại chiếm lấy hồn bà, bầu trời xanh cổ tích, như quả trứng vẽ vĩ đại, các quả chuông nổi sấm, có ai đó bước vào, nhìn hao hao Platonov, hoặc không chừng là cha của Hélène, — và, khi vào rồi, ông ta mở tờ báo ra, đặt nó lên bàn, còn mình ngồi ra xa — và nhìn lúc thì vào Joséphine, lúc thì vào những

tờ giấy trắng, với nụ cười đầy ý nghĩa, khiêm nhường, hơi ranh mãnh. Và Joséphine biết, rằng ở đó, trong tờ báo ấy, có tin tức nào đấy rất tuyệt, nhưng không thể, không biết làm sao mà giải được dòng tiêu đề đen, các chữ cái tiếng Nga, — còn vị khách thì cứ cười và nhìn bà đầy ngụ ý, có vẻ như sắp để lộ bí mật cho bà, xác nhận niềm hạnh phúc mà bà linh cảm, — nhưng người ấy từ từ tan biến, sự vô thức tự lại như đám mây đen...

Sau đó, những giấc mộng mê sảng muôn màu lại đến, cổ len-đô lẫn bánh dọc bờ kè, Hélène tót thuốc màu sáng và nóng từ thìa gỗ, dòng Neva tỏa sáng menh mông, và Sa hoàng Peter bỗng nhảy xuống khỏi lưng con ngựa đồng đang hạ cùng lúc cả đôi móng guốc trước xuống, tiến đến gần Joséphine cùng nụ cười trên gương mặt sóng gió xanh lục, ôm bà, hôn lên má này, rồi má kia, đôi môi ông mềm, ấm, — đến khi ông chạm vào má bà lần thứ ba, thì bà run rẩy, rên lên vì hạnh phúc, dang rộng đôi tay — và bỗng lặng đi.

Sáng sớm ngày lâm bệnh thứ sáu, sau cơn nguy kịch, Joséphine tỉnh lại. Bầu trời trắng lấp lánh trong cửa sổ, cơn mưa thẳng đứng trôi lao xao, rì rào theo máng xối.

Một nhánh cây ướt vươn ngang kính, chiếc lá đầu cành cứ rung mình dưới những tiếng mưa, uốn cong, buông một giọt nước to rơi khỏi chóp mũi xanh lục, rung mình lần nữa, một tia ẩm lại lặn xuôi, và một hoa tai sáng, dài, lại treo lơ lửng rồi sa xuống.

Và Joséphine thấy như thể hơi mưa mát lạnh đang chảy theo huyết mạch mình, bà không sao rời được mắt khỏi bầu trời rờn rờn ấy — còn cơn mưa phập phồng, ngậy ngất ấy mới dễ chịu làm sao, chiếc lá rung mình mới thương làm sao, đến nỗi bà muốn cười phá lên, tiếng cười chất chứa trong bà, — nhưng nó hãy còn thâm lặng, lan tỏa khắp người, khiến vòm miệng ngứa râm ran — và sắp bật ra ngay bây giờ...

Có gì đó quờ quạng và thờ dài, bên trái, trong góc phòng... Vừa run hết người vì cơn cười đang lên trong mình, bà vừa đưa mắt rời cửa sổ và quay mặt lại: một bà cụ choàng khăn san đen đang nằm sắp trên sàn, mái tóc bạc cắt ngắn lắc lắc giập dỗi, bà ấy cựa quậy, thọc tay vào dưới gầm tủ com-mốt, nơi cuộn len lăn vào. Sợi len đen kéo từ dưới gầm tủ đến chiếc ghế, nơi còn đôi kim đan với chiếc tất đan dở.

Và, khi nhìn thấy tấm lưng đen của bà Finard, đôi chân cựa quậy, đôi giày cài khuy, —

Joséphine bật cười phá lên, lắc lư, kêu gừ gừ và thở hổn hển, dưới cái chăn bông của mình, và cảm thấy, rằng mình vừa cải tử hoàn sinh, rằng mình vừa quay về từ chốn xa, từ màn sương hạnh phúc, diệu kỳ, huy hoàng của lễ Phục sinh.

Berlin, 1925

Các truyện ngắn của Vladimir Nabokov

- *The Wood-Sprite*¹
- Russian Spoken Here
- Sounds
- Wingstroke
- Gods
- A Matter of Chance
- The Seaport
- Revenge
- Beneficence
- Details of A Sunset
- *The Thunderstorm*
- La Veneziana
- Bachmann
- The Dragon
- *Christmas*
- *A Letter that Never Reached Russia*

¹ In nghiêng là các truyện có trong quyển này.

VLADIMIR NABOKOV

- *The Fight*
- The Return of Chorb
- *A Guide to Berlin*
- *A Nursery Tale*
- Terror
- *Razor*
- *The Passenger*
- The Doorbell
- An Affair of Honor
- The Christmas Story
- The Potato Elf
- The Aurelian
- A Dashing Fellow
- A Bad Day
- The Visit to the Museum
- A Busy Man
- Terra Incognita
- The Reunion
- Lips to Lips
- Orache
- Music
- Perfection

VLADIMIR NABOKOV

- The Admiralty Spire
- The Leonardo
- In Memory of L. I. Shigaev
- The Circle
- *A Russian Beauty*
- *Breaking the News*
- Torpid Smoke
- *Recruiting*
- A Slice of Life
- Spring in Fialta
- Cloud, Castle, Lake
- Tyrants Destroyed
- Lik
- Mademoiselle O
- Vasiliy Shishkov
- Ultima Thule
- Solus Rex
- The Assistant Producer
- "That in Aleppo Once..."
- A Forgotten Poet
- Time and Ebb
- Conversation Piece, 1945

VLADIMIR NABOKOV

- *Signs and Symbols*
- *First Love*
- *Scenes from the Life of a Double
Monster*
- *The Vane Sisters*
- *Lance*
- *Easter Rain*
- *The Word*
- *Natasha*

Các tiểu thuyết tiếng Anh của Vladimir Nabokov

- The Real Life of Sebastian Knight
- Bend Sinister
- Lolita
- Pnin
- Pale Fire
- Ada or Ardor: A Family Chronicle
- Transparent Things
- Look at the Harlequins!
- The Original of Laura

Mục Lục

Lời người dịch	5
Dấu hiệu và Biểu hiệu	9
Ma Cây	22
Lễ Giáng sinh	29
Lá thư đến nước Nga	41
Cuộc ẩu đả	49
Cắm nang du ngoạn Berlin	61
Một truyện đồng thoại	73
Dao Cạo	101
Hành khách	109
Mỹ nhân Nga	121
Báo tin	131
Chiêu mộ	144
Cảnh đời một quái vật kép	155
Chị em nhà Vane	173
Mối tình đầu	203
Cơn giông	221
Mưa Phục sinh	228

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
18 Nguyễn Trường Tộ — Ba Đình — Hà Nội
Điện thoại: 04.37161518 — 04.37163409
Fax: 04.38294781
Website: www.nxbvanhoc.com — www.nxbvanhoc.vn
Email: tonghopvanhoc@vnn.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
290/20 Nam Kỳ Khởi Nghĩa — Quận 3
Điện thoại: 08.38469858
Fax: 08.38483481

Văn phòng đại diện tại Thành phố Đà Nẵng
580 đường Núi Thành — Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: 0511.3797709

MỸ NHÂN NGÀ
Tổng tập truyện ngắn Nabokov
Quyển I

Chịu trách nhiệm xuất bản
NGUYỄN ANH VŨ
Chịu trách nhiệm nội dung
TS. LA KIM LIÊN

Biên tập: Nguyễn Phương Thùy
Sửa bản in: Vũ Thái Hà
Tranh bìa: Trương Tiến Trà
Thiết kế bìa: Dương Nam Thuật
Trình bày: ZENBOOK

In 2.000 cuốn, khổ 12,5 x 21 cm tại Công ty TNHH MTV In Báo Nhân dân
Địa chỉ: D20/532P Ấp 4, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, Tp. HCM.
Số ĐKXB: 2017-2016/CXBIPH/14-125/VH, cấp ngày 23/06/2016
Số quyết định xuất bản: 1294/QĐ-VH, cấp ngày 11/07/2016
ISBN: 978-604-69-9059-8
In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2016

Mũi tên nào bay mãi? - Mũi tên trúng mục tiêu.

Vladimir Nabokov

MỸ
NHÂN
NGA

Các thế kỷ sẽ trôi qua,
- học sinh sẽ chán ngấy
lịch sử những chấn động của chúng ta,
- tất cả sẽ qua đi, tất cả sẽ qua đi,
song
hạnh phúc của tôi,
bạn yêu ơi,
hạnh phúc của tôi sẽ còn mãi,
- trong ánh đèn đường ẩm ướt,
trong chỗ ngoặt cẩn thận
của cái cầu thang đá
dốc xuống con kênh nước đen,
trong nụ cười một đôi khiêu vũ,
trong mọi thứ
mà Chúa
hào phóng bao bọc
quanh sự cô đơn của con người.

MỸ NHÂN NGÀ
ISBN: 978-604-699-059-8